

# Chuyện Vui, Chuyện Buồn, Tết Tây, Tết Ta

## Văn Quang

Những ngày lễ Giáng sinh và Tết Dương lịch qua rồi, ở Việt Nam lại chuẩn bị đón cái Tết Nguyên Đán của dân tộc. Theo thói quen từ xưa, người ta vẫn gọi là Tết Tây và Tết Ta, nghe hơi... bình dân, nhưng gần gũi.

Ở miền Bắc mùa này là mùa đông, mưa lạnh là chuyện thường tình và có phần thú vị. Nhưng ở miền Nam, mưa nắng hai mùa, lúc này là mùa nắng. Vậy mà Sài Gòn và nhiều tỉnh vẫn cứ mưa lia rai vào buổi chiều. Nhiều người cho rằng thứ mưa trái mùa này rất "độc" nên những ông bà sáu bảy bô cầm cúm, sổ mũi, nhức đầu, ho liên miên. Bắt bệnh theo cái kiểu dân già này thế mà đúng. Song thiệt hại nhiều nhất là những người nông dân ở nhiều tỉnh miền Trung, lúa vừa lên đã bị nước nhấn chìm. Những cánh đồng trắng xoá, người nông dân đành trắng tay. Sau đó là những làng hoa quanh TP. Sài Gòn - Hà Nội, chỉ trông mong vào dịp Tết Tây Tết Ta, nay hoa nở tung bùng, đến Tết Ta này chỉ còn trơ lại cành và lá. Chắc chắn hoa năm nay sẽ hiếm và đắt đỏ, chỉ những "đại gia" mới đủ sức chơi hoa đẹp vào dịp Tết này.

### Chuyện buồn văn hoá Hà Nội

Chuyện đáng nói nhất như nhiều bạn đã biết, đó là sự tàn phá thô bạo của người Hà Nội với Phố Hoa Hà Nội.

Lần đầu tiên Hà Nội có phố hoa, lần đầu tiên người Hà Nội được dự một lễ hội đường phố long lẫy mà tinh tế do chính bàn tay và những tâm hồn yêu Hà Nội sáng tạo. Những tưởng thành phố thủ đô sẽ có cơ hội trình diễn với nhân dân cả nước và du khách quốc tế một bộ mặt thủ đô với văn hoá truyền thống và văn minh lịch sự trong thế kỷ này.

Nhưng chính trong lễ hội hoa này đã bị phàn bội để thấy rõ hơn những nét vô văn hoá, những

tâm lòng ích kỷ tệ hại, trơ trẽn của một số người dân Hà Nội. Tất nhiên không thể nói là tất cả người dân Hà Nội đều như thế. Trong hơn mười ngàn con người tham dự lễ hội, không thể đếm hết được có bao nhiêu người tàn phá phố hoa, ăn cắp, thậm chí ăn cướp hoa cảnh mang về làm của riêng hoặc dẫm đạp lên những cành hoa, luống hoa để chụp một tấm hình, để băng qua một lối đi cho tiện việc của riêng mình. Có một điều thấy rõ là dù số được gọi là "hoa tặc" đó không nhiều, nhưng không thấy ai ngăn cản.

Với lễ hội hoa đêm 31-12-2008, có thể thấy hết những mặt trái của văn hóa, của thói quen ứng xử, của tinh thần công dân.

### Cướp giựt văn hoá

Ngay sau khi phần khai mạc chấm dứt, bộ phận làm nhiệm vụ bảo vệ tháo dây giăng xung quanh khán đài, cho bà con vui hội có thể vào lễ đài thường thức những nét tinh tế của đôi rồng châu dưới chân tượng vua Lý Thái Tổ, do nghệ nhân Nguyễn Mạnh Hùng kỳ công làm suốt hơn một tháng trời. Người ta chưa kịp thưởng thức hết nét đẹp của văn hoá thì tấn thảm kịch bắt đầu. Mạnh ai nấy vật. Những vảy rồng được kết bằng những cánh hồng môn tươi rói đã bị chộp giựt tơi tả. Ngay cả đến những chậu hoa bày trên sân khấu làm cảnh cũng bị những con người ăn mặc rất thanh lịch thân nhiên... bê đi.

Những chiếc chuông gió, lồng chim... đang được cầm trên tay nhân viên ban tổ chức cũng bị cướp một cách rất thân nhiên. Một nhân viên bảo vệ phần nộ quá văng tục, người đàn ông vừa cướp chậu hoa rất đạo đức quay lại mắng: "Ăn nói vô văn hóa thế à!". Người bảo vệ trẻ ghen ngào: "Anh mới là người vô văn hóa, anh dẫn con theo mà vẫn ăn cướp hoa giữa đường thế sao?". Người đàn ông thân nhiên ôm chậu hoa dắt con đi thẳng. Để lại... thứ văn hoá quái đản cho những người trẻ tuổi.

Bên kia đường dây phố Đinh Tiên Hoàng sát bờ hồ Hoàn Kiếm, 300 nhân viên bảo vệ của Công ty bảo vệ Trường Sơn đang căng hết từng dây thần kinh để đối phó với những bàn tay vô tình cứ điềm nhiên thò ra vặt, ngắt, bẻ. Những bàn chân cứ hồn nhiên giẫm đạp để tìm một thể đứng đẹp, mong có một kiểu ảnh độc đáo đêm cuối năm.

Cả một rừng lau trắng vừa mới phơ phát trước đó không đầy một giờ, chỉ sơ sễ vài phút quay lại đã lưa thưa xơ xác. Cả một gánh hàng hoa bị nhấc gọn bởi một gia đình nào đó gồm đủ bố, mẹ, hai con nhỏ. Có cây trị giá đến 20 triệu đồng bị vặt không còn một cái lá. Những giá nền lung linh giữa phố bị thổi tắt và cướp sạch từng cây một. Thảm cỏ nhưng mịn màng làm nền cho dây phố gồm bị xéo nát...

Đền nửa đêm, cả ban tổ chức và toàn đội vệ sĩ hù hồn vì người dân quanh hồ đốt... thiên đàng, đèn bay lên rồi rơi xuống đúng vào mái lá của một shop hoa. Vệ sĩ ra sức dập lửa rồi báo công an quận ngay gần đó. Công an trả lời: không có luật nào cấm dân đốt đèn. Chiếc đèn được trả lại cho các chủ nhân vô tư của nó ngay sau đó.

Nỗi đau của người tạo dựng lên công trình nghệ thuật là vô bờ, cảm nín, từ trong đáy sâu tâm hồn họ có một chút khinh bỉ.

Sự tan hoang còn ở ánh nhìn thảng thốt, kinh dị của những người nước ngoài nào nức cùng người dân Thủ Đô tham dự lễ hội. Họ nhìn công dân thủ đô đang chuẩn bị kỷ niệm ngàn năm văn hiến của mình hành xử không có chút gì gọi là văn minh đô thị, văn hóa cộng đồng. Bốn ngàn năm văn hiến của thủ đô Việt Nam là như vậy sao??? Rồi đây những tấm hình, những thước phim của họ sẽ được mang đến khắp nơi trên thế giới. Người Việt Nam nào, dù bất cứ ở đâu cũng thấy nhục, cũng muốn chui xuống đất mà trốn với những hình ảnh ấy.

### **Không phải lần đầu tiên cũng không phải lần cuối cùng**

Chuyện ngắt hoa, bẻ cành không phải lần đầu. Sự việc tương tự mới xảy ra hôm nào ở Trung tâm hội chợ - triển lãm Giảng Võ khi những đóa hoa anh đào từ Nhật Bản đưa sang. Rất nhiều bãi cỏ, vườn hoa ở công viên, các hiện vật trưng bày ở bảo tàng, các bức tường ở những di tích thường bị xâm

phạm kiểu như vậy, không bị bẻ cành lá thì bị vẽ bần, khắc tên, ghi vài hàng "lưu bút".

Những chuyện như thế trở thành thường tình ở Hà Nội, có điều đáng suy nghĩ hơn là trước một sự kiện như thế người ta trở nên vô cảm, coi như chuyện của người khác chứ không phải chuyện của mình. Người ta lại liên tưởng tới Hà Nội với nền văn minh âm thực "phở quát", "miến chửi", "xôi chém"... Còn gì là niềm tự hào Hà Nội thanh lịch ngàn xưa? "Ngàn xưa và ngàn sau" khác nhau có thể thôi sao?

### **Sửa rồi lại phá**

Ngày thứ bảy 3-1 vừa qua, dù tốn rất nhiều công phu, phố hoa Hà Nội đã được tu bổ, chỉnh trang sửa chữa lại với hàng trăm ngàn bó hoa tươi. Nhưng người đến xem vẫn "vô tư" tiếp tục cướp phá.

Ngày từ đầu giờ sáng, ban tổ chức đã thay thế số hoa cũ bị héo, bị hỏng bằng hoa mới. Lợi dụng thời điểm các nghệ nhân đang thay hoa mới, đã có rất nhiều bạn trẻ xông vào vặt, ngắt hoa, nhẹ nhàng hơn thì dẫm đạp lên luống hoa chụp ảnh với lý do hoa mới đẹp hơn.

Các gian hàng trưng bày tác phẩm hoa trong lễ hội ngày 3-1 đã được tăng cường hàng rào sắt thay vì buộc dây thừng như sáng 2-1, nhưng không ngăn cản được số người đến đây phá hoa, vặt hoa.

Thậm chí, nhiều người có tuổi đã nhảy hẳn qua hàng rào dẫm nát vào những tác phẩm hoa dưới chân chi đề... chụp ảnh. Còn các học sinh Hà Nội vẫn ngang nhiên mặc đồng phục nhảy "hội đồng" lên các tác phẩm hoa để quay phim, chụp ảnh bằng điện thoại.

Một số gian hàng đã tăng cường thêm bảo vệ để... đuổi những người thiếu ý thức phá hoại các tác phẩm hoa. Bên cạnh đó, có những gian hàng như gian hàng hoa tươi nghệ thuật Sáo sau khi thay thế hoa mới vẫn để nguyên những đống hoa cũ cạnh các tác phẩm hoa vừa được thay thế, nhiều người xem ngỡ ngàng vị không hiểu đó có phải là chủ ý của tác giả trong một nghệ thuật sắp đặt trưng bày ở phố hoa hay là một lời cảnh cáo đầy mỉa mai?

Dưới chân tượng đài Lý Thái Tổ là hai con rồng hôm nay cũng lại trở nên xơ xác. Đây là tác phẩm đẹp nhất trong Lễ hội phố hoa nên thu hút nhiều người đến

xem, nhưng những túm “lông” dưới cổ, phía đuôi rồng lại bị vặt trụi.

Phố hoa Hà Nội thêm một lần nữa bị tàn phá đến tả tơi. Chỉ nhìn những hình ảnh ấy cũng đủ nói lên văn hoá Hà Nội xuống cấp như thế nào? Qua sự kiện này cần suy nghĩ một cách nghiêm túc hơn, sự thanh lịch vẫn còn là niềm mơ ước, còn là mục đích hướng tới. Sự kiện này cần được nhìn nhận như một nỗi xót xa của Hà Nội để mọi người chúng ta cùng suy ngẫm, cùng tinh ngộ. Một thành phố mang tiếng là thủ đô của một nước tự hào có hơn bốn ngàn năm văn hiến, dù ở bất cứ thể chế nào cũng không thể dung dưỡng những hành động phi văn hoá như thế. Không thể chỉ chú ý đến những bài học công dân giáo dục nhồi nhét một mớ thời sự viên vông, quên đi những những nét đẹp văn hoá vốn là bộ mặt của cả một dân tộc.

Nhà nước cần có kỷ cương hơn, có luật pháp với những việc tương tự. Dần dần để mọi người trở nên tự giác và biết sống văn minh ở nơi công cộng. Việc rèn luyện cho xã hội có một nếp sống văn minh, trong đó có ứng xử văn hóa ở nơi công cộng là một việc vô cùng khó khăn. Trước hết phải là những người coi trọng văn hoá hơn danh lợi. Bây giờ tôi mới thấy thấm câu nói của bà BS Nguyễn Ý Đức sau khi thăm Hà Nội: "Làm đại gia thì dễ, nhưng làm quý tộc thì phải ba đời mới đạt tới được".

### **Xôn xao ngày cuối năm**

Năm nào cũng vậy, cứ đến những ngày cuối năm, tôi lại thấy một thoáng bàng khuâng như thương nhớ một cái gì đó hay nhớ tất cả những ngày tháng đã trôi qua trong cuộc đời mình. Những ngày thơ ấu, những năm tù đầy, những ngày chia xa gia đình, xa người thân yêu, xa con cái... với cả những gì đã mất và cả những gì còn lại... Không thể xác định rõ ràng vì cái gì nhất định. Nó bàng bạc như sương khói. Tôi không hiểu hết tâm tư của các bạn ở nước ngoài vào những giây phút này, nhưng tôi chắc nỗi bàng khuâng của các bạn còn đầy hơn tôi nhiều. Có lẽ vào những ngày này, sự cảm thông giữa người trong nước và người ở nước ngoài cùng gặp nhau ở một điểm chung đó.

Và cũng chính vì vậy tôi mong mang đến với

## **XUÂN KHÔNG MÀU**

Một người trên biển vắng  
Lao xao sóng bạc đầu  
Tìm đâu mùa Xuân trắng  
Chìm ngập hồn thương đau.

Một người trong rừng sâu  
Dấu chân đời quạnh quẽ  
Mùa Xuân qua lặng lẽ  
Nghe vượn hú trên đầu.

Một người nơi sa mạc  
Nhìn cát trắng phau phau  
Biết đâu mà tìm nhau  
Qua ngày Xuân đậm, nhạt.

Ba người ba phận bạc  
Ba mùa Xuân không màu  
Tìm tình người gõ cửa  
Chỉ rào rạt mưa mau.

## **ĐĂNG NGUYỄN**

(Maryland)

bạn đọc những hình ảnh của Sài Gòn vào mấy ngày cuối năm xôn xao này.

### **Từ thành phố đến các khu công nghiệp**

Đúng 7 giờ sáng ngày 28 Tết tôi hẹn một người bạn "làm một vòng quanh Sài Gòn" như mọi năm để có những dữ kiện thật nhất tường trình cùng bạn đọc, ghé mắt nhìn qua thành phố của

minh năm nay thế nào. Phương tiện chính của chúng tôi là chiếc xe gắn máy, phương tiện của những người được gọi là "phóng viên chân chính" đúng nghĩa. Ở Việt Nam, những ông đi "xe ô tô con" không bao giờ là phóng viên được cả. Chỉ có xe gắn máy mới len lỏi được vào hang cùng ngõ hẹp, đến được nơi cần đến. Mặc dầu bây giờ có những ông phóng viên "lên đời", chơi xe ô tô con cho bảnh, nhưng khi hành nghề (ở đây còn gọi là tác nghiệp) thì chỉ có xe gắn máy là... nhất.

Người bạn đi cùng tôi, có bút hiệu là "Thanh Sài Gòn", anh lý luận giản dị với bạn bè: "Chúng mày đi hết, còn mình tao ở đây thì thêm cái "mác Sài Gòn" vào cho rõ, khỏi nhầm với Thanh Cali, Thanh Canada". Tôi thấy anh cũng có lý nên lẳng lặng leo lên chiếc Citi thuộc loại "cổ" nhất VN, mặc cho Thanh Sài Gòn rú ga vọt đi.

Con đường một chiều Điện Biên Phủ mới sáng sớm đã đông nghẹt và bị dòn cục như nghẹt lỗ cống vì cái lô cốt dài vẫn chiếm giữ gần hết mặt đường. Hiệu ứng của những chiếc lô cốt này, lâu ngày, dường như làm cho người dân thành phố thêm được một đặc tính là ai cũng vội vàng hơn, ai cũng "bon chen" và người ta bớt lịch sự đi, không còn ai nhường ai dù chỉ nửa cái bánh xe. Mọi người đều có thêm sức "chiến đấu" tranh giành nhau từ một khoanh đất hẹp, lao lên vỉa hè, đi ngược đường, hoặc bất cứ chỗ nào có thể cho chiếc xe gắn máy của mình vượt qua.

Tội nghiệp hơn là những ngôi nhà, những cửa tiệm lớn nhỏ hai bên, bị lô cốt "án ngữ", bây giờ không còn sức đề than vãn nữa, cánh cửa chỉ mở hé vừa đủ cho một người đi. Họ sợ bụi cát và sợ cả "đạo tặc" trong tháng "củ mật" nên âm thầm chịu đựng như chịu đựng bóng tối trong thời chiến tranh. Cứ làm như tai họa từ trên trời giáng xuống chứ không phải do con người. Làm ăn buôn bán trông vào mấy ngày Tết, vậy mà phải đóng cửa từ mấy tháng nay, đành chịu! Có mà kiện củ khoai! Nhìn những khuôn mặt cảm nín trong bóng tối chập choạng ở những cửa hàng, những ngôi nhà tối tăm mà thấy buồn ngủi. Nói chuyện "lô cốt" mãi không khác gì nói chuyện với đầu gối.

Tuy nhiên, rồi ai cũng vượt qua được những "đoạn đường đau khổ" đó. Chúng tôi băng ra xa lộ, ngày xưa gọi là xa lộ Biên Hoà, bây giờ gọi là xa lộ Hà Nội. Dòng người từ ngoài kéo vào thành phố

nườm nượp, họ mang vào đủ thứ, hầu hết là thực phẩm từ những vùng quê gần đó, kể cả gia cầm nhập lậu và những thứ không kịp kiểm nghiệm và tôi cũng chẳng thấy trạm kiểm nghiệm nào ở đây. Xa lộ được trang điểm thêm những chậu hoa ngất ngưỡng trên những chiếc xe ba gác, những chiếc xích lô cuối mùa. Có lẽ Tết năm nay là Tết cuối cùng, người dân Sài Gòn được nhìn thấy loại xe ba bánh này. Thành phố đã có lệnh cấm. Xe ba bánh sẽ trở thành một thứ "đồ cổ" như xe ngựa Sài Gòn - Trung Chánh - Hóc Môn ngày nào. Tôi còn nhớ những buổi sáng sớm tinh mơ xưa kia, nằm trên căn lầu 3 ở Building Cửu Long, đường Hai Bà Trưng, với Thanh Nam, Thái Thủy, Hoàng Thư, Lâm thợ điện vẫn nghe tiếng vó ngựa gõ nhịp đều đều trên mặt đường nhựa vắng lên. Bây giờ tôi vẫn chưa quên âm thanh ấy.

### **Những vẻ mặt trầm tư "dọc đường gió bụi"**

Nơi chúng tôi đến đầu tiên là khu công nghiệp Biên Hoà. Ngã tư trống hoác, hiện rõ một vẻ tiêu điều. Đi trong khu công nghiệp vào giờ phút này như bỏ hoang. Những người công nhân để lại mồ hôi công sức của họ trên những con đường này. Họ trở về ăn Tết với quê nghèo, rồi có bao nhiêu người trở lại giữa thời buổi suy thoái kinh tế này? Tương lai họ ra sao là điều không ai trả lời được.

Chúng tôi đành trở lại Thủ Đức. Suốt dọc đường từ Biên Hoà về Thủ Đức, nơi bắt đầu có những khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất (KCX), những nam nữ công nhân, đứng dài với mô hình lý ngôn ngang đón xe về miền Trung, miền Bắc, nét đăm chiêu hiện rõ. Đồi chỗ họ tụ tập lại bên những cây xăng, những siêu thị, những chợ búa ven đường, nơi những "xe dù" thường đón khách.

Thình thoảng một chiếc xe dừng lại, những chú phụ xe láu cá lên giọng hỏi khách "về đâu", toán công nhân lại nháo nhác: "Quảng Nam, Đà Nẵng, Huế..." Tức khắc một cái giá "trời ơi" được đưa ra. Cuộc mặc cả lại bắt đầu: "Hai trăm tám, ba trăm.. mắc quá...". Gã phụ xe thần nhiên: "Chuyên cuối cùng rồi, không đi thì đứng đó mà ăn Tết". Vài người vội vã leo lên xe, vài chục người bị bỏ lại, mặc dù xe còn trống. Chiếc xe 16 chỗ chuyên bánh, chiếc hơn 30 chỗ xà đến. Và cứ thế cảnh đón xe về quê kéo dài chưa biết bao giờ mới chấm dứt. Một chiếc xe chạy vòng đến khoảng

cuối đường Biên Hoà, nó quay đầu trở ngược lại đón khách. Nhồi nhét cho đầy xe mới chịu chính thức khởi hành. Xe nào cũng chật như nêm cối. Hành khách như những con gà bị nhốt trong chiếc lồng sắt, không nhúc nhích được. Tôi và Thanh nhìn mãi chẳng thấy bóng anh Cảnh sát Giao thông nào. Có lẽ Tết nhất hay vì một lý do gì khác mà mấy anh Cảnh sát hôm nay có về... để tỉnh hơn.

### **Dịch vụ thuê người làm Tết và chạp bầy**

Trong các KCN, KCX hầu hết các nhà máy đã đóng cửa. Ngay cả những quán cà phê đầu đường, những quán cơm bình dân, nơi mọi ngày những anh chị em công nhân (CN) thường tụ tập, giờ này cũng vắng hoe. Hầu hết các hàng quán chỉ lác đác vài người ngồi trong những dãy bàn ghế thấp lè tè và những chiếc ghế vải dưới chòm lá cây trướng cá, không biết là "tiếp viên" hay công nhân. Những nơi này trong vài tháng vừa qua thường có khá đông công nhân mất việc hoặc chỉ làm vài ngày trong tuần. Đời sống của họ trở nên thiếu thốn, ăn vẫn cứ phải ăn, nhà trọ vẫn phải trả đủ tiền, bệnh vẫn cứ phải mua thuốc, tiền gửi về quê không còn. Họ ngồi chờ bất cứ việc gì có thể kiếm thêm bù đắp qua ngày. Đến 28 Tết không có tiền về quê, đành ở lại nhà trọ. Họ mò ra các quán xá đầu đường cho bớt cô đơn, chẳng biết chờ đợi gì nữa.

Ở một vài nơi, đã có những "dịch vụ lẻ" tìm việc ngăn ngày cho người không có việc làm. Nhà nào cần mướn người giúp việc, trông nhà, coi em, làm việc vặt, vào dịp Tết, họ sẵn sàng giới thiệu, tùy theo công việc và số tiền đề lấy hoa hồng.

Lần lộn trong đám đó, không thiếu những anh xe ôm làm nghề "bắt mồi" cho những ông khách ở thành phố về đây "tìm của lạ". Rất có thể có một vài nữ công nhân xinh đẹp nào đó vì buồn chán, vì nhu cầu cuộc sống, vì thích đua đòi đã buông thả thân mình vào những cuộc chơi hoặc ít lắm thì cũng là bạn đi chơi Tết. Hiện tượng này không phải chỉ có trong năm nay, mà ở những năm trước, cái cảnh "vợ thuê, chồng mướn", thuê "đào" đi chơi Tết đã diễn ra. Tôi không thể biết năm nay nhiều hơn hay ít hơn những năm trước.

Chúng tôi bắt gặp trong dãy phố nghèo, lác đác những "nhà nghỉ", những phòng cho thuê rất kín đáo bên những hàng tre um tùm. Nhìn vào mấy cửa hàng cầm đồ giờ này vẫn có khách ra vào. Tết gần kề,

phải mang xe, mang đồ trong nhà đi cầm cố là một thảm cảnh. Vậy thì mấy cô gái mang thân mình đi "cầm đồ" trong mấy ngày Tết cũng chẳng có gì là lạ.

Nếu cuộc sống ở các khu công nghiệp cứ diễn ra như thế này, chưa biết những người công nhân sẽ ra sao. Sẽ có bao nhiêu người từ bỏ nhà máy trở về làm nông dân, có bao nhiêu cô gái quê sẽ sa ngã? Một câu hỏi lớn cho xã hội hiện nay.

### **Ngơ ngác đường hoa thôn dã**

Trên đường từ Thủ Đức về Sài Gòn, chúng tôi đi theo con đường cũ qua cầu Bình Triệu. Con đường nhựa chạy dọc theo đường xe lửa, vốn là con đường "đặc biệt" vào những ngày cận Tết với những cây cảnh bày bán hai bên lề đường. Những nhà vườn lớn mang hoa lên thành phố bán, còn những nhà vườn nhỏ, trồng hoa kiếm thêm như nuôi con gà con vịt kiếm tiền tiêu Tết, mang ngay ra đường bày bán cho khách vắng lai. Hoa nào cũng có nhưng chỉ là loại hoa thường, giá cả ở đây khá rẻ, khó có thể kiếm ra một chậu hoa quý. Con đường này cũng là con đường vào nhà ông Trần Thiện Hiệp từ San Jose về VN vui thú điền viên.

Đầu tháng vừa qua, đợt triều cường gây ngập lụt tại những "làng hoa" gần đó đã gây ảnh hưởng đến "con đường hoa thôn dã" này, vắng vẻ hơn hẳn mọi năm. Người bán ngơ ngác và người mua càng hiếm hơn. Xen lẫn vào những chậu hoa ế khách, có những sạp bán quần áo "sida", bày thành từng dãy dài. Ở đây đượm một màu sắc "phổ phũ" tinh lẻ, yên bình thanh thản, chứ không mới theo thời một như những khu Phú Mỹ Hưng, Tưng Sơn, Thảo Điền và những khu ngoại ô khác.

### **"Càng đói càng hoành tráng", một nhu cầu có thật**

Trở lại thành phố Sài Gòn vào giữa buổi trưa nắng đẹp, từ Ngã tư Hàng Xanh, không khí đã có vẻ nhộn nhịp hơn nhiều. Mọi con đường đều là chợ, là hoa cảnh, là bánh mứt, là những gian hàng xanh đỏ với những đồ quà gói sẵn treo lủng lẳng. Trong những gói quà đó, không thiếu những sản phẩm qua đê đem tặng, đem biếu cho đủ "lệ bộ", cho "xong chuyện đời", chứ khách không mua về để thưởng thức loại quà gói sẵn này. Cho nên được tặng quà Tết chưa chắc đã là "hạnh phúc". Nhìn ở

đâu cũng vậy thành quen mắt, nên nó không mời gọi được ai. Tuy vậy cũng vẫn có vài người trong ngõ xóm sẫm soi, trà giá, mỗi phần quà loại "bình dân" này chừng vài trăm ngàn.

Càng về gần trung tâm thành phố, không khí Tết càng chan hoà hơn. Tuy nhiên, chỉ những con đường lớn, đường chính, mới được "trang điểm nhan sắc" theo cái kiểu càng "hoành tráng" càng tốt. Như tôi đã có dịp nhận định rất thẳng thắn rằng "càng đời càng cần hoành tráng". Bởi người dân tiết kiệm, không mua sắm xa xỉ hoặc chẳng có tiền mua hoa, nên được nhìn hoa, ngắm cảnh, xem pháo hoa rực trời cũng đủ "lãng quên đời" hay nói cho rõ hơn là "nhìn cho quên đời"... Đỡ tủi thân với những "đại gia" chơi cảnh hoa bạc tỉ, uống chai rượu vài triệu, đưa vợ con đi nghỉ Tết tận trời Tây. Cái khoảng cách giàu nghèo cứ dần ra theo năm tháng. Thôi thì chịu khó ngóc cổ lên nhìn đường hoa... cũng đỡ khổ. Vậy đó là một nhu cầu có thật.

Bởi thế, năm nay từ đường Thống Nhất, trước đình Độc Lập cũ, đến nhà thờ Đức Bà, vòng ra đường Đồng Khởi (Tự Do cũ) đèn hoa lại rợp trời. Ban tổ chức đã hết sức cố gắng tạo ra một hình ảnh mới cho con đường cũ. Nhưng thật ra so sánh với năm trước, nó cũng chẳng mới được bao nhiêu. Vẫn là hoa là đèn, là những đường cong cổ uốn lượn cho ra hình dáng một con rồng, con phượng. Vài nhà hàng cũng theo đó mà tạo dấu ấn riêng cho thương hiệu của mình.

### **Đường hoa Nguyễn Huệ, bình mới rượu cũ**

Chiều 28 Tết, chỉ còn vài giờ nữa là khánh thành đường hoa Nguyễn Huệ, cái "đỉnh" của bộ mặt thành phố lớn nhất nước. Từ cả tháng nay, đường như bao nhiêu công phu "nghệ thuật" đổ cả vào đây. Tốn bao nhiêu cũng làm. Có những công trình làm từ mấy tháng trước ở một địa điểm khác, nay mới được mang về "tu bổ lại nhan sắc" đưa vào vị trí.

Theo Ban tổ chức, đường hoa năm nay có 7 phân khu, chạy dọc suốt gần 1km đường Nguyễn Huệ từ vòng xoay Cây Liễu ra đến trước sông Sài Gòn. Mỗi phân khu có một cái tên khá "kêu" như Khơi nguồn, Nghị lực, Sáng tạo... Nhưng chẳng có du khách nào quan tâm đến những chủ đề này, họ chỉ chú ý đến cảnh vật, đầu kia có bày trâu năm nhai cỏ dưới lũy tre làng, đầu kia là ba quả dưa hấu gọi nhớ tới chuyện quả dưa đỏ An Tiêm. Năm đang

tới là năm Kỷ Sửu nên hình tượng con trâu được trưng bày rải rác khá nhiều và bằng đủ thứ chất liệu như trâu bằng rom, trâu gốm, giả gốm, giả sơn mài, trâu sắt, trâu giấy bồi... Dù thứ trâu!

Các loại cây trái được mua từ nhiều địa phương nổi tiếng của Đồng bằng sông Cửu Long. Các loại hoa từ Đà Lạt, Sa Đéc, rom, lúa từ Long An, gốm từ Bình Dương, tre từ Củ Chi được trưng bày trong những chiếc dờ phất trong gió.

Một vài vị khách nước ngoài có vẻ thú vị trước khung cảnh lạ lẫm đó, chụp ảnh lia lịa. Nhưng số lượng khách nước ngoài năm nay ít hẳn. Cả đến khách trong nước lúc này cũng còn đang bận rộn với cuộc mưu sinh nên còn thưa thớt.

Những cố gắng tạo nên một đường hoa hoành tráng năm nay cũng chưa thấy có gì đổi khác nhiều. Vẫn là phong cách cũ, chỉ là thay hình đổi dáng những phẩm vật trưng bày trong một không gian xưa, như một thứ bình mới rượu cũ. Chưa thể thay đổi cho du khách chỉ thấy một đường hoa của ngày Tết trong một không gian mới.

### **Chợ hoa 23-9 ế nặng**

Rời Nguyễn Huệ, chúng tôi chạy một đoạn ngắn tới chợ hoa 23-9, trước Chợ Bến Thành. Nói cho đúng, đây là chỗ bán đủ loại hoa Tết cho người dân TP. Sài Gòn từ vài trăm ngàn đến vài ba triệu một chậu hoa. Từ những loại hoa rất được ưa chuộng trong ngày tết như Vạn Thọ, Cúc đại đoá, Mồng Gà... đến Bông Giấy, Mai chiếu thủy, Mai vàng, Mai ghép, cây Thanh Long, quất... đều có mặt. Có một cây độc nhất được gọi là "cây thần kỳ" chữa bệnh tiểu đường được trưng bày. Nếu đúng là cây chữa được bệnh tiểu đường chắc sẽ giúp ích cho rất nhiều bệnh nhân mắc thứ bệnh nan y này.

Người mua có thể leo xe lên lề đường trả giá rồi vẫy một chiếc taxi, xích lô, ba gác đậu ngay bên đường chờ về. Cây nhỏ và hà tiện thì cho lên xe gắn máy chờ về luôn.

Có một khu riêng biệt cho người bán hoa đào từ miền Bắc mang vào, có khi từ Đà Lạt mang xuống. Tất nhiên giá cả hoa đào giữa miền Nam rất đắt. Người bán nhăm vào thành phần những "đại gia" từ miền Bắc vào Nam lập nghiệp, dù thành công ít hay nhiều, vài triệu chẳng có nghĩa gì. Người dân miền Nam không mặn mà gì với hoa đào, đi hàng trăm nhà may ra mới thấy một nhà hoặc một công ty khoe

cây đào trong đại sảnh. Hoa đào để đầy khu đất rộng mà hầu như chưa có ai hỏi đến.

Chợ hoa này năm nay ế nặng. Bằng giờ năm trước, tôi đã thấy rất nhiều người chờ hoa về. Chỉ còn 1 ngày 29 Tết nữa thôi, nếu không bán hết hoa, sang ngày 30 Tết chỉ có nước bán "sôn". Lúc đó giá nào cũng phải bán để thương lái còn kịp thu xếp ra xe về lục tỉnh. Thế nên đây là lúc đến lượt người mua "ép giá" người bán, một năm chỉ có một lần. Nhiều vị không cần chơi hoa cầu kỳ, thường đợi đến thời điểm "chém về" này đi mua hoa "đại hạ giá".

### **Vườn Tao Đàn có "hầm bà làng" đủ thứ**

Sau đó, chúng tôi đến với vườn Tao Đàn, bây giờ gọi là Công Viên Văn Hoá. Nơi trưng bày hoa nhiều hơn là bán. Chưa đến ngày khai mạc, nhưng cửa bán vé đã mở. 15 ngàn một vé. Có đủ cả các thứ hoa cảnh chia thành từng khu.

Ngay trên lối vào có một vườn hoa Đài Loan, tuy nhỏ nhưng trưng bày nhiều loại hoa khá độc đáo. Nhất là những loại hoa lan.

Loại hoa được "tôn vinh" nhiều nhất là những cây mai đủ loại dự thi, lão mai, mai trắng, mai mười cánh san sát.

Trong một góc khác, các loại đá, loại gỗ tạo hình được trưng bày không khác năm trước bao nhiêu. Những thảm cỏ nhiều màu sắc đối nghịch cứ như từ năm nào còn sót lại.

Chúng tôi chú ý đặc biệt đến một "nữ họa sĩ" nét mặt thanh tú ngồi khiêm nhường, thu mình lại trong một góc thâm cô, bên rặng tre xum xuê cảnh lá. Không băng biên giới thiệu cô ngồi đó làm gì. Khi hỏi mới được biết cô chờ khách để vẽ caricature và chân dung. Để ý mới thấy bên cạnh cô, trên bãi cỏ xanh có một hộp bút vẽ, một cuộn giấy croquis nhỏ. Một vị khách trung niên xà đến nhờ cô vẽ. Vì lịch sự, ông khách không hỏi giá. Bàn tay mềm mại lướt nhẹ trên giấy. Hình ảnh vị khách dần hiện ra, khá linh động. Một vị khách khác tiếp theo ngồi vào chiếc ghế nhựa nhỏ trước mặt. Tôi cũng định nhờ cô vẽ cho một bức làm kỷ niệm, nhưng thấy cô bắt đầu bận rộn nên lại thôi. Tôi gửi lại cô tấm danh thiếp để khi nào cô rảnh sẽ thông báo cho tôi biết để đến... trình diện. Nhưng cô lễ cô bận vào dịp Tết này nên chưa "có lệnh đòi".

Ở đây trong khu vườn được gọi là Công viên Văn Hoá này, người ta có cảm tưởng như bao gồm "hầm bà làng" đủ thứ.

Vườn Hoa Tao Đàn năm nay buồn tẻ hơn mọi năm. Khung cảnh làm gợi nhớ nhiều năm trước, năm nào tôi và Phan Nghi, Vương Đức Lệ cũng rủ nhau vào Chợ Tết Tao Đàn, nay cả hai ông đã theo nhau về Cõi Phật. Năm nay cũng không thấy cô gái làng Bát Tràng ngồi bán mây pho tượng, mấy chiếc đĩa bằng đất nung mang dòng chữ Phúc Lộc Thọ. Một nỗi trống vắng ủa đến, nỗi mất mát tràn khắp trên cả vườn hoa.

### **Chỉ thấy ông đồ trẻ bày mực Tàu giấy đỏ**

Cuối cùng chúng tôi tìm đến khu phố của những ông đồ ngồi viết thư pháp. Trên vỉa hè đường Phạm Ngọc Thạch, sau nhà thờ Đức Bà, một đoạn phố rất ngắn được dành cho các ông đồ "bày" mực tàu giấy đỏ bên phố đông người qua, ngồi viết thư pháp. Nhưng những ông đồ ở đây toàn là những ông đồ trẻ. Cũng khăn đóng áo dài, năm phủ phục trên sạp chiếu hoa. Có những câu đối viết sẵn để người đến "xin chữ" cứ thế bê về. Ngày xưa các cụ gọi là đi "xin chữ" cho ra vẻ tôn trọng thầy đồ, nhưng ngày nay, khách hàng chưa gọi trắng ra là đi "mua" chữ, song người ta chỉ nói "anh đồ viết cho tôi câu đối này" và... chi tiền. Lễ nghĩa cũng giảm đi nhiều phần. Dù sao giữ lại được những hình ảnh xa xưa cũng là điều nên làm, miễn là nó đừng giả tạo quá đáng và cũng đừng vì thời buổi kinh tế thị trường làm hỏng cả truyền thống của một dân tộc.

Chiều 30 Tết Kỷ Sửu khi tôi vừa viết xong bài này, trong khu chung cư của tôi đã có tiếng trống của đoàn múa lân rộn ràng khua động mùa xuân. Tết đến rồi.

Chúc bạn đọc Năm Kỷ Sửu vượt qua mọi khó khăn, khoẻ mạnh và đạt được mọi ước mơ, thành công trong cuộc sống.

(Trích *Lắm Cẩm Sài Gòn Thiên Hạ Sự*

Số 292 - Ngày 04-1-2009  
và Số 295 - Ngày 25-1-2009)

**Văn Quang**

# Jamais Deux Sans Trois

## Gọi Người Trong Mơ

© Huy Lâm 2001

Musique & Paroles:

Huy Lâm

Slow ♩ = 56

Ne sois pas si naïve pour croire tout ce qu'il  
Gọi thăm người tình trong mơ, gọi thăm người tình ngày

dit. Bien sou - vent l'a - mour n'est pas fait de pro-messes hâ - tives, mais de sin - cé - ri -  
thơ, biết không em bao nhiêu đêm thâu ta óm cô đơn đợi chờ. Đợi một bình minh nắng

té pour une é - ter - ni - té, c'est toi qui me l'a - vais dit toi - même. —  
mới, tình yêu nồng nàn sẽ tới, mang cho ta nụ hồng ngát hương trên đời. —

— Et si tu penses qu'il t'aime bien plus que moi je  
— Dù rằng tuổi đời ngày thơ, nắng đẹp thật là kiêu

t'aime, en bon a - mi je te sou - haite tout le bon - heur que tu mé -  
sa. Biết nói sao cho nên câu khi ta ngấp ngừng bên em. Lòng ta muốn

rites, tout sim - ple - ment pour ta can - deur, mais mé - fie - toi des ap - pa -  
nói trăm câu mong chờ, ngàn lời yêu thương, nhưng vẫn ngại ngừng dù chỉ nói

rences par - fois trom-peuses. — Quant à moi je vais par - tir pour une ré -  
với người trong giấc mơ! — Ta quen em một chiều nắng phai, trời không mây





gion loin-taine, — où je m'é - clip - se - rais de la vie mon - daine, — à moins que  
cao vời vợi. — Nhưng ta đâu màng mơ tới em, vì em quá xinh! — Nhớ tới bóng



toi, par une mince chance, tu ne dé - cides de me re - join - dre, qu'en penses-  
hình nằm ôm gói chiếc, mới biết lòng mình, tình mình thắm thiết cùng người trong



tu? — C'en est ain - si l'a - mour qui vient par un beau  
mơ — Gọi thăm người tình ngây thơ, nhìn cuộc đời đẹp như



jour ap - por - ter au - tant de joie que de cha - grins la - tents, au - tant d'en - chan - te-  
mơ. Có ai hay tìm ta yêu em khi ta yêu trong mộng thôi. Hỏi rằng nàng thật hay



ment que de dé - sil - lu - sion, quand toi - même tu tiens à l'a - ban - don. —  
mơ, hỏi rằng thật nàng ngây thơ khi trao ta nụ cười ánh mắt đa tình? —



— Dé -jà ton cœur fri - vole ou - blie ces douces pa - roles mur - mu - rées juste à no-  
— Dù là nàng thật hay mơ chỉ cần nàng thật yêu ta. Thế nhưng sao tìm ta e



tre pre - mier bai - ser, et cet a - mour tant sou - hai - té s'est en - vo-  
ấp ngập ngừng bên em. Lòng ta muốn nói trăm câu mong chờ, ngàn lời yêu



lé comme la fu - mée, pri - vé de pla - ce dans ton cœur!  
thương, nhưng vẫn ngại ngần, dù chỉ nói với người trong giấc mơ! —

# VỀ THĂM YÊN TỬ

## HÀ NGUYỄN

Tôi là một đệ tử Phật giáo thuần thành. Tôi qui y tam bảo lúc vừa lên 3 tuổi. Trong một lần về thăm Ba Mẹ tôi ở Việt Nam vào năm 2006, tôi thật là xúc động khi Mẹ tôi soạn đưa tôi một tờ giấy QUI Y TAM BẢO đã cũ, giấy ngả sang màu vàng sậm. Tờ giấy qui y Tam bảo của tôi được viết bằng chữ Hán và chữ Quốc Ngữ, do đó tôi đọc được rằng mình trở thành đệ tử của Phật môn từ năm 1962.

Nhìn tờ giấy qui y trước mặt, tôi thấy tên sư phụ tôi là Thượng Tọa Thích Như Huệ, một hòa thượng trụ trì tại chùa Thiên Hội, thị trấn Kon Tum, miền cao nguyên Trung phần Việt Nam. Lòng tôi chợt cảm thấy bồi hồi và bao nhiêu kỷ niệm tuổi ấu thơ lần lượt hiện về, như chỉ vừa mới xảy ra ngày hôm qua. Tôi bỗng giật mình nhận thấy rằng thời gian trôi nhanh quá, thoáng chốc mà hơn 40 năm đã qua đi, với biết bao nhiêu dâu bể cuộc đời của một kiếp người lưu lạc, nổi trôi theo vạt nước.

Ba Mẹ tôi là dân Nam Kỳ thứ thiệt, sinh trưởng ở Gò Công, thuộc tỉnh Định Tường của miền Tây Nam phần. Địa danh Định Tường ngày nay không còn nữa và những người trẻ sinh trưởng sau năm 1975 chắc sẽ không còn biết đến tên này. Nội tổ và Ngoại tổ tôi theo Nho giáo, nếu nói theo người bình dân ở miền Nam thì gọi là đạo “Thờ cúng ông bà”. Ba tôi theo Tây học và chẳng muốn theo tôn giáo nào. Mẹ tôi giỏi chữ Nho, rất rành về lý thuyết của Nho giáo, Lão giáo và Phật giáo nhưng cũng chỉ muốn thờ cúng ông bà giống như Nội, Ngoại của tôi lúc bấy giờ.

Ba Mẹ tôi kết hôn không bao lâu thì rời khỏi căn nhà hương hỏa của ông bà Nội tôi ở đất Gò Công để đến Sài Gòn lập nghiệp vì Ba tôi nhận được một nhiệm sở rất tốt ở Sài Gòn. Đời sống công chức của đôi vợ chồng trẻ trên vùng đất mới thật êm đềm hạnh phúc. Mẹ tôi vui vẻ hòa nhập vào cuộc sống nhịp nhàng của Sài Gòn sung túc và cảm thấy Trời Phật đã ban cho mình quá nhiều ân sủng bởi vì Ba

tôi là một người trí thức có địa vị xã hội. Điều quan trọng nhất là ông chịu ảnh hưởng của văn minh Tây phương, rất tôn trọng phụ nữ, nhất là người phụ nữ kiêm nội tướng của mình.

Nhưng những ngày vui trong đời của Mẹ tôi đã qua đi rất nhanh. Đất nước Việt Nam bị chia đôi. Như bao chàng trai nước Việt thời bấy giờ, Ba tôi đã theo tiếng gọi của non sông đi vào quân đội và dần thân vào cuộc đời chinh chiến.

Vì quân vụ, Ba tôi phải rời Sài Gòn và bắt đầu cuộc đời lưu động của một quân nhân rày đây mai đó. Mẹ tôi muốn giữ trọn đạo Tam Tông theo quan niệm Nho giáo: “Thiếp là phận gái chữ Tông, Chàng đi Thiếp cũng một lòng xin đi”. Từ đó, Ba Mẹ tôi lại dần thân vào một đời sống mới, lấy trại gia binh làm nhà, cứ di chuyển càng ngày càng xa Sài Gòn, xa nơi chôn nhau cắt rốn Gò Công, đi xa mãi về phía Bắc của dãy giang san hình chữ S.

Tại một nơi trong hành trình của cuộc đời chinh chiến, tôi được mở mắt chào đời. Vì quá yêu mến nơi này cho nên Ba Mẹ tôi đã chọn địa danh đó để đặt tên cho tôi làm kỷ niệm.

Khi tôi tròn một tuổi thì Ba tôi lại nhận “Sứ Vụ Lệnh” để đi đến một nơi thật xa, vùng 2 chiến thuật, nơi vùng cao nguyên núi rừng biên giới của tổ quốc. Là quân nhân, Ba tôi sẵn sàng chấp nhận đi bất cứ nơi đâu khi đất nước đang cần, nhưng ông nghĩ thật là không công bằng nếu để Mẹ con tôi phải theo ông chịu khổ. Ba tôi đề nghị Mẹ tôi hãy đưa tôi về miền Nam ở với ông bà Nội để được sống những ngày tháng an toàn, sung túc nhưng Mẹ tôi cương quyết chối từ. Mẹ tôi biết rằng người đời xưa nay thường quan niệm “cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi”, hay nói theo văn chương quốc ngữ là “lấy chồng là chiến binh, có mấy người đi mà trở lại”, thế mà Mẹ tôi lại sẵn sàng chấp nhận định mạng nghiệt ngã dành cho những người phụ nữ có chồng đi chinh chiến. Mẹ tôi nhất định tiếp tục làm người bạn đồng hành trung thành của Ba tôi trên từng cây số của những chặng đường đời với một lý tưởng rất khiêm nhường, nhưng cũng rất cảm động,

cao cả và rất chân tình: “CHÀNG ĐI THEO NƯỚC, THIẾP THEO CHÀNG.”

Thế là tôi được nuôi lớn lên tại núi rừng cao nguyên hùng vĩ. Ngày tháng cứ trôi qua và miền Nam với cuộc sống êm đềm xa xôi ngày cũ chỉ còn là những kỷ niệm đẹp trong ký ức của Mẹ tôi. Vì quân vụ, Ba tôi thường hay vắng nhà và Mẹ tôi đã dành hết thời giờ để nuôi nấng, dạy dỗ tôi. Vì thời giờ của Mẹ tôi nhiều quá cho nên tôi phải học nhiều thứ lắm làm cho tôi thấy mệt. Tôi cảm thấy vui nhiều những lúc Ba tôi đi công tác ở xa về, Mẹ tôi dạy tôi phải đền phụ Mẹ tôi để nhặt hết những bông cỏ may đang bám đầy trên đôi giày nhà binh cao cổ của Ba tôi. Tôi sung sướng đọc được niềm vui trong ánh mắt của Ba tôi. Tôi được Ba tôi ôm vào lòng, tôi ôm cô Ba tôi cho khỏi té và tôi ao ước mỗi ngày của tôi cứ được diễn ra như thế mãi.

Tôi cứ lớn dần lên để nhìn thấy chung quanh nơi mình ở cũng có nhiều đứa trẻ con giống như tôi nhưng chúng tôi phải sống cách biệt với thế giới bên ngoài. Xung quanh chúng tôi là những hàng rào kẽm gai dây đặc, kể đó là những hàng bao cát được chất cao và bên cạnh là phần đất được đào thật sâu song song với hàng bao cát đó. Tôi nhìn thấy xe cộ và người đi lại bên ngoài vui vẻ tấp nập vào buổi sáng. Tôi cũng nhìn thấy giữa hàng rào kẽm gai dây đặc đó là một cái cổng có trạm gác và người bên ngoài muốn vào phải xuất trình giấy tờ. Tôi được Ba Mẹ dạy rằng không bao giờ được chạy ra khỏi trạm gác đó để ra ngoài một mình. Thịnh thoảng tôi có được Ba Mẹ tôi dẫn ra ngoài phố ăn hủ tiếu mì hoặc mía hấp nóng vào buổi chiều. Vì khí hậu tại Kon Tum rất lạnh cho nên người ta thường hay bán mía hấp nóng chớ không phải mía ướp lạnh như ở miền Nam. Phố ở đây rất nhỏ, lại không được nhộn nhịp như phố trong Nam cho nên có một ông nhạc sĩ lần đầu tiên ra đây đã viết một bài hát có những lời rằng “phố núi cao, phố núi đầy sương, phố xá thênh thang, trời đất thật buồn, đi năm phút đã về chốn cũ, một buổi chiều nao, lòng thấy băng khuâng...” Ông nhạc sĩ này ở trong Nam ra, cho nên thấy trời đất nơi đây sao buồn quá.

Thật ra trời đất ở nơi đây không phải lúc nào cũng buồn lặng lẽ như vậy. Nơi chốn rừng núi cao nguyên này cũng có nhiều đêm thật rộn ràng với bầu trời đầy hóa châu rục sáng. Đó là những đêm dài tôi nằm run rẩy co mình khi nghe tiếng đạn đại pháo rền vang. Những giọt nước mắt nóng cứ chảy dài trên gương mặt trẻ thơ của tôi mặc dù tôi đã cắn chặt môi mình đến rướm máu để cố ngăn không cho những tiếng nấc được bật ra ngoài. Tội nghiệp cho Mẹ tôi những lúc đó đã tìm đủ mọi cách để giải thích cho tôi biết chuyện gì đang xảy ra ở bên ngoài và rất lúng túng không biết nói thế nào trước những câu hỏi “Tại sao?” dồn dập mãi mãi của tôi.

Mẹ tôi thường không bao giờ rời khỏi doanh trại nếu không có Ba tôi đi cùng. Mẹ sống khép kín và biệt lập hẳn với thế giới bên ngoài. Buổi tối sau khi dỗ cho tôi ngủ xong là Mẹ tôi đọc sách mãi đến khuya. Có nhiều đêm bắt chợt giật mình thức giấc tôi vẫn còn thấy Mẹ tôi ngồi chong đèn bên quyển sách đang đọc dở dang. Mỗi buổi trưa, khi trên bầu trời có tiếng động cơ máy bay buồn buồn vọng lại là lúc Mẹ tôi bắt đầu ru tôi ngủ. Lời ru của Mẹ buồn buồn giúp tôi đi vào giấc ngủ thật nhanh. Tôi vẫn nhớ những lời ru ấy như thế này:

“Chim Đa Đa đậu nhánh đa đa,  
Chồng gần không lấy, đi lấy chồng xa,  
Lỡ mai cha yêu mẹ già,  
Chén cơm đôi đũa, bộ kỷ trả ai dâng.”

Hay là:

“Anh đi đâu cho Thiếp đi cùng  
Đói no có Thiếp, lạnh lùng có chăn.”

Hoặc:

“Chiều chiều ra đứng ngõ sau  
Trông về quê mẹ, ruột đau chín chiều.”

“Ví dẫu cầu ván đóng đình,  
Cầu tre lắt lẻo, gập gềnh khó đi  
Khó đi mẹ dắt con đi  
Con thi trường học, mẹ thi trường đời.”

Có những lúc tôi cảm thấy lời ru của Mẹ tôi buồn da diết làm cho tôi mũi lòng chảy nước mắt:

“Anh về để áo lại đây,  
Đề khuya em đắp, kéo gió Tây lạnh lùng.”

Những lúc có Ba tôi ở nhà, lời ru của Mẹ nghe thật ngọt ngào nhưng lại rộn ràng vui vẻ:

“Tiếng anh ăn học lão thông,  
Cho em xin hỏi khăn lông mây đường.  
Em về đếm hết cỏ vườn,  
Lại đây anh nói mây đường khăn lông.”

*Hay là:*

“Đền Sài Gòn ngọn xanh ngọn đỏ,  
Đền Mỹ Tho ngọn tở, ngọn lu.  
Anh về anh học chữ NHU,  
Chín trăng em đợi, mười Thu em chờ.”

Tôi cứ lớn dần theo từng lời ru của Mẹ. Tiếng ru của Mẹ tôi trong vắt ngọt ngào. Nghe nói rằng ngày xưa lúc còn con gái thì Mẹ tôi là một trong những người phụ nữ có giọng hò hay nhất ở đất Gò Công. Nhiều khi tôi bắt gặp Ba tôi tùm tùm cười khi nghe Mẹ tôi ru con ngủ qua câu:

“Gió năm non thổi lòn hang để  
Muru kể học trò anh để nơi đâu.

Em ơi anh để đầu nằm,

Để trong tủ sách, để ngoài lá thơ.”

Rồi một ngày kia, chính Ba tôi chịu khó dạy tôi học thuộc lòng một bài tập đọc bằng văn vần và hứa sẽ thưởng cho một đồng bạc các nếu tôi thuộc được. Bài văn đó như thế này:

“Có những trưa Hè xưa rất xưa  
Trời hiu hiu gió, nắng hanh vừa,  
Trong vòng tay mẹ, tôi say ngủ,  
Tiếng hát hòa theo tiếng võng đưa.

Tiếng mẹ hiền thơm ngát sử xanh,  
Bao nhiêu thơ phú đắp xây thành,  
Đắp hồn dân tộc bằng gang thép,  
Vững với làn gươm, lửa chiến tranh.

Tôi dần thân ra vụn dậm dài,  
Năm sương gối gió, nếm chông gai,  
Diệt trừ hung bạo, lo gìn giữ,  
Nước Việt ngàn sau chẳng kém ai.”

Tôi đã học thuộc lòng được bài văn vần đó, lãnh được đồng bạc tiền thưởng của Ba tôi kèm theo một điều kiện là phải đọc bài văn đó cho Mẹ nghe hoài để Mẹ được vui. Bất chợt có một lần tôi ngâm thơ hỏi Mẹ:

“Mẹ ơi, Ba Mẹ để ra con thì con biết rồi, nhưng mà ai để ra Ba Mẹ sao con không thấy?”

Tôi thấy Mẹ tôi hơi sững sờ một chút, mắt Mẹ đỏ hoe và Mẹ tôi vội xoay mặt đi nơi khác, kéo tay áo lên chùi nước mắt. Tôi hốt hoảng không biết mình đã làm gì khiến cho Mẹ khóc cho nên tôi vội vàng ôm Mẹ và nói luôn miệng:

“Con xin lỗi Mẹ, con xin lỗi Mẹ. Từ nay con không dám hỏi như vậy nữa đâu, Mẹ đừng khóc nữa. Hay là Mẹ cứ đánh đòn con đi cho Mẹ đừng buồn.”

Mẹ tôi cũng ôm tôi thật chặt và dỗ dành tôi:

“Con đừng sợ. Con không có lỗi gì đâu, đó là lỗi của Mẹ. Mẹ không muốn kể chuyện gì cho con nghe cho đến khi nào con có đủ trí khôn để hỏi Mẹ về những người đã sinh thành ra Ba Mẹ. Người sinh ra Ba con thì con gọi là ông Nội và bà Nội. Người sinh ra Mẹ thì con gọi là ông Ngoại và bà Ngoại.”

Tôi hỏi Mẹ tôi:

“Vậy ông Nội bà Nội và ông Ngoại ở đâu mà sao con không thấy?”

“Ông Nội bà Nội và ông Ngoại bà Ngoại ở rất xa nơi đây. Dù rất thương yêu con và luôn mong muốn được thấy mặt con nhưng vì đường xá quá xa xôi nên không thể đến đây thăm con được, mà Ba Mẹ cũng không thể nào đưa con về miền Nam để được gặp các ông bà. Mỗi lần nghĩ đến chuyện ấy là Mẹ cảm thấy buồn cho nên Mẹ không muốn nhắc đến. Con nhìn giống y hệt như bà Nội của con từ ánh mắt cho đến nụ cười. Bà Nội con chỉ sanh được 3 người con trai, không có cô con gái nào hết cho nên nếu nhìn thấy mặt con, chắc chắn là ông bà Nội sẽ thương yêu con không biết nói sao cho hết.”

“Nhưng tại sao Ba Mẹ không về ở gần ông bà Nội và ông bà Ngoại cho vui?”

“Tại vì đất nước đang có chiến tranh. Ba con phải theo theo lệnh của chính phủ đến ở nơi này đánh giặc, phải chịu rời xa cha mẹ của mình. Khi nào yên giặc thì chính phủ lại cho Ba trở về sống gần ông bà Nội.

“Vậy chính phủ là ai? còn giặc là ai?”

“Chính phủ là những người đứng ra sắp xếp đời sống hàng ngày cho chúng ta, lo cho chúng ta được yên ổn, có cơm ăn, áo mặc, có giấc ngủ ngon. Giặc là những người luôn làm cho đời sống chúng ta bị xáo trộn, đêm đêm họ hay pháo kích vào

thành phố làm cho những đứa trẻ giống như con bị giạt mình không thể ngủ yên được đó.”

“À, như vậy thì con hiểu rồi. Nhưng tại sao mấy người giặc xấu quá, phải đi làm giặc như vậy?”

“Muốn biết tại sao thì bây giờ con phải học. Bắt đầu ngày mai thì Mẹ sẽ là cô giáo của con để dạy cho con học chữ”.

Thế là cuộc đời học trò của con thực sự bắt đầu và người thầy khai tâm cho tôi chính là Mẹ tôi. Tôi được học văn Quốc ngữ và còn được học Tứ Thư và Ngũ Kinh của Nho Giáo. Theo lời yêu cầu của Ba tôi, về Hán văn, Mẹ tôi chỉ dạy cho tôi học nói chứ không học viết.

Tôi bắt đầu học thuộc lòng Thiên là Trời, Địa là đất, thất là mất, tồn là còn, tử là con, tôn là cháu, lục là sáu, tam là ba, gia là nhà, quốc là nước, quân là vua, sư là thầy, phụ là cha, mẫu là mẹ, nhân là người... Sau đó thì dùng những chữ ấy để ráp lại thành câu. Thí dụ như:

“Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách”

“Quốc phá gia vong”

“Thiên thời địa lợi nhân hòa”

“Vị quốc vong thân”

“Nam quốc sơn hà Nam Đế cư”

“Địa linh nhân kiệt”

“Nhân di sơ tính bốn thiện”

“Ngọc bất trác bất thành khí, Nhân bất học bất tri lý”

“Học như nghịch thủy hành chu, không tiến tất thoái”

“Tiên học lễ, hậu học văn”

“Nhất tự di sư bán tự di sư”

“Đức thắng tài vi quân tử, tài thắng đức vi tiểu nhân”

“Sĩ khả sát bất khả nhục”

“Tử bất giáo, phụ nghiêm chi hóa”

“Quan chi phụ mẫu”

Mỗi câu Mẹ tôi đều giải thích rất rõ ràng, dễ hiểu và tôi cảm thấy học chữ Nho dễ ợt như người ta ăn cơm hay uống nước. Thầy cứ say mê dạy và trò cứ say sưa học. Mẹ tôi đã thôi không còn ru tôi ngủ nữa và thay vào lời ru là những câu chuyện cổ tích đã sử lý kỹ, hấp dẫn của lịch sử Việt Nam qua các thời kỳ dựng nước và giữ nước.

Qua những câu chuyện về lịch sử của Mẹ, tôi thấy đất nước tôi cứ luôn có giặc giả triền miên làm

cho những người đàn ông phải đi đánh giặc để gìn giữ xóm làng, không để cho giặc tràn vào cướp phá, giết người, cướp của... Chính người đàn ông phải đứng ra nhận trách nhiệm bảo vệ tổ quốc vì hệ nước mất thì nhà tan, tất cả mọi thứ sẽ không còn nguyên vẹn.

“Tại sao giặc lại cứ muốn đến đánh nước mình để cho dân mình phải khổ mãi như vậy hả Mẹ?”

“Bởi vì giặc muốn chiếm nước mình để bắt dân mình lặn xuống biển mò ngọc trai, lên rừng đốn gỗ quý hoặc săn bắt các loài thú hiếm để chúng chở đem về Tàu làm của riêng.”

Mẹ tôi dạy rằng trong Nho giáo có câu “quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách” để nêu cao vai trò của người đàn ông trong nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc. Riêng ở nước Việt ta thì tục ngữ còn có câu “giặc đến nhà, đàn bà phải đánh” để xác định mạnh mẽ rằng người phụ nữ Việt cũng rất có tinh thần và nghĩa vụ bảo vệ đất nước không thua gì nam giới. Mẹ tôi bảo rằng sở dĩ có câu tục ngữ trên là vì ở nước ta trước khi Thiên Chúa giảng trần đã có những người phụ nữ dũng cảm đứng lên chống giặc để giành lại nền độc lập cho tổ quốc, đuổi giặc chạy về Tàu. Những vị anh thư lừng lẫy đó là hai bà Trưng Trắc, Trưng Nhị qua câu chuyện “Đầu voi phát ngọn cờ vàng” và Bà Triệu được tặng danh xưng Nhụy Kiều Tướng Quân qua câu nói lưu truyền bất hủ: “Tôi muốn cỡi cơn gió mạnh, đạp làn sóng dữ, chém cá kình ở biển khơi chớ không cam lòng chịu nhục, khom lưng cúi đầu đi làm ti thiếp cho người.”

Đó là những người phụ nữ Việt đã đi tiên phong để dựng nên những trang sử chống xâm lăng, đòi tự chủ rang ngời của dân tộc. Gặp khi thế giặc mạnh, tất cả các bà đã anh chợn cái chết anh hùng để trả nợ non sông. Rồi Mẹ dạy tôi học thuộc những câu văn vẫn nghe rất hùng tráng như thế này:

“Tay ngọc vờn cao, giông bão nổi,

Mé Linh riêng chiếm một thành trì”

Và:

“Phấn son tô điểm sơn hà,

Làm cho rõ mặt đàn bà nước Nam.”

Tôi thật sự rất thích nghe những câu chuyện lịch sử do Mẹ tôi kể lại, và sau khi nghe xong, tôi chìm vào giấc ngủ. Trong giấc ngủ ấy tôi mơ gặp các bà với võ phục hiện ngang, đang cỡi voi múa

gươm xông trận. Từ đó tôi đã hiểu chiến tranh chống giặc là gì và tôi chấp nhận đương đầu với những nghiệt ngã đau thương của dân tộc Việt.

Về chữ Quốc ngữ, tôi được bắt đầu học thuộc lòng những bài văn mang âm điệu tươi vui như:

“Tiếng Quốc Ngữ,  
Chữ nước ta,  
Con cái nhà,  
Đều phải học,  
Miệng thì đọc,  
Tai thì nghe,  
Đừng khóc nhè,  
Chớ láu táu,  
Anh lên sáu,  
Em lên năm,  
Học cho chăm,  
Thầy khỏi mắng.”

Nhờ sự chăm chỉ dạy dỗ của Mẹ tôi, tôi đã bắt đầu biết đánh vần chữ quốc ngữ và cũng học thuộc lòng được nhiều câu chữ Nho khó nhớ. Mẹ tôi khoe với Ba tôi rằng tôi có trí nhớ rất tốt và có thiên tư để học văn chương. Một lần có một việc gì đó rất quan trọng, Mẹ tôi bảo tôi chạy đến phòng trực để gọi Ba tôi về gấp. Khi đến nơi tôi tò mò nhìn xung quanh gian phòng nhỏ, trên tường gần nơi bàn viết của Ba tôi là những chữ được sơn đậm nét rất đẹp. Tôi lẩm nhẩm đứng đánh vần. Những chữ ấy là: “TỔ QUỐC – DANH DỰ - TRÁCH NHIỆM”. Hai cha con nắm tay nhau đi về phía khu trại gia binh, tôi tò mò hỏi Ba tôi những chữ ấy có nghĩa là gì. Ba tôi trả lời rằng đó là những chữ cũng có nghĩa giống như những bài học mà Mẹ tôi đã dạy cho tôi, tức là “quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách”, cũng có nghĩa là đàn ông gặp khi đất nước có giặc thì phải hăng hái đi đánh giặc để bảo vệ tổ quốc, phải có trách nhiệm với đất nước như vậy thì mới là một người công dân có danh dự. Tôi sung sướng nắm tay Ba tôi thật chặt và thờn ngày nói với ông rằng:

“Sau này khi lớn lên, con sẽ luôn luôn nhớ mãi những dòng chữ TỔ QUỐC, DANH DỰ, TRÁCH NHIỆM. Mẹ còn dạy con rằng đối với người Việt Nam thì con còn phải luôn nhớ đến câu “giặc đến nhà, đàn bà phải đánh” nữa. Mẹ nói rằng ở nước Việt Nam thì đàn bà cũng phải có trách nhiệm đánh

giặc giống như đàn ông. Ba ơi, mai một ba phải cho con đi học võ như mấy đứa con trai trong trại nữa nghe.”

Ba tôi bật cười thành tiếng rồi cuối xuống ẵm tôi lên, miệng nói nựng “Con tôi có cô giáo dạy giỏi quá”. Tôi được Ba tôi bồng trên tay trên suốt đoạn đường về nhà, vừa đi tôi vừa nghe ông khe khẽ hát: “Xếp bút nghiên, lên đường tranh đấu. Xếp bút nghiên, coi thường công danh như phù vân, son hà nguy biến...” Tôi thấy thương Ba tôi hơn bao giờ hết và trong mắt tôi, những người đàn ông Việt Nam quả thật anh hùng. Trong trái tim non nớt của tôi, tôi thấy chan chứa cả một tình yêu thương và lòng cảm phục tất cả những người đàn ông đã và đang dần thân thể gìn giữ sự bình an cho đất nước.

Tôi được Ba tôi giữ lời và cho tôi đi tập võ. Từ đó tôi trở nên dạn dī lạ lũng. Những đêm khi nghe tiếng đạn đại pháo vọng về tôi không còn sợ hãi và khóc nhè như những ngày còn bé tí. Dù không có Ba tôi bên cạnh để ôm tôi thật chặt vào lòng, tôi vẫn bình tĩnh tìm lối đi vào hầm trú ẩn một mình. Tôi biết rằng xung quanh tôi đang có rất nhiều người đàn ông giống như Ba tôi đang cầm chắc tay súng để lo đánh giặc, bảo vệ những đứa trẻ thơ như tôi được tiếp tục giấc ngủ yên lành và mơ gặp Bà Trưng, Bà Triệu.

Một cơ duyên chợt đến đã thay đổi cả đời sống tâm linh của Ba Mẹ tôi. Ba tôi có một người bạn thân là đồng đội vừa nằm xuống trong cuộc chiến. Người vợ bác ấy từ trong Nam ra, muốn cho Bác ấy được nằm yên nghỉ tại núi rừng cao nguyên và mang di ảnh người chồng quá cố đến một ngôi chùa ở Kon Tum để vong linh người quá vãng được hàng ngày nghe kinh Phật. Vì là người từ trong Nam ra cho nên thấy cái gì cũng lạ, bác gái muốn Mẹ tôi đi chung cho có bạn đồng hành. Đó là lần đầu tiên Mẹ tôi đến chùa và khám phá ra rằng ngôi chùa ở cao nguyên thật là yên tĩnh, thoát tục. Tiếng chuông chùa vang vọng ngân nga như vỗ về những linh hồn đang đau khổ nơi trần thế. Mẹ tôi thấy tinh thần rất thoải mái và cảm nhận rằng chưa bao giờ tâm hồn của mình được an tĩnh đến như vậy.

Vị Hòa Thượng trụ trì ra tiếp khách cảm thấy lạ khi nghe giọng nói miền Nam của Mẹ tôi và người bạn gái. Người lại hỏi thăm vì đâu mà Mẹ tôi đến sinh sống ở miền cao nguyên này. Mẹ tôi trình bày rằng cả hai người đều thuộc gia đình quân nhân và muốn mang di ảnh của người quá cố đến cửa thiền để hương hồn được mỗi ngày nghe kinh Phật. Vị Hòa Thượng vội phân ưu cùng hai vị nữ khách và giảng giải cho hai người nghe về cội nguồn của sanh tử theo giáo lý nhà Phật. Mẹ tôi thành kính chăm chú nghe giảng Pháp. Sau khi giảng xong, vị Hòa Thượng hỏi Mẹ tôi:

“Mô Phật, xin hỏi thí chủ đang theo tôn giáo nào, hoặc có bao giờ quy y tam bảo hay chưa?”

Mẹ tôi cung kính trả lời:

“Bạch Thầy, bởi vì tâm con chưa tịnh và luôn sống giữa chốn ba quân cho nên con không nghĩ mình có đủ điều kiện để trở thành đệ tử nơi cửa Phật.”

Vị Hòa Thượng vội tiếp lời:

“Mô Phật, bởi vì tâm của thí chủ chưa tịnh nên mới cần tìm đến một cảnh giới an tịnh để giữ vững tinh thần. Hy vọng rằng Phật Pháp vô biên sẽ giúp cho thí chủ được tịnh tâm và lạc quan tin rằng đời sống cũng chưa hẳn là bề khổ. Nếu thí chủ có thời giờ đọc sách, nhà chùa xin tặng cho thí chủ một ít kinh sách để xem, rất bổ ích cho tinh thần.”

Mẹ tôi vui vẻ nói:

“Bạch Thầy, con rất thích đọc sách. Nếu được Thầy hoan hỉ cho thỉnh một ít kinh sách về xem thì con cảm ơn vô cùng.”

Mẹ tôi sau đó rời chùa, trở về nhà với một số kinh sách Phật giáo và nghiền ngẫm đọc. Đó là những quyển sách về lịch sử Phật giáo và Thiền Tông Trúc Lâm tại Việt Nam. Một tháng sau, khi mang những quyển kinh sách trên để trả lại cho nhà chùa, Mẹ tôi đã quyết định cả hai Mẹ con tôi đều quy y tam bảo. Mẹ tôi được đặt Pháp danh là Diệu Chơn, còn tôi là Diệu Lạc.

Từ khi trở thành phật tử, đời sống của mẹ con tôi thay đổi nhiều. Mỗi tháng hai lần vào ngày rằm (15) và mồng một âm lịch, Mẹ tôi đưa tôi đến chùa để cúng hội và nghe thuyết Pháp. Mỗi tháng một lần, thường là đầu tháng, nơi doanh trại chúng tôi ở có phân phát nhu yếu phẩm “Quân Tiếp Vụ” thường là đường cát trắng, sữa bột, bột mì, đậu

xanh, dầu ăn... Mẹ tôi thường làm những món ăn trắng miệng như bánh chuối hấp, bánh bò hấp, bánh bò nướng, bánh khoai mì nướng, bánh Trung Thu chay, bánh bao chỉ, bánh quai vạt, bánh hạnh nhân, bánh in, bánh men, bánh gai, bánh ít, bánh Tét, xôi vò, xôi vị, xôi đậu xanh, xôi lá cẩm, mứt bí, mứt gừng, mứt dừa, mứt khoai lang, mứt mít... để mang đến chùa cúng hội và sau đó cho mọi người cùng thưởng thức những món ăn trắng miệng của miền Nam. Quý Thầy và những thiện nam, tín nữ phật tử đều rất thích, bảo rằng Mẹ tôi nấu những “món Sài Gòn” món nào cũng ngon tuyệt vời. Riêng Mẹ tôi thì rất vui khi nhìn thấy những người già, những em bé lam lũ ở miền cao nguyên, tay run run cầm chiếc bánh bò trắng nõn hay miếng bánh khoai mì vàng ngậy đưa vào miệng nhai một cách ngon lành. Niềm vui trong việc nhường cơm xẻ áo đã làm cho Mẹ tôi thấy cuộc đời đẹp hơn, Mẹ tôi đã thực hiện hạnh bố thí của nhà Phật và cảm thấy tâm hồn vô cùng thanh thản.

Từ những ngôi tam bảo hiền hòa, Mẹ tôi đã có cơ hội gặp được rất nhiều người dân hiền lành mộc mạc của miền cao nguyên đất đất đỏ hoang dã. Họ ñơn giản và chất phát thật thà. Mẹ tôi lại sinh tình lưu luyến, mến cảnh mến người và dần dần tự coi mình như người thuộc về địa phương ấy. Mẹ tôi ân cần tặng muối cho những “đồng bào Thượng” sống trên miền núi cao, họ thường đem măng tươi về chùa để bán trong những ngày cúng hội. Mẹ tôi âu yếm chùi sạch những vết lem luốc trên gương mặt đứa bé thơ đang được anh hay chị của nó cõng trên lưng, léch thếch lồi thoi như kiểu ếch đang tha nhái. Nhìn những hình ảnh trẻ thơ như thế, tôi tự cảm thấy mình đã may mắn hơn chúng nó rất nhiều và trong lòng không dám mơ ước đến những điều viễn vông xa xỉ có thể làm buồn lòng Ba Mẹ. Trong trái tim non của tôi lúc ấy thì Mẹ tôi là hình ảnh của một bà Tiên hiền lành trong chuyện cổ tích, được sinh ra đời để yêu thương người khác.

Dần dần Mẹ tôi lại tiến xa hơn trong vấn đề bố thí. Mẹ tôi xin Ba tôi hãy liên lạc với Ty Xã Hội của tỉnh, xin đem thực phẩm đến những chùa trên núi cao trong những ngày lễ lớn của Phật giáo để phát cho các trẻ em nghèo, con của những người nông dân làm rẫy và những trẻ em đồng bào

Thượng. Thực phẩm mà các em cần nhất là sữa bột của Mỹ viện trợ nhân đạo cho các trẻ em Việt Nam để tăng lượng dinh dưỡng cần thiết cho lứa tuổi đang phát triển.

Trong một lần tháp tùng với phái đoàn của Ty Xã Hội đi phát sữa bột tiếp tế cho các trẻ em tại chùa, Ba tôi đã có duyên gặp được vị Hòa Thượng trụ trì. Sau những câu xâ giao khách sáo giữa chủ và khách, vị Thầy trụ trì chùa đã hỏi Ba tôi:

“Mô Phật, hạnh bố thí của thí chủ quả thật là công đức vô lượng. Thí chủ có bao giờ có ý định quy y tam bảo hay không?”

*Ba tôi chấp hai tay trước ngực, thành kính trả lời:*

“Bạch Thầy, làm người ai cũng mong có một tin ngưỡng để làm nơi nương tựa cho tâm hồn. Nhưng con tự thấy mình đang sống giữa chốn ba quân, vai đang mang trách nhiệm, thân không rời vũ khí, nghiệp sát sinh của con còn quá nặng nên không xứng đáng để làm đệ tử nơi cửa Phật.”

Hòa Thượng ôn tồn nói:

“A Di Đà Phật, xin thí chủ an tĩnh. Thí chủ đừng nên tự trách mình như vậy. Thời thế có khi TRI, khi LOAN. Thí chủ đang làm trai thời loạn thì phải làm tròn trách nhiệm của mình để báo quốc, an dân. Tôn chỉ của Phật Giáo Việt Nam là HỘ QUỐC, HỘ DÂN và HỘ PHÁP, do đó người phật tử Việt Nam phải đứng cảm đứng ra nhận lấy trách nhiệm này. Đạo Phật cấm sát sanh, nhưng dẹp giặc cứu dân thì không có gì là trái đạo. Đó là những lời di huấn của Tổ Sư Thiền phái Trúc Lâm. Đức Phật Tô Như Lai cũng từng dạy đệ tử rằng: “Ta không vào địa ngục thì ai vào địa ngục”. Điều quan trọng nhất khi trở thành Phật tử là phải giữ tâm trong sáng. Khi gặp việc đúng, dù nhỏ cho mấy cũng không thể bỏ qua; Khi gặp việc trái, dù nhỏ cho mấy cũng không nên can dự vào. Nếu giữ được tâm như thế thì tâm của mình chính là tâm Phật vậy.”

Có lẽ đó là lần đầu tiên Ba tôi nghe những lời thuyết pháp mạnh mẽ như vậy từ một vị tu hành. Ba tôi không ngờ rằng tại nơi thâm sơn cùng cốc này ông đã gặp mình sư. Ông kính cẩn chấp tay xá Hòa Thượng và thành tâm trả lời:

“Bạch thầy, con thật cảm ơn những lời giáo huấn của thầy. Con cần tịnh tâm suy nghĩ lại và

mong được thu xếp thời gian để đến nơi này quy y Phật Pháp.”

*“Mô Phật, xin thí chủ cứ thong thả, cửa chùa luôn mở rộng. Nhà chùa xin tặng thí chủ một quyển kinh Phật để xem trong những khi rảnh rỗi việc quân. Kể từ hành này xin mỗi ngày hồi hướng công đức, cầu nguyện Phật Pháp vô biên phù hộ độ trì cho thí chủ luôn được bình an khi xông pha giữa chốn hòn tên mũi đạn để làm nghĩa vụ bảo quốc an dân.*

“Con xin cảm ơn Sư Phụ.”

Ba tôi đã trở lại gặp vị Hòa Thượng kể trên để xin được thọ giới quy y. Hòa Thượng đặt Pháp danh cho Ba tôi là Minh Giác và có tặng một tượng Phật Thích Ca nhỏ xiu bằng sành trâu để Ba tôi luôn mang trên người.

Từ đó, gia đình tôi phát tâm tu hành theo những điều kiện mà mình đang có. Mẹ tôi lập một bàn thờ Phật trong nhà, may những chiếc áo trắng màu nâu hoặc màu lam để mặc trong lúc tụng kinh Sám Hối tại nhà, hoặc mang theo để mặc khoác bên ngoài bộ quần áo thể tục những khi tụng kinh tại chùa. Vào những ngày lễ lớn của Phật Giáo, tôi thường cùng Mẹ tôi tháp tùng những cao tăng đến bờ sông Dabla ở Kon Tum, lập đàn tràng cầu siêu cho những chiến sĩ trận vong và đồng bào tử nạn đã bỏ mình trong các trận giao tranh đẫm máu.

Trong những lần đọc kinh Cầu Siêu như vậy, tôi luôn cảm động tui thân chảy nước mắt và thành tâm cầu nguyện cho hương linh người quá vãng được về làm dân nơi đất Phật, được thiên thu sống cuộc đời an lạc, không còn phải đối diện với cảnh chiến tranh chết chóc đang xảy ra hàng ngày nơi cõi tạm này nữa.

Rồi Ba tôi lại thuyên chuyển đến một vùng chiến thuật khác, xa đồng đội cũ, xa những đồng bào ruột thịt miền núi chất phát hiền lành, xa những cao tăng của các ngôi chùa nghèo nàn cổ kính và bỏ lại sau lưng là vùng cao nguyên đất đỏ Kom Tum với trận chiến chưa tàn.

Mẹ con tôi lại tìm những ngôi tam bảo khác để được nghe thuyết pháp, giảng kinh. Năm tôi chừng 8 tuổi, một lần theo Mẹ đến chùa lễ Phật. Vị Hòa Thượng tiếp chuyện với Mẹ tôi, nhân đó ngài thấy tôi và tiện thể hỏi vài câu về chuyện chữ nghĩa, học



hành. Thấy tôi trả lời trôi chảy thì hài lòng lắm. Ngài lại hỏi tôi:

“Con có thích các loại hoa không, và con thích nhất là loại hoa gì?”

Tôi chấp 2 tay trước ngực, kính cẩn trả lời:

“Bach Thầy, đệ tử thích ngắm tất cả các loài hoa, nhưng đệ tử yêu thích hoa sen hơn cả.”

Hòa Thượng lại hỏi:

“Con có thể cho Thầy biết vì sao con lại thích hoa sen hơn cả hay không?”

“Bach Thầy, bởi vì mỗi khi nhìn thấy hoa sen thì trong lòng đệ tử luôn cảm thấy thư thái, nhẹ nhàng. Hoa sen tượng trưng cho những điều tinh khiết nhất, cho dù phải sống lẫn với bùn nhưng vẫn toả ngát hương thơm và không nhuộm mùi bùn.

Rồi để chứng minh quan điểm của mình, tôi ngâm thơ đọc cho Hòa Thượng nghe bài

Thơ tả hoa sen mà tôi đã học được từ những câu hát ru con của Mẹ :

“Trong đầm gì đẹp bằng sen,

Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng

Nhụy vàng bông trắng lá xanh

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.”

Gương mặt vị hòa thượng bỗng trở nên rạng rỡ.

Ngài nói với Mẹ tôi rằng tôi có căn duyên với Phật Pháp và sau này sẽ có khả năng lãnh hội được giáo lý Phật giáo rất sâu. Ngài còn ân cần tặng cho tôi quyển kinh “Ánh Đạo Vàng” để tôi được học hỏi thêm về đạo Phật.

Từ ngày nhận được quyển kinh “Ánh Đạo Vàng”, tôi đọc say sưa và suy nghĩ mãi về sự tích Đức Phật Thích Ca từ lúc ngài mới đản sinh cho đến khi được nhập Niết Bàn. Lòng tôi thật vô cùng cảm phục Đức Phật Thích Ca tức Thái Tử Tất Đạt Đa, người đã dám lìa bỏ cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con thơ và cả một ngai vàng đang chờ Ngài đăng quang ngự trị để ra đi tìm một con đường giải thoát cho chúng sinh vượt khỏi những SANH, LÃO, BỆNH, TỬ thường tình.

Tôi đã chia sẻ với Mẹ tôi tất cả những cảm tưởng của tôi về lòng cung kính và ngưỡng mộ Đức Phật Thích Ca thì được Mẹ tôi dạy rằng ở nước Đại Việt ta thuở xưa cũng có hai vị vua như thế. Đó là vua Trần Thái Tôn (Trần Cảnh) và vua

Trần Nhân Tôn (tức Thái tử Trần Khâm), cháu nội của vua Trần Thái Tôn.

Tôi đang học chương trình Lịch Sử lớp Ba về chiến thắng Bạch Đằng Giang và Hội Nghị Diên Hồng nên tôi được biết hai vua là bậc đại anh hùng của dân tộc Việt, đã anh dũng hướng dẫn toàn quân toàn dân 3 lần đại phá giặc Mông Cổ, khi mà gót giày xâm lược của chúng đã dẫm nát từ Âu sang Á, đi xâm lược khắp nơi chưa lần nào ném mùi chiến bại. Tôi cũng biết được rằng vua Trần Thái Tôn đại thắng quân Mông Cổ lần thứ nhất vào năm 1258, và cháu nội của Ngài là vua Trần Nhân Tôn đại thắng Mông Cổ lần thứ 2 vào năm 1285, lần thứ ba vào năm 1288. Riêng việc hai vua đã từng bỏ ngai vàng để xuất gia tu hành nơi cửa Phật thì tôi không được biết, bởi vì cô giáo tôi không hề giảng cho chúng tôi nghe về chi tiết này.

Mẹ tôi lại giảng cho tôi nghe rằng sau khi đất nước sạch bóng quân Mông Cổ xâm lược, toàn dân Đại Việt cùng nhau ca khúc khải hoàn, ăn mừng chiến thắng. Vua Trần Nhân Tôn đã cho cả nước mở hội trong 3 ngày, gọi là THÁI BÌNH DIÊN YÊN. Tháng 3 năm 1288 vua Nhân Tôn cùng bá quan văn võ tề tựu về thăm lăng tẩm của vua Trần Thái Tôn ở phủ Thiên Trường và làm lễ “Hiển Tiệp” (dâng tin thắng trận). Trước lăng mộ tổ tiên, vua Trần Nhân Tôn đã cảm khái đọc hai câu thơ:

“Xả tắc lưỡng hội lao thạch mã

Sơn hà thiên cổ điện kim âu”

(Xả tắc hai phen bon ngựa đá

Non sông nghìn thuở vững âu vàng)

Sở dĩ vua Nhân Tôn cảm khái đọc hai câu thơ trên vì khi đi tế lễ xung quanh lăng tẩm, đức vua khám phá ra rằng trên chân tất cả các con ngựa đá đặt trong lăng đều dính vết bùn, dấu bùn còn rất mới, giống như các con vật này vừa từ trận mạc lội bùn dơ trở về để tiếp tục đứng hầu cận trong lăng. Nhà vua cảm động vì thấy tinh thần đoàn kết keo sơn trong hai trận chiến chống giặc Nguyên Mông, người sông đánh giặc và cả người chết cũng đi đánh giặc. Nhà vua cho rằng tất cả tổ tiên nhà Trần đang nằm yên trong lăng tẩm đã cười những con ngựa trên để xông ra trận mạc, quyết cùng con cháu bảo vệ giang sơn tổ quốc đến cùng.

Vua Nhân Tôn trở về kinh thành Thăng Long, truy phong cho những cho những tử sĩ đã hy sinh cho tổ quốc, thăng thưởng cho tướng sĩ tùy theo công trạng của từng người. Ngài nghiêm trị những kẻ phạm tội cộng tác với giặc, xuống chiếu cho những kẻ bán con làm nô tì được chuộc lại và ban chiếu chỉ đại xá trong thiên hạ. Nơi nào từng bị giặc đốt phá thì được tha cho khôi đống thuế đất và thuế ruộng, được miễn đi làm dân phu. Riêng những nơi không bị tàn phá trong chiến tranh thì cũng được giảm sưu thuế theo từng bậc khác nhau. Đức vua kêu gọi cả nước cùng nhau hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển tăng gia sản xuất để xây dựng lại đất nước.

Vua Nhân Tôn lại hạ lệnh tăng cường huấn luyện quân đội, củng cố quốc phòng vững mạnh và quyết tâm xây dựng một nước Đại Việt hùng mạnh về quân sự, vững chắc về kinh tế, rục rờ về văn học.

Ngài cho mở thêm trường giảng dạy Tứ Thư và Ngũ Kinh để đào tạo học trò giỏi, khuyến khích Những người khoa bảng có tài sáng chế ra chữ Nôm, một loại chữ có thể viết theo lối phát âm của người Việt, hoàn toàn độc lập với chữ Hán của người Trung Hoa. Nước Đại Việt đã thật sự bước vào một kỷ nguyên độc lập về văn học đối với người Tàu. Trong đợt cải cách này đất nước đã đào tạo ra danh tài Chu Văn An, sau đó đã trở nên bậc thầy của cả nước, người đã có công dạy dỗ, huấn luyện ra rất nhiều bậc đại khoa có đức, có tài làm rường cột vững chắc cho triều đại nhà Trần.

Vua Nhân Tôn lại cho mở Giảng Võ Đường để dạy thanh niên luyện tập võ nghệ, mở khoa thi để chọn văn võ Trạng Nguyên, đã qui tụ được rất nhiều nhân tài cho đất nước. Đất nước Đại Việt đã thật sự lột xác để trưởng thành, non sông hoàn toàn độc lập về chính trị và văn hóa, vẹn toàn về lãnh thổ và lãnh hải. Mọi người đều có niềm tin vào sức mạnh của dân tộc. Lòng dân ai nấy đều hoan hỉ và hoàn toàn tin tưởng vào triều đại mới. Lòng dân thật sự đã gom về một mối, không còn buồn bã và tưởng nhớ đến triều đại nhà Lý năm xưa.

Sáu năm sau, vào năm 1293, sau khi Thượng Hoàng Trần Thánh Tông mất được 3 năm, vua Trần Nhân Tôn liền nhường ngôi cho con là Thái Tử là Thái Tử Trần Thuyên (tức vua Trần Anh Tông),

xưng là Thái Thượng Hoàng, dọn về phủ Thiên Trường để trông coi lăng miếu Tổ Tiên nhà Trần và chuyên tâm nghiên cứu soạn thảo kinh sách Phật rồi sau đó Ngài xuất gia tu hành ở Vũ Lâm, lấy đạo hiệu là Trúc Lâm Đại Sĩ. Năm ấy Thượng Hoàng vừa tròn 36 tuổi. Một thời gian sau, sau khi bình định xong giặc giả ở Ai Lao, Ngài về núi Yên Tử để tu hành, Pháp danh là Điều Ngự Giác Hoàng.

Điều Ngự Giác Hoàng đã viết rất nhiều kinh sách Phật Giáo để hướng dẫn cho dân tu học. Ngài đi các nơi thuyết Pháp, dạy dân sống hiền lành, đạo đức, chân thật. Ngài kiên quyết bài trừ những hủ tục mê tín dị đoan trong dân gian, hạ chiếu cho các quan lại địa phương dẹp bỏ dẹp bỏ tất cả các đền miếu đang thờ những tà thần, ác thần, dâm thần. Ngài đã sáng lập ra một Thiên phái mới, đặt tên là Thiên Phái Trúc Lâm, rất phù hợp với hoàn cảnh của nước Việt và tập quán phong tục người Việt. Ngài rút ra những ưu điểm của Phật Giáo Đại Thừa ở Ấn Độ và Phật Giáo Trung Hoa, nhưng lại cắt đứt đạo thống với tất cả các Thiên phái cũ du nhập từ Trung Quốc, thể hiện một tinh thần độc lập dân tộc rất cao. Thượng Hoàng Trần Nhân Tông chính là Trúc Lâm Đệ Nhất Tổ, là người đã đứng ra tổ chức thành lập Giáo Hội Phật Giáo Đại Việt đầu tiên ở nước ta, sau đó lựa chọn những đệ tử tài đức để trao y bát tiếp tục cho những giáo chủ của đời sau, thống nhất Phật Giáo trong cả nước Việt về một mối.

Khi phát họa về chân dung của Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông, những đệ tử đời sau đã diễn đạt lại hình ảnh của Ngài qua các câu đối hay những câu thơ:

“Dạy dân tu Thiên Giáo, yêu đạo yêu đời  
Dẹp giặc cứu độ chúng sinh, làm Vua làm Phật.”

Và:

“Ngài lên đỉnh núi cheo leo  
Bỏ trang huyền mộng, lưng đeo trắng sương  
Ngài về giữa cõi vô thường  
Hỏi đâu xứ sở, cõi nguồn từ sinh  
Người về cõi áo vô minh  
Cửa Khổng trắng chiếu, tâm tình lặng trong. (1)

Qua lời kể của Mẹ, tôi thật sự như đang được dẫn vào một cõi khác, cõi của một nhân vật siêu

phàm, một người tuy xuất gia đi tu nhưng vẫn không trốn tránh thế tục, vẫn sống lẫn với thế tục. Điểm độc đáo của Ngài là tuy không trốn tránh thế tục nhưng lại không vướng mắc thế tục. Ngài đã sống vượt hẳn lên trên thế tục. Tiền tài, danh vọng, quyền lực, sắc dục... không làm lung lay tâm niệm đắc đạo của Ngài. Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông quả thật là một Thiền sư siêu việt.

Nói phải tội, Nam Mô A Di Đà Phật, từ khi nghe lời Mẹ kể, lòng tôi thật quá cảm phục Thiền sư Điều Ngự Giác Hoàng, Đệ Nhất Tổ của Thiền phái Trúc Lâm Đại Việt, còn hơn cả Thái Tử Tất Đạt Đa, tức là Đức Thích Ca Phật Tổ. Tôi đã say mê đi tìm đọc tất cả các kinh sách hoặc sử sách nói về Ngài để tìm hiểu thật tinh tường về cuộc đời của một vĩ nhân nước Việt.

Tôi tìm đọc những bộ sách về Lịch Sử Việt Nam như Đại Việt Sử Ký Toàn Thư của Ngô Sĩ Liên, Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim, Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam, Trúc Lâm Tam Tổ Thực lục, Trúc Lâm Tam Tổ Hành Trang, Phật Giáo Việt Nam đời Trần, Thiền Tông Trúc Lâm...tôi đã học được rất nhiều chi tiết về Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông.

Vua Trần Nhân Tông lúc thiếu thời là Thái Tử Trần Khâm, con của vua Trần Thánh Tông (Trần Hoảng) và Thiên Cảm Hoàng Hậu Trần Thị Thiệu. Thái tử Trần Khâm sinh ngày 11 tháng 11, năm 1258, vào thời điểm vua Trần Thái Tông vừa đại thắng quân Mông Cổ lần thứ nhất. Khi mới sinh ra, Ngài đã là người: “Mang nét tinh anh của Thánh Nhân, chân dung đạo mạo thuần túy, nhan sắc như vàng, thần khí tươi sáng, Đức vua và Hoàng Hậu đều cho là lạ, thường gọi đùa là KIM ĐỒNG TỬ hay là KIM PHẬT. Trên vai bên trái của Thái Tử lại có nốt ruồi đen, chứng tỏ là người có thể gánh đáng được việc lớn” (Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư).

Tục truyền rằng trước khi Hoàng Hậu Thiên Cảm có mang, Hoàng Hậu nằm mơ thấy được một vị Thần hiện đến trao cho 2 thanh gươm và bảo:

“Thượng Đế có lệnh cho Hoàng Hậu tự chọn lấy một thanh gươm.”

*Hoàng Hậu Thiên Cảm thấy trong lòng rất vui và chọn lấy thanh gươm ngắn. Hoàng Hậu chọt giạt mình tỉnh giấc, từ đó có mang Thái Tử Trần Khâm.*

Thái Tử được vua cha và Hoàng Hậu hết lòng yêu quý, chăm lo giáo dục kỹ càng để sau này có đủ tài đức lên ngôi vua giữ được yên vui cho trăm họ. Vua Trần Thánh Tông đã chọn lựa những người có đức hạnh, có tài cao trong giới Nho học tuyển vào Đông Cung để làm thầy dạy cho Thái Tử. Những đại học sĩ nổi tiếng thời Trần như Lê Phụ Trần, Nguyễn Thánh Huân, Nguyễn Sĩ Cố đều là thầy học của Thái Tử Trần Khâm. Thái Tử đã được dạy dỗ tận tường về Nho Giáo, Lão Giáo, Phật Giáo và hiểu rất sâu về lịch sử đạo Phật. Về Thiên Văn, Lịch Số, Binh Pháp, Y Thuật, Âm Nhạc, ...Thái Tử cũng rất am tường. Ngài là một người học trò thông minh và chăm chỉ, được tất cả các thầy dạy rất vừa ý cho nên hết lòng truyền dạy cho Thái Tử tất cả kiến thức uyên bác của mình.

Thái Tử là người rất chăm đọc sách. Trong thư phòng của vua cha và ông Nội có rất nhiều sách quý. Thái Tử đã đọc được quyển sách tự thuật của ông Nội mình là Thượng Hoàng Trần Thái Tông, do đó Thái Tử biết được rằng ông Nội mình đã từng bỏ ngai vàng để đến núi Yên Tử đi tu, cầu làm Phật.

Rồi Thái Tử thường được tháp tùng theo vua cha Trần Thánh Tông, ông Nội Trần Thái Tông và cậu ruột của mình là Hưng Ninh Vương Trần Tung đến núi Yên Tử để nghe các Thiền Sư thuyết giảng kinh Phật. Ngài nhận thấy đạo Phật rất thích hợp với mình và có ý muốn đi tu. Một đêm Thái Tử nằm mộng thấy nơi rón mình mọc lên một đóa hoa sen vàng và mình thành Phật. Khi tỉnh dậy, Thái tử bắt đầu ăn chay, sống cuộc đời khổ hạnh như người tu hành khiến cho hình vóc hao gầy. Vua cha thấy vậy rất lấy làm lo ngại.

(Còn tiếp)

**HÀ NGUYỄN**

(Virginia)

# Nữ Tướng Ngũ Phụng Thư

(Trích đoạn truyện "Thần Tướng")

## Lê Luyến

**C**hóm thu. Trời quang đặng không một gợn mây. Đêm khuya. Ngọn Kim Sơn sẫm màu âm u, cỏ cây say ngủ bên dòng Hữu giang sóng nhẹ vỗ về như ru giấc. Gió mát trời xanh, khung cảnh tịch mịch vừa thơ mộng lại vừa u hoài.

Từ phía thượng nguồn bỗng xuất hiện một đoàn năm chiếc thuyền buồm to lớn, nối đuôi nhau thành hàng chữ nhật. Buồm no gió nhưng đoàn thuyền vẫn trôi chậm chạp, như cái mệt mỏi của người đàn bà thai nghén sắp đến ngày ở cữ. Quả vậy, lòng thuyền chắt đây hàng hóa, cao vọt như cái bụng có chứa. Những sản vật quý giá của núi rừng từ ngà voi, sừng tê, nhung nai cho đến trầm hương, kỷ nam, mật ong ... chất khẳm cả lòng thuyền. Buồm căng, gió mạnh nhưng vẫn không làm thuyền rẽ sóng mau hơn. Đi giữa đoàn, trên chiếc thuyền bốn buồm lớn nhất treo kỳ hiệu hình vuông nền xanh, giải đỏ, thêu bốn chữ vàng nổi bật : Đại Tổng Lý Bùi. Dưới khoang thuyền rộng rãi, có mui che mưa nắng đan bằng cật tre già, bên ngoài phết dầu rái bóng láng không thấm nước. Bên trong trang trí đơn sơ nhưng tiện nghi. Chiếc đèn dầu chai treo bên án thư, ở giữa là một cái bàn nhỏ bốn ghế, dính liền vào khoang là một sạp nằm bằng gỗ có trải chiếu hoa điều. Ánh sáng yếu ớt, vàng vọt nhưng cũng đủ cho thấy một phụ nữ thân hình thon thả, mặc váy áo màu xanh chàm của dân tộc người Bah Nar, tóc xõa dài trên gối, đang say sưa ngủ. Mành cửa trúc khẽ lay động, từ bên ngoài bước vào một người con gái xinh đẹp khoảng đôi mươi, dáng mạnh khỏe, bờ mông nở nang, cặp chân dài bước đi nhẹ nhàng nhưng vững chắc. Nàng vẫn lại mái tóc bị gió sông thổi xỏa tung. Hai cánh tay tròn lẳn chắc nịch, làn da phơn phớt màu nâu non, dấu vết của những ngày lặn lội trên ngàn tìm mua đặc sản quý hiếm núi rừng. Khuôn ngực

người con gái thẳng đứng đầy đặn, dường như chật chội trong bộ võ phục gọn gàng màu thiên thanh. Ông quần quần xà cạp nhà võ, chiếc đai thắt lưng là cặp nhuyễn tiên mềm mại không biết làm bằng gì đã lên nước đen bóng, cuốn tròn quanh chiếc eo thon nhỏ nhắn. Trên tay cầm song kiếm. Dưới ánh đèn lung linh nằng hiện thân là một giai nhân nhưng không kém phần uy nghi, kỳ vĩ của đấng tướng. Nàng ngồi xuống với tay nhắc ấm chè xanh rót vào chiếc bát sành có điểm hoa văn sắc sỡ. Cùng lúc người phụ nữ Bah Nar cũng vừa thức giấc. Thấy cô gái, nàng mim cười ngồi dậy vắn gọn lại mái tóc dài óng mượt. Nhan sắc người đàn bà trẻ miền núi cũng đẹp không kém gì cô gái, còn có phần mặn mà quyến rũ hơn. Nàng bước đến ngồi bên cạnh và hỏi cô gái:

- Sao em không ngủ thêm?

Người con gái mặc võ phục trả lời :

- Em cũng vừa thức giấc, ra ngoài xem có gì lạ không?

Đưa tay đón bát nước chè xanh cô gái trao, người phụ nữ Bah Nar hỏi tiếp:

- Thê thuyền đã đến đâu rồi em? Liệu chúng ta có kịp về trong phiên chợ ngày mai không?

- Ở đây thuộc địa phận gần vùng núi Kim Sơn. Trước kia, nơi này là ổ cọp. Dân lục lâm, thổ phi gây án bị truy nã bí đường, thường trốn lên đây kết bè kết đảng làm ăn cướp. Quan quân sợ không dám bén mảng. Mãi đến ngày Tây Sơn Vương dấy nghĩa và Trần huynh theo lệnh, đã mấy lần vào đây tảo trừng, chiêu dụ chúng về theo hàng dưới cờ, nay thì không còn nạn cướp bóc nữa.

Cô gái ngừng lời, bước đến bên cửa vén mành trúc nhìn ra ngoài. Trời vẫn trong và lúa thừa ánh sao đêm. Nàng tiếp lời:

- Bây giờ mới đầu canh ba. Nếu có gió nổi nổi lên thì thuyền ta về đến Kiên Mỹ sớm nhất cũng vào lúc trời đứng bóng.

Cô gái quay lại bên bàn, uống bát nước rồi nhìn người phụ nữ Bah Nar tiếp lời:

- Cô Hầu cũng biết đó, sắp đến ngày lập đàn tế cáo trời đất xuất quân nên cần nhiều kim ngân lo việc quân vụ. Chuyến này hàng thu mua rất nhiều nhưng chẳng có ai giám định được giá trị để bán, nên Vương mới bảo Cô Hầu cùng về với em. Và lại, cũng đã lâu ...

Cô gái bỏ lưng câu nói, cười vang. Người phụ nữ Bah Nar nguýt dài, dứ dứ nắm đấm dọa thiếu nữ áo xanh. Nghe nhắc đến Tây Sơn Vương, lòng cô gái Thượng bỗng rung động dạt dào. Nàng thì thầm tâm sự, như tự bảo lòng:

- Đã mấy mùa trăng rồi ta không được kề cận đấng phu quân. Vì chàng, vì nghiệp lớn dân tộc, ta đành bóp bụng gác lại tình riêng, chứ có mấy ai vừa lấy chồng, chưa mặn nồng hơi hướm lại muốn chia tay, phải không em?

Lời nói làm cô gái áo xanh cảm động. Nàng chưa có chồng, chỉ mới có người yêu thôi mà khi xa nhau đã thấy xốn xang nhớ nhung, chứ còn nói gì đến vợ chồng mới cưới.

Như một điều thật cao quý trội hơn tất cả mọi thứ quý giá trên đời, để người con gái yêu của vị tù trưởng lưng danh phải chấp nhận hy sinh, có chồng lại phải xa chồng. Có chăng đó là vì tình yêu đôi với tổ quốc, dân tộc. Một thứ tình yêu chỉ mua được bằng xương máu, không bằng con tim.

Quả vậy, vốn mộ côi mẹ từ bé, cha là thủ lãnh sắc dân Bah Nar nằm sâu trong rừng nên nàng được cha cung chiều, đón thầy về dạy học từ tế. Ngoài văn, cha còn dạy cả võ nghệ và thuật bắn tên, bắn nỏ cho nàng. Vừa đến tuổi cập kê, Cô Hầu đã hiểu được thế nào là tình yêu khi gặp Tây Sơn Vương Nguyễn Nhạc. Có chồng là một vị anh hùng chí lớn, đứng ra nhận lãnh trách nhiệm của dân tộc giao phó, nên chỉ nàng cũng sớm nhận thức được thế nào là tình yêu đối với tổ quốc, an nguy đối với muôn dân. Cô Hầu nhận công tác khai hoang vùng Mộ Điều, rừng Cổ Yên thành một khu canh tác ruộng lúa nơi thấp và khoai bắp trên cao. Chẳng bao lâu nghĩa quân đã có một kho lương thực phi nhiều rộng hàng nghìn mẫu, tự canh tác tự bảo vệ, nổi tiếng là khu an toàn.

Về sau, khi Nguyễn Nhạc xưng đế, Cô Hầu được đón về Qui Nhơn phong làm thứ phi, nhưng vốn không quen chốn phồn hoa náo nhiệt và những

ràng buộc lễ nghi quan cách rườm rà nơi cung đình, nên Cô Hầu xin phép chồng trở về rừng Cổ Yên sống thành thoi tự do với lâm tuyền, thôn bản. Thịnh thoảng mới xuống thành thăm chồng.

Năm 1793, khi vua Thái Đức băng hà, con là Nguyễn Bảo nổi dậy nhưng rồi cũng thất bại, chịu chết. Bà Chánh cung họ Trần đem hai con là Văn Đức, Văn Lương chạy lên Mộ Điều tỵ nạn ở với Cô Hầu. Cô đối xử thân ái chí tình, lo lắng hết lòng như chị em. Quan quân nhà Nguyễn đã nhiều lần lần la dò thám, nhưng đều bị bà bắt được trị tội. Từ đó về sau chúng không còn dám bén mảng đến nữa.

Võ văn Dũng đã nhiều lần đến thăm và đề nghị Cô Hầu chiêu binh mãi mã để tái phục nhà Tây Sơn, nhưng Cô Hầu chỉ mỉm cười, đưa tay chỉ núi rừng chung quanh và nói :

- Chuyện dân tộc, tổ quốc là việc quan đại, hệ trọng dành cho người có chí lớn. Còn tôi chỉ là đàn bà, muốn sống với giang sơn riêng của mình thôi. Địa vị, danh vọng thật xa lạ hão huyền hơn là nương rẫy, buôn làng ...

Danh tướng Võ văn Dũng đành từ tạ ra đi.

\*

Quen nhau chưa được bao lâu nhưng cô gái áo xanh rất mến phục người đàn bà Thượng xinh đẹp này. Tuy là vợ của Tây Sơn Vương nhưng tâm lòng lúc nào cũng chất phát, mộc mạc như thờ còn sống trong bản làng sơn cước.

Đang miên man suy nghĩ, bỗng vọng trong thính không nổi lên tiếng tù-và rền rĩ. Âm thanh trầm đục, không khoan nhặt, từ tốn như mọi lần mà lại giục đã hồi thúc, dường như báo nguy .

U... ù... ù ... ùm... ùm ... ùm ... ù ù ù ... ùm ùm ...

Nghe tiếng tù-và nổi hiệu cấp báo, hai người đàn bà bật đứng lên. Cô gái mặc võ phục chụp vội song kiếm, vén mảnh cửa nhảy vút lên mũi thuyền, đảo mắt nhìn quanh bốn phía. Những phu thuyền đã thức giấc và túc trực ngay tại vị trí, tay đuốc tay đao sẵn sàng nghinh chiến. Chiếc thuyền đi đầu vừa nổi hiệu báo nguy, đèn đuốc thấp sáng rực đã dừng lại bố trí tại chỗ chờ các thuyền theo sau cùng lên. Người con gái ngược nhìn lên đài chỉ huy đặt trên cao gần đỉnh buồm, đánh dấu tay ra hiệu. Lập tức tiếng tù-và ban lệnh được phát đi lờng lờng trong gió. Chung quanh có tiếng đáp lại. Hai

thuyền đi sau được lệnh liền chinh buồm bỏ hàng chữ nhất, chạy chéo về phía bên trái và phải dàn thành hàng ngang, bảo vệ chiếc thuyền "Soái" của cô gái rồi ba chiếc cùng song song tiến lên. Chẳng mấy chốc đã thấy rõ trong khoang thuyền đi đầu, khoảng chục tên mặc quần áo dạ hành, bịt kín mặt, dùng vũ khí nhị khúc và đoản côn, đang đánh vùi với các phu thuyền. Gần đó, một tên bịt mặt cao lớn có lẽ là thủ lĩnh, đang chống trường côn thân nhiên đứng lướt trận.

Cô gái áo xanh lâm bầm: "Bọn thảo khấu nào đàn độn quá, dám chạm đến quân Tây Sơn. Phải cho chúng biết oai mới được". Các phu thuyền phản công kịch liệt và chưa bị một tổn thất nào. Thật ra, họ chính là những chiến sĩ tinh nhuệ trong đội quân "bảo an sơn phòng chiến khu" của Tây Sơn Vương. Họ được huấn luyện chính quy và xử dụng đoản đao thuần thực để ứng phó trong những vị trí chật hẹp và cận thân địch thủ. Lần này họ được bí mật giao công tác quan trọng là chuyển và bảo vệ hàng quý giá về đến căn cứ địa. Có thể đôi đầu ngang tay với họ là đã được xếp vào hạng khá. Tuy nhiên các tay lục lâm này quả thật không phải hạng xoàng, chúng đã đá ngã được vài ba quân sĩ. Những phu thuyền khác còn lại lập tức nhào lên rước địch trám chỗ. Cô gái yên lòng khi thấy nhân số của địch không đông. Rồi như để giải quyết nhanh chóng trận đấu và cũng muốn thử tài tên thủ lĩnh, cô gái quyết định nhập trận. Nàng thét lớn một tiếng lanh lảnh thị oai, rồi dùng thể "Yến tử xuyên vân" tung người bay vèo từ mũi thuyền soái đến khoang thuyền đang lâm chiến. Hai tay dang rộng, đầu hơi cúi xuống, thân nàng tựa như chim én đang bay liệng trong mây. Đôi song kiếm rút ra khỏi vỏ sáng lấp lánh dưới ánh đuốc, bỗng tỏa thành tán rộng phủ chụp xuống đầu tên thủ lĩnh lục lâm bằng thể võ sấm sét "Phong lôi động thiên". Tay thủ lĩnh cũng không vừa, bình tinh chờ ánh kiếm rơi xuống gân, lập tức dùng thể "Thiền thủ thoát xác" trờ người né tránh, đồng thời cây trường côn trở ngọn xé gió đánh thốc vào mặt cô gái. Nàng lẹ làng thu kiếm về che mặt. Song kiếm trường côn chạm nhau toé lửa. Cô gái nương theo sức va chạm, bật người ra xa hạ chân nhẹ nhàng xuống lòng thuyền. Đòn trao đôi đầu tiên xảy ra

trong chớp mắt, rồi cô gái và gã lục lâm lại lẫn xả vào nhau trở tài, quyết tranh phần thắng. Tiếng la hét cổ vũ huyền ảo. lát sau, bỗng từ chiếc thuyền đoạn hậu một bóng vàng chao mình phóng vụt qua. Chân chưa chạm thuyền, cây nhuyễn tiên trong tay đã vút ra như ánh chớp. Lại một giai nhân nữa xuất hiện. Nàng mặc võ phục toàn một màu vàng, tóc bím thắt nơ bỏ thành hai lọn gọn gàng trên bờ vai trẻ trung, mạnh khỏe. Nàng xông vào trận như hổ đói vào đàn dê, gặp đâu đánh đó. Cây nhuyễn tiên như con rắn vàng, quẫy mình lồng lộn vun vút tứ phía, rình mò bọn thảo khấu. Chỉ trong vài hiệp, xử dụng mười thể võ, nàng đã đá ngã loại ra khỏi vòng chiến hai tên lục lâm. Hàng ngũ địch bắt đầu rối loạn. Trong khi đó cô gái áo xanh và gã đầu lĩnh đã đấu nhau đến hồi kịch liệt, bất phân thắng bại. Tài nghệ tên cầm đầu bọn cướp quả thật cừ khôi, đáng gờm. Tuy đang đối địch nhưng vẫn để tâm theo dõi đám thủ hạ, nên lúc cây nhuyễn tiên của cô gái áo vàng sa xuống đầu một tên thảo khấu thập phần nguy hiểm. Trong lúc tên cướp bó tay, chỉ còn nhắm mắt chờ chết thì gã thủ lĩnh đã kịp thời hoành thân gạt mạnh đôi song kiếm của cô gái áo xanh, rồi thi triển một loại khinh công kỳ bí, thân hình như một vệt khói mờ, chập chờn bay vút đến đỡ kịp ngọn roi trong gang tấc. Một tiếng "chát" khô khan nhưng dữ dội vang lên. Cô gái áo vàng ngã nhào ra sau, cây nhuyễn tiên rời khỏi tay rơi xuống thuyền. Chiến trường chợt lặng đi một giây rồi lại tiếp tục. Nhưng cùng lúc đó cô gái áo xanh đã nhảy ra khỏi vòng chiến, thét lớn :

- Tất cả hãy ngừng tay.

Rồi thình lình nàng vọt cặp song kiếm xuống lòng thuyền kêu loảng xoảng. Trong khi ai nấy đang trở mắt ngạc nhiên không hiểu chuyện gì xảy ra, thì nàng đã quay sang gã thủ lĩnh lục lâm, hờn dỗi nói to:

- Trần huynh đừng đùa nữa.

Gã đầu lĩnh bật ra tiếng cười dòn dã, đưa tay lên tháo chiếc khăn bịt mặt. Dưới ánh đuốc hiện rõ là một thanh niên tướng mạo khôi vĩ, khuôn mặt vuông vức, chiếc cằm bạnh cương trực và đôi mắt sáng quắc như sao băng. Phong độ hiên ngang, uy vũ ngời ngời làm người đối diện phải nể sợ. Chẳng cung tay hướng về cô gái áo xanh và nói:

- Khá khen cho muội đã sớm nhận được huynh.

Rồi quay qua đám lục lâm, lúc này cũng đã tháo khăn bịt mắt, thanh niên tiếp lời:

- Tất cả các đệ hãy đến ra mắt nữ tướng Tây Sơn.

Đám lục lâm vòng tay quyền cung kính hướng về cô gái, đồng thanh nói to:

- Chúng thủ hạ xin ra mắt Bùi Tổng Lý.

Đúng vậy, cô gái mặc võ phục màu thiên thanh võ nghệ siêu quần bạt chúng kia chính là nữ tướng lừng danh Tây Sơn, người cầm đầu Ngũ Phụng Thư tên là Bùi thị Xuân. Riêng cô mặc võ phục màu vàng là Hoàng phụng Huỳnh thị Cúc, một trong bốn đại đệ tử cũng là những bộ tướng thân tín của nàng.

Đến đây người thanh niên được cô gái gọi là Trần huynh, mới quay sang đám quân sĩ son phồng giả làm phu thuyền, cất tiếng nói sang sảng:

- Ta được lệnh của chủ soái đến hộ tống đoàn thuyền về căn cứ, đồng thời cũng nhân dịp thủ tài kiểm côn và tinh thần cảnh giác của các người đến đây. Ta có lời khen ngợi tất cả và sẽ có ban thưởng sau. Tuy nhiên, đừng vì thế mà lơ là rèn luyện, phải luôn luôn nhớ câu: "văn ôn, võ luyện".

Tiếng hoan hô reo mừng vang lên tờ mờ. Quay qua hai nữ tướng, thanh niên tiếp lời:

- Hoàng phụng khá lắm, đã đá ngã được hai bộ tướng của ta, quả thật là bậc anh thư. Ta sẽ về trình với chủ soái khen thưởng xứng đáng. Riêng với nữ tướng, quả không hổ danh người đứng đầu Ngũ Phụng thư. Mãi đến bây giờ tay ta vẫn còn ê ẩm vì sức mạnh của song kiếm.

Nói đến đây, thanh niên cười cười rồi hạ thấp giọng, chỉ vừa đủ cho cô gái họ Bùi nghe:

- Riêng nàng, chủ soái đã quyết định ban thưởng ta cho nàng. Vậy từ nay ta sẽ là nô lệ, đời đời thuộc về nàng và tùy nàng xử dụng nhé.

Nghe người thanh niên nói, mặt cô gái bỗng đỏ bừng ửng, nguyệt dài quay đi không nói. Ai ai cũng biết họ là đôi tình nhân khăng khít. Có thân thiết nhau mới biết được rõ loại khinh công thượng thừa vô địch, dường như đã thất truyền trên giang hồ mà thanh niên họ Trần vừa xử dụng, đó là "Hầu phong hành". Cô gái đã nghe và từng xem người yêu biểu diễn. Gặp tình thế nguy cấp, buộc lòng chàng phải xử dụng để giải nguy cho thủ hạ, do đó đã

để lộ chân tướng.

Bùi thị Xuân quay trở về Soái thuyền, tiếp tục giọng buồn. Cô Hầu có dịp trêu ghẹo trả miếng. Nữ tướng một mực làm thính, xấu hổ. Thế mới hay "nhi nữ thường tình". Có dầu là bậc cân quốc anh thư hay nữ tướng anh hào, nhưng một khi đề cập đến tình yêu trai gái vẫn thẹn thùng, bẽn lẽn.

Hôm sau, đoàn thuyền về đến căn cứ địa an toàn. Đúng như lời thanh niên họ Trần nói trong đêm thủ tài trên dòng Hữu giang, bên dãy núi Kim Sơn định mệnh; Tây Sơn Vương Nguyễn Nhạc đứng ra tác thành cho đôi thanh niên nam nữ anh hùng thành vợ chồng. Đám cưới họ tiến hành đơn giản trước ngày Nguyễn Nhạc lập đàn cáo bái Trời Đất, tế cờ xuất quân tại đèo An Khê, dưới bóng hai cây đại thụ. Đó là ngày rằm tháng tám năm Quý Tỵ (1773). Người thanh niên anh hùng được làm chồng vị nữ tướng tài sắc, lừng danh Tây Sơn là Thiếu Phó Trần Quang Diệu.

\*

Bùi thị Xuân quê quán thôn Xuân Hoà, Phú Phong. Nữ công khéo, chữ viết đẹp. Mà ngài, mắt phượng. Đã đẹp người lại còn có sức mạnh phi thường nên rất thích luyện tập võ nghệ. Lúc nhỏ thích mặc quần áo con trai, lớn lên xem sách, ảnh rồi tự mình phát thảo, chế ra những kiểu mẫu quần áo dành riêng cho hiệp nữ. Cha mẹ thương chiều, không nỡ rầy la nên Xuân được theo nghề kiếm cung. Ban đầu Bùi thị Xuân học võ với ông Ngô Mạnh là ông nội của tướng Ngô văn Sở, nhưng chỉ được ba năm thì thầy mất. Năm lên 15 tuổi, thi ngộ kỹ duyên. Đêm đêm có một bà lão đến truyền thụ võ nghệ từ đầu hôm đến gà gáy lần thứ nhất thì ra đi. Không ai biết gốc gác lai lịch của bà lão, chỉ biết bà là một nữ lưu có võ công rất thâm hậu. Ngoài giờ học tập quyền thuật, bà chuyên luyện cho Bùi thị Xuân phép đánh nhuyễn tiên (roi mềm) và song kiếm. Năm thứ nhất bà lão bắt buộc học trò phải tập nhảy từ gần đến xa rồi nhảy cao, bằng cách cột bao cát nơi hai chân, từ nhẹ đến nặng. Lúc đầu nhảy trên đất bằng, rồi kể đến nhảy ở hào cạn và hào sâu. Còn nhảy xa thì ban đầu dùng sào, sau dùng tre tươi vít ngọn uốn cong xuống thấp rồi nương theo sức bật của tre mà nhảy. Cứ thế, đêm ngày Bùi thị Xuân kiên trì tập luyện, rồi gian nan

cũng qua, thành công cũng đã đến. Bà lão dạy: "nữ giới dẫu có mạnh đến đâu cũng không bì kịp với nam nhân. Vậy muốn thắng chỉ còn nhờ vào tài lanh lẹ, dẻo dai. Lúc lâm chiến, chờ khi địch thủ đã mệt nhọc lơ là phòng bị, ta xuất kỳ bất ý ra đòn sẽ nắm chắc phần thắng".

Cứ thế ròng rã suốt ba năm, bà lão ra công dạy, Bùi thị Xuân gắng sức học. Đến năm lên 17 tuổi, thì tài nghệ nàng đã tinh thông, điêu luyện.

Một đêm bà lão từ biệt ra đi. Bùi thị Xuân theo khóc lóc năn nỉ, bà lão mới nói:

- Ta ở gần đây. Trong ba hôm nữa thì con sẽ biết nhưng phải tuyệt đối giữ bí mật.

Nói rồi bà nhảy vọt vào bóng đêm mất dạng.

Ba hôm sau, tại thôn An Vinh có một bà lão goá bụa, sống với vợ chồng người con gái, vừa mới qua đời. Khi bà Xuân tìm đến nơi thì biết đây chính là ân sư của mình nhưng nhớ lời căn dặn, bà chỉ điều tang như một người quen. Khuya hôm đó, Bùi thị Xuân thiết bàn hương án nơi vườn dạy võ, làm lễ xin chịu tang sư mẫu.

Nhớ ơn thầy dạy dỗ nhưng không thể làm cách nào đền ơn, nên Bùi thị Xuân dốc lòng rèn luyện võ nghệ. Nàng thu nhận đệ tử, mở đầu phong trào võ nghệ cho phải quần thoa. Ban sơ chỉ năm, bảy người, sau lên đến vài chục người. Tài nghệ tinh thông, cách dạy dỗ đứng đắn, nàng luôn lấy tình chị em mà đối xử nên ai ai cũng kính yêu.

Đề đến ơn dạy võ con gái, một phú ông họ Đinh ở Lai Nghi đã tặng bà Xuân một con ngựa toàn sắc màu trắng, to lớn, mạnh khoẻ, chạy suốt buổi không biết mệt, không đổ mồ hôi. Nhờ thông thạo cách luyện ngựa, do đó sau này bạch mã đã trở thành một chiến mã, theo chân nàng dong ruổi khắp nơi, xông pha trên mọi chiến trường.

Sở dĩ Bùi thị Xuân biết được phương pháp luyện ngựa cũng là một kỳ duyên. Một hôm nàng đang đứng ở trường trâu Kiên Mỹ, chợt thấy một tráng sĩ trẻ tuổi tay cầm đồng côn, chân mang hài sắt, cỡi ngựa ô, từ Thuận Nghĩa chạy lên Phú Lạc thuộc vùng Tây Sơn Hạ. Tướng mạo người ấy hiên ngang nhưng khuôn mặt hiền lành. Bùi thị Xuân bí mật theo sau. Đến Trung Sơn, thanh niên cho ngựa chạy lên núi, quanh quất một hồi rồi dừng lại ở lưng chừng núi. Tráng sĩ thả ngựa tự do, xắn tay áo

múa côn. Bại côn lạ mắt, tiếng gió vun vút, khí lạnh rợn người, côn đến đâu sương sớm ban mai tan dần ra đến đó. Hết thảo này đến thảo khác, luyện liên tiếp mấy bài mà mặt không hề đỏ sắc, hơi thở vẫn như thường. Bỗng tráng sĩ ngưng múa đưa tay lên miệng huýt một tiếng dài. Từ xa, tuấn mã nghe lệnh liền phi đến chủ. Chờ ngựa chạy ngang, tráng sĩ tung mình nhảy lên lưng rồi ra roi phi nước đại. Đường núi khúc khuỷu gập ghềnh, đá lớn nhỏ chất chồng lung tung, thể mà ngựa chạy như trên bình địa. Ngồi trên lưng ngựa, tráng sĩ nhào lộn, xoay trở đủ thể đứng, nằm, nghiêng trái, phải, ngựa dễ dàng như đùa. Chợt đâu một bầy quạ bay ngang, tráng sĩ liền giương cung bắn liên tiếp hai phát, hai con quạ rớt xuống đất tức khắc.

Bùi thị Xuân suyốt buốt miệng la lên, khen tài thanh niên xuất chúng phi thường. Sau đó điều tra mới biết được lai lịch của người tráng sĩ tên là Đặng xuân Phong. Còn con ngựa đen thần mã có tên là Ô Du. Nữ tướng liền trở về chiến khu rồi bàn bạc với Đại Tổng lý Vũ đình Tú, xuống Dũng Hòa mời họ Đặng cùng tham gia đại cuộc. Sau này nhờ Đặng xuân Phong chỉ dẫn, Bùi thị Xuân biết được thêm một số phương pháp bí truyền trong cách luyện ngựa.

Bùi thị Xuân cũng học được cách luyện ngựa chiến với một người khác trong hàng ngũ Tây Sơn Thất Hồ Tướng, đó là Lý văn Bru. Ông còn có tên là Mru, người làng Đại Khoang huyện Phù Cát, Bình Định. Nổi danh từ thuở niên thiếu, có biệt hiệu là Phi Vân Báo (con beo bay trong mây). Gia đình họ Lý chuyên việc chăn nuôi ngựa chiến truyền từ đời ông cao tổ. Ngựa của họ đem bán khắp nơi, cả tỉnh Phú Yên đến Quảng Ngãi. Nhà giàu có, làm ăn qui mô, ở vùng thảo dã hẻo lánh nên trong nhà nuôi nhiều thầy võ bảo vệ. Do đó, từ nhỏ Lý văn Bru đã được luyện tập võ nghệ và huấn luyện chăn nuôi ngựa. Lý văn Bru có tài cỡi ngựa không yên cương, vừa phi nước đại vừa múa kiếm, phóng lao, bắn tên trăm phát trăm trúng. Nhờ địa thế Đại Khoang, Thuận Truyền qua đến Thuận Ninh đất toàn gò nong, đồi núi cỏ hoang rất thích hợp cho việc chăn nuôi, săn bắn, luyện ngựa, tập kiếm cung và nghiên cứu binh thư đồ trận. Nhờ tài thao lược, ông được phong chức Đô đốc cầm binh tham gia các trận đánh trong Nam và giải phóng thành Thăng Long.



Sau khi vua Quang Trung băng hà, tình cảnh nhà Tây Sơn ngày càng suy sụp. Vua Cảnh Thịnh tranh dành quyền lực với vua Thái Đức. Bùi đặc Tuyên lộng quyền, các võ tướng trung dũng lừng lẫy như Võ văn Dũng, Trần quang Diệu đều bị nghi ngờ, thất sủng. Lý văn Bưu chán nản, viện cớ tuổi già sức yếu xin được trở về cố hương, sống những ngày thanh thoi với cô đồng hương nội, thanh thản với trời mây non nước. Từ đó ông biệt tịch giang hồ.

\*

Một hôm Bùi thị Xuân cùng bộ thuộc tổ chức đi săn ở khu vực Đồng Sim, Đồng Trăng Thuận Ninh, bỗng bà nghe tiếng voi gầm thét trầm thổng, bí thảm. Lấy làm lạ, bà Xuân giục bạch mã phi nhanh về hướng có tiếng voi kêu cứu. Đến vùng thung lũng xanh tươi, bên một khe suối nước bạc tuôn chảy cuộn cuộn, Bùi thị Xuân trông thấy một con voi trắng ngà dài cong vút hơn thước, đang bị một con trăn núi to lớn khùng khiếp quấn chặt, vô phương vùng vẫy. Thân hình to lớn, bê thể của voi bị trăn cuốn chặt, từ từ siết dần, siết dần đau đớn và yếu hẳn đi. Chiếc vòi voi không làm gì được trăn núi, nó giận dữ quật tứ tung làm ngã gãy tất cả cây cối chung quanh. Bùi thị Xuân bỏ ngựa men theo cây rừng lần đến bên trăn núi, rồi cẩn thận lựa thế bắn ngay một mũi tên vào mắt trăn. Bị trúng hiểm, trăn vùng vẫy nói lỏng vòng siết, quăng mình há miệng tấn công bà Xuân. Chỉ đợi có thế, nữ tướng liền triển khai thân công, phóng ngay mũi lao đang cầm sẵn trên tay. Cây lao xé gió, tiếng rít nghe rờn rợn. Ngọn lao cắm phập vào đầu trăn núi, xuyên suốt và ghim chặt vào góc cây to lớn. Quả đau đớn, trăn quăn mình vào thân cây lần lộn vùng vẫy làm cây đổ. Trăn duỗi mình nằm chết, thân hình to lớn và dài thượt. Bà Xuân quay nhìn voi lâm nạn. Voi trắng đưa vòi cạ cạ vào vai bà Xuân ra chịu thân mật, rồi vươn lên cao thét mấy hồi dài làm rung động cả núi rừng. Có tiếng chân chạy rầm rập từ hướng xa, cây rừng xào xạc ngã rạp. Một đàn voi xuất hiện chung quanh voi trắng. Thêm một tiếng thét dài nữa của bạch tượng, một hiện tượng kỳ lạ diễn ra, cả đàn voi đồng loạt xếp chân quỳ xuống co vòi như hành lễ bái kiến nữ tướng Bùi thị Xuân. Vấn chuyên luyện voi nên bà biết rõ đặc tính của nó. Trước cảnh đàn voi rừng làm lễ tạ ơn người đã cứu chúa đàn, ban đầu bà còn ngỡ nhưng về sau lòng vui mừng vô hạn, vì bà biết đây là cử chỉ ơn tình và

thuần phục của giống vật thông minh, trung nghĩa. Đàn voi kéo nhau theo bà về làng. Thế là nhờ cơ duyên may mắn hi hữu, Bùi thị Xuân đã có được một đàn voi trung thành, dũng cảm hàng chục con.

Sau khi Tây Sơn khởi nghĩa, các sắc dân miền núi đem tặng thêm nhiều thốt voi nữa, cộng với số voi cống phẩm, chiến lợi phẩm, chẳng bao lâu đàn voi chiến của bà Xuân đã lên đến hàng trăm con. Về sau theo lệnh vua Quang Trung, đội tượng binh của bà được điều ra bảo vệ thành Phú Xuân, chỉ khi cần thiết mới xuất trận. Đoàn tượng binh đã lập được nhiều chiến công lừng lẫy, nhất là trận đại phá quân Thanh ở Ngọc Hồi. Tượng binh đã đánh tan kỵ binh của Hứa thế Hanh và dày chét hàng ngàn quân Thanh ở Đầm Mực.

Ngoài ra bà Bùi thị Xuân đã tuyển mộ, tổ chức và huấn luyện tinh nhuệ 4 lữ đoàn nữ binh. Một lữ đoàn gồm 5 tốt tức 500 người. Trợ giúp mọi việc quân cơ có bốn nữ tướng thân cận trong Ngũ Phụng Thư là : Bùi thị Nhạn, Trần thị Lan, Nguyễn thị Dung và Huỳnh thị Cúc.

Năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn phúc Ánh xưng đế, hiệu Gia Long, kéo đại binh ra đánh Bắc Hà. Trần quang Diệu, Võ văn Dũng cùng tướng sĩ vượt thượng đạo trở ra Nghệ An. Trên đường hành quân Diệu lâm bệnh nặng, đến Hương Sơn thì bị đột kích và bị bắt. Bùi nữ tướng hay tin liền đem nữ binh đi giải cứu. Đến Giáp Sơn thì cứu được chồng và Võ văn Dũng cùng các tướng sĩ, nhưng chạy đến sông Thành Chương thì bị đại quân nhà Nguyễn chặn đánh. Quân Tây Sơn liều chết chống cự kịch liệt, dần dần yếu thế, lớp chết lớp bị thương, lần lượt bị bắt trở lại, chỉ có Võ văn Dũng và vợ chồng bà Xuân thoát được. Song, hai chân của Diệu bị bệnh sưng phù đi không nổi. Bùi nữ tướng vừa công chồng, vừa đánh mở đường máu, nhưng quân nhà Nguyễn đông quá, phần bà bị thương tích chưa lành, đành sa cơ chịu giặc bắt. Riêng tướng Võ văn Dũng thoát được chạy đến Thanh Hoá thì bị bắt lại. Cả ba bị đóng cũi giải ra Nghệ An. Trên đường đi Võ văn Dũng phá cũi thoát thân và giải cứu được cả hai bạn, nhưng Diệu không đi nổi, Bùi nữ tướng không nỡ bỏ rơi chồng, nên quyết định ở lại cùng chịu chết. Võ văn Dũng đành thoát đi một mình. Tháng 11 cùng năm, tất cả võ tướng nhà Tây Sơn đều bị thọt án tử hình. Riêng Bùi thị Xuân, Gia Long truyền dẫn đến xem mặt.

Trước bá quan văn võ, Ánh hiu hiu tự đắc hỏi xách mé nữ tướng:

- Ta và Nguyễn Huệ, ai hơn?

Nữ tướng Bùi thị Xuân đồng dặc trả lời :

- Nói về tài ba, thì tiên đế ta bách chiến bách thắng, với hai bàn tay trắng xây dựng nên cơ đồ. Còn nhà ngươi thì trốn chui trốn nhủi, quy lụy cục cung cầu viện hết quân Xiêm đến Pháp. Chỗ hơn kém rõ ràng như ao trời nước vũng.

Nói về đức độ, thì tiên đế ta lấy nhân nghĩa mà chiêu hiền đãi sĩ, kể cả những kẻ trung thần thất thế của nhà ngươi như Nguyễn huỳnh Đức. Còn ngươi thì ngược lại, dụng cái tâm tiểu nhân mà đối xử với những bậc nghĩa liệt, hiền tài. Chỗ hơn kém rõ ràng như ban ngày với đêm tối. Nếu tiên đế ta không sớm vắng long, thì để gì nhà ngươi đặt chân trở lại được non sông tổ quốc này.

Gia Long hỏi gần :

- Ngươi có tài sao không giữ được ngay vàng cho Cảnh Thịnh?

Nữ kiệt ung dung đáp:

- Giá như Tây Sơn có thêm một nữ tướng như ta nữa thì cửa Nhật Lệ sẽ không bao giờ lạnh lẽo. Cửa Nhật Lệ không bỏ trống thì để gì nhà ngươi đặt chân lên được đất Bắc Hà. Ta đâu sợ chết mà phải hạ mình trước kẻ tiểu nhân tí tiện như nhà ngươi để nói những lời van xin tha thứ.

Quả như lời nữ tướng Tây Sơn nói, Gia Long căm gan, truyền lệnh đem bà về Qui Nhơn, cởi bỏ hết quần áo, cột đứng trên tù xa, dong đi khắp nơi khắp chốn. Mọi người bắt nhand ngoảnh mặt ngó lơ. Mọi nhà đều cửa đóng then cài kín mít. Khi xe đến Đập Đá, nơi nổi tiếng về nghề dệt lụa, bỗng có trận gió lạ thổi tung những tấm lụa trắng tinh khô phủ lên chung quanh tù xa. Đám tướng sĩ hộ tống vung gươm chém đứt tả tơi lụa. Từng mảnh vải tung bay vào xe, phủ kín thân hình lỏa lồ của vị nữ tướng trung dũng bất khuất.

Gia Long lại hỏi:

- Đã biết nhục chưa?

Bùi thị Xuân mỉm cười khinh bỉ, đánh thếp đáp:

- Nhục đâu có vương vào thân ta tí nào mà chỉ tổ đổ thêm trên đầu nhà ngươi. Hãy nhìn khắp thiên hạ mà hỏi xem có đúng thế không? Quả tâm địa nhà ngươi còn độc hơn cả sài lang, bản thiu hơn cả loài cẩu trệ.

Bị nguyên rủa Gia Long tức giận, hèn hạ bắt đưa con gái của nữ kiệt đem ra giết trước mặt mẹ, cột làm cho nữ tướng đau lòng phải hạ mình van xin. Thấy voi đến, đưa con gái sợ sệt kêu lên:

- Mẹ ơi ! mẹ cứu con với.

Nữ kiệt trừng mắt hét lớn:

- Con nhà tướng dẫu có phải chết cũng không được một phút khiếp nhược, hèn yếu.

Đến lượt xử nữ kiệt. Chúng trời bà để nằm trên cỏ rồi thúc voi đến dầy. Con voi hung hãn chạy đến gợn chân trước toan chà nữ tướng. Bà Xuân trợn mắt nhìn voi, hét lớn một tiếng như sấm nổ. Voi thất kinh chùn bước thụt lui, mặc nài thúc búa chan chất lên đầu cũng không chịu tiến tới. Lĩnh lấy giáo đâm, voi quay mình bỏ chạy.

Gia Long bực tức sai thủ hạ áp dụng hình phạt tàn bạo là "điểm thiên đăng". Chúng lấy vải nhúng sấp lông rồi đem quấn vào người bà, sau đó cột nữ tướng vào trụ sắt giữa trời châm lửa đốt. Lửa cháy phừng phực như cây đuốc người. Bà Xuân vẫn bình thản không hề kêu than một lời nhỏ. Một hồi sau có tiếng nổ vang. Sọ nữ kiệt vỡ tung. Bỗng một lần thanh quang bay vút lên trời xanh. Trưa đang nắng chang chang chợt mây đen từ đâu kéo về mờ mịt. Chốc lát mưa tuôn xối xả phủ kín bầu trời. Người dân truyền miệng rằng nữ tướng Bùi thị Xuân đã hóa Thánh bay về trời cao, theo chồng là Trần quang Diệu về phò Tiên đế Quang Trung.

Hàng năm vào ngày mùng sáu, tháng mười một âm lịch, người dân thành kính bày bàn hương án, tưởng nhớ vị nữ tướng Tây Sơn, nhân vật đứng đầu Ngũ Phụng Thư. Người nữ lưu xinh đẹp, hiền thực nhưng cương cường dũng liệt, đã biết vượt qua cái thường tình của nhân thế trong cuộc sống danh lợi, đẩy đẩy những toan tính vị kỷ hẹp hòi để làm con người trở nên tầm thường, nhỏ nhoi đối với mọi thử thách gian nan trong cuộc đời ... để hiến dâng trọn vẹn sinh mệnh cho tổ quốc, dân tộc. Người nữ lưu ấy đã trở thành bất tử với thời gian lịch sử dân tộc. Mãi mãi lưu danh thiên cổ và đời đời được ngưỡng vọng, tôn thờ. Vị anh thư ấy chính là nữ tướng Tây Sơn : **Bùi thị Xuân**.

**Lê Luyên**  
(Virginia)

# CHAI RƯỢU KHAI XUÂN

## Nguyễn Tường Thiết

Mùa hè vừa qua nhân ghé tỉnh Vancouver BC bên Canada để thăm một người quen tôi tình cờ được đọc một tờ tạp chí cũ in từ Việt Nam. Đó là số báo Xuân Đinh Hợi 2007 với chủ đề Chơi Xuân của tạp chí NHÀ ĐẸP do Hội Kiến Trúc Sư Việt Nam thực hiện.

Số báo Xuân này là một bộ sưu tập giới thiệu những “quán đẹp” của ba miền Trung Nam Bắc với những hình ảnh màu tuyệt mỹ được in với kỹ thuật tinh xảo không thua bất cứ một magazine quảng cáo nào của các hãng máy bay mà ta thường thấy trên các chuyến phi cơ bay đường quốc tế.

Khi giờ đến trang báo giới thiệu quán cà phê La Poste của thành phố Đà Lạt tôi ngẩn ngơ xúc động và vội xin chủ nhà số báo đó để mang về cất giữ làm kỷ niệm. Bởi vì quán cà phê này chính là căn nhà xưa mà chúng tôi đã từng ở 52 năm trước và là nơi ghi dấu biết bao kỷ niệm êm đềm của tôi với cha tôi.

Đây là một biệt thự lớn hai tầng có lối kiến trúc rất tây, xưa kia nó mang số 12 đường Yersin nay đổi thành 12 đường Trần Phú. Nguyên từng dưới của biệt thự một thời từng là nhà hàng bán thực phẩm và rượu tây mang tên Poincard et Veyret, nay biến thành một Restaurant. Tầng trên của biệt thự chia thành nhiều phòng nhỏ thuộc nhiều đơn vị gia cư, trong đó gia đình chúng tôi chiếm 2 gian có ban công nhìn sang Hôtel du Parc nằm bên kia đường Yersin. Những gian phòng đó nay chắc đã được phá ra tân trang lại để biến thành quán cà phê La Poste.

Tôi nhìn vào bức ảnh căn biệt thự ấy. Mặt tiền dưới nhà trên cái cửa chính tấm bảng hiệu Poincard & Veyret thay bằng Le Café de la Poste, Restaurant.

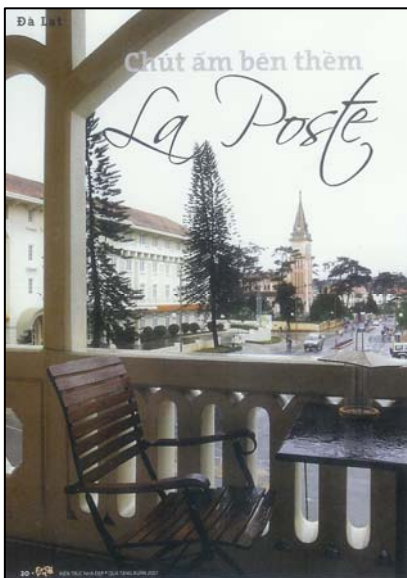
Bên cạnh bức ảnh là mấy lời giới thiệu quán La Poste của tác giả Lạc Việt: *Có lẽ uống cà phê là một cái thi vị không thể thiếu của thành phố Đà Lạt. Thú nhất là được nhâm nhi cà phê và nhìn từ trên cao quan sát thành phố sương mù. Món “đắt” nhất của quán này là những view nhìn bên cửa sổ. Đó chính là những bức tranh thiên nhiên sinh động, mà tại đó bạn có thể hàng giờ đọc sách và ngắm mưa rơi để được hưởng cái lạnh của Đà Lạt. Bạn có thể ngồi tại vị trí ban công để cái lạnh mơn man da thịt và để những giọt cà phê nóng ấm tan trên đầu môi và hoà vào trong bạn...*

Tôi nhìn bức hình cái view đặc ý nhất ấy của quán La Poste. Hình chụp một ban công với cái bàn vuông, chiếc ghế gỗ, bên kia đường là khách sạn Du Parc, xa xa là “nhà thờ con gà” của Đà Lạt.

Lòng tôi băng khuâng...

Cái view đó cũng đúng là cái view mà cha tôi đã nhìn ngắm và vẽ nên một họa phẩm bằng bút chì. Rất tiếc là nay tôi không giữ được bức họa ấy.

Tôi nghĩ tới một ngày nào đó tôi sẽ ngồi trên chiếc ghế ấy để nhìn lại cảnh cũ mà người xưa không còn để ngâm ngùi hồi tưởng một thời xa vắng đã qua trên nửa thế kỷ. Ngồi uống cà phê ở đó tôi biết là mình sẽ có một cảm giác rất riêng tư nó không thể giống cảm giác của bất kỳ một người khách nào của quán La Poste, bởi vì tôi là người duy nhất ngồi đó mà có cảm tưởng như được ngồi lên chính tuổi thơ của mình...



Thời gian tôi ở căn nhà đó là năm tôi học lớp Đệ Lục trường trung học công lập Quang Trung Đà Lạt niên khóa 1955-56. Trường cách nhà khá xa, đi bộ cũng mất trên nửa tiếng. Mỗi chiều tan trường lúng lẳng cạc tạt trên vai đứa bé 15 tuổi tung tăng đi dọc con đường men theo hồ Xuân Hương về nhà. Bước qua đập Ông Đạo lần nào cũng vậy mùi cá tanh của phân bón bốc lên từ cánh ruộng rau trong ấp Ánh Sáng sộc vào mũi nó nhắc nhở tôi là mình đã sắp sửa về đến nhà. Qua đập nước tôi rẽ phải lên một con dốc rất ngược, ngắn mà cong, là dốc Lê Đại Hành. Đứng lại ở đầu dốc để thở tôi ngược nhìn lên đỉnh nhà thờ Đà Lạt. Trên cao chót vót có một con gà bằng thép nhỏ xiu gắn trên đầu cây thánh giá. Rẽ trái trên đường Yersin đi ngang nhà bưu điện của thành phố đã thấy biệt thự Poinsard & Veyret quét màu vôi vàng hiện trước mắt.

Trên lầu biệt thự đó khi thì tôi thấy thắp thoáng trên ban công bóng dáng cha tôi đang lui cui treo một giỏ hoa phong lan khi thì có tiếng kèn của cha tôi văng ra một bản nhạc tây mà hồi đó ông thường hay thổi, đó là bản nhạc mang tên *Quán trọ chiều tà: L'Auberge au crépuscule...Où je reviens toujours... Lorsque l'oiseau module... Un dernier chant d'amour...*

Từ nhà bưu điện Đà Lạt bước qua đường Tự Đức tôi đặt chân lên vỉa hè xi măng kẻ ca-rô rộng thênh thang. Ngõ nhà chúng tôi nằm ở vị trí giữa hai khách sạn lớn nhất của thành phố là khách sạn Du Parc và khách sạn Langbian, tọa lạc ngay trên mũi nhọn của hai con đường chầu nhau là đường Yersin và đường Tự Đức. Lần nào đi trên vỉa hè ấy tôi cũng không quên ghé nhìn bên trong cửa hàng Poinsard&Veyret. Sau một quầy kính bán thực phẩm Pháp như pa-tê, xúc-xích, phó-mát, bơ... một bà đầm béo phục phịch bận áo choàng trắng đứng bán hàng. Có bạn cha tôi dẫn tôi vào tiệm mua thuốc lá và rượu vang. Trong lúc tôi đứng lơ ngơ trong tiệm cha tôi nói chuyện ở quầy với bà đầm, thỉnh thoảng bà ta lại phá lên cười. Tôi chẳng hiểu hai người nói gì chỉ nghe thủng được mỗi một tiếng *Écrivain* thốt ra từ cửa miệng cha tôi. Tôi đoán là bà ta hỏi cha tôi làm nghề gì. Dù là ở ngay trên lầu của nhà hàng nhưng chúng tôi lên gác bằng cầu thang riêng, không dính gì đến nhà hàng phía dưới.

Đi trên vỉa hè qua mấy cửa tiệm *boutique, salon...* trên đường Yersin, gần đến phía sau khách sạn Langbian, tôi rẽ vào một cái sân rộng lát đá hình tam giác, xung quanh sân là mặt lưng của những cửa tiệm nói trên. Bước qua một cái chuồng ngựa ở cuối sân tôi lên một cầu thang gỗ rộng là lối đi chung của tất cả các đơn vị gia cư ở trên lầu.

Đây là khung cảnh tổng quát căn nhà cha con chúng tôi đã từng ở nơi mà ngày nay 50 năm sau biến thành quán cà phê La Poste. Chắc bạn bây giờ đã hiểu tại sao họ đặt tên La Poste cho quán vì nó ở rất gần nhà bưu điện chính của thành phố.

Là một số báo Xuân nên trong tạp chí NHẢ ĐẸP cuối bài quảng cáo cho quán La Poste trong một cái khung có ghi những hàng chữ sau đây: Địa chỉ 12 Trần Phú TP Đà Lạt. Giờ mở cửa: 6G-22G30. Không nghỉ Tết.

Chính cái hàng chữ “Không nghỉ Tết” như một lời mời gọi mọi người hãy ghé đến quán La Poste để thưởng thức ly cà phê đầu xuân mà tôi nghĩ tới viết bài Chai Rượu Khai Xuân này để ghi lại kỷ niệm về một cái Tết xưa, Tết Bính Thân 1956, cũng là cái Tết ghi dấu kỷ niệm sâu đậm nhất của tôi trong thời gian tôi ở căn nhà cũ mà nay là quán cà phê La Poste ấy.

Ngày ấy... những ngày cuối năm...

Thành phố như phủ một làn mưa rất mỏng lẫn vào trong sương khiến khách đi đường cảm thấy như có những mũi kim trong suốt và lạnh giá chích lâm râm trên da mặt mình.

Phía hông bên trái của căn biệt thự chúng tôi ở là con đường nhỏ Tự Đức, con đường cong vòng đăm xuống hồ Xuân Hương ở ngay chỗ trước nhà Thủy Tạ. Cha tôi yêu con đường ấy lắm. Nó ngắn thôi nhưng rất nên thơ. Một bên đường là hông của khách sạn Langbian, bên kia, sau hàng thông xanh mặt hồ hiện ra lấp lánh ánh nắng. Hai bên hè trồng hai hàng lê mà năm ấy hoa lê nở trái mùa trắng xóa. Những cánh hoa trắng theo cơn gió đồng bay là là trong sương. Mỗi lần đi ngang cha tôi lại khẽ ngâm câu thơ Kiều: *Cành lê trắng điểm một vài bông hoa...* Có lần cha tôi nói với anh Thạch tôi là ông mong muốn một ngày nào đó con đường ấy sẽ mang tên Nhất Linh.

Để sửa soạn cho cái tết năm ấy cha tôi và chị Thoa ra đó bê những cành lê mang về cắm trong những lọ thủy tinh. Ngoài hoa phong lan treo trên tường căn phòng đầy những lọ hoa lê trắng thay cho hoa mai vàng để đón xuân.

Còn tôi, một buổi chiều cuối năm đi học về tôi đón nhận cái Tết Bình Thân ấy với lòng rộn rã khôn tả. Bước chân sáo trên vỉa hè rộng của đường Yersin ngay phía dưới ban công nhà tôi, tôi nghe từ phía bên kia đường trong khuôn viên của Ty Ngân Khố thành phố Đà Lạt có tiếng nhạc tiếng pháo tung bừng rộn ràng. Thì ra là nhân viên của Ty đang tổ chức liên hoan Tất Niên.

Chạy vội lên gác tôi quăng cái cặp táp rồi chạy ngược trở ra băng qua đường tới trước Ty Ngân Khố tọa lạc ở góc đường Yersin và Bà Đa Lộc. Quây chung quanh Ty Ngân Khố là một bờ tường thấp trên cắm hàng rào sắt. Tôi không thể nhìn vào phía trong được vì người đứng xem đã chiếm chật suốt dọc hàng rào. Bất chấp mây ông già khó tính cự nự tôi chen bừa vào giữa đám đông treo lên đứng trên bờ tường, hai tay vịn song sắt, nhìn vào trong.

Trên một khoảng vườn rộng người ta thiết lập ở góc một cái sân khấu gỗ có mái che trang trí hoa lá cành xum xuê và những bóng đèn xanh đỏ. Trên mái của sân khấu có treo bức ảnh lớn được kết hoa ở xung quanh, ảnh chân dung Tổng thống Ngô Đình Diệm. Trước sân khấu là mấy chục chiếc bàn

phủ khăn trắng, bàn nào cũng có bình hoa, chung quanh bàn quan khách ngồi vừa ăn uống vừa hướng mặt về phía sân khấu. Khách đàn ông bận đồ vét cổ đeo cà vạt, khách đàn bà lộng lẫy trong những chiếc áo dài, áo măng tô.

Một nữ ca sĩ bước ra sân khấu cúi chào khán thính giả cầm lấy micro gõ gõ mấy cái. Rồi nhạc trỗi lên, ca sĩ hát. *Người ơi... nước Nam của người Việt Nam... Vì đâu oán tranh để lòng nát tan.. Đây Bến Hải là nơi ngăn cách đôi tình... Đứng lên tìm chốn yên vui thanh bình.... Người ơi...* (Nhạc phẩm *Về đây anh* của Nguyễn Hiền).

Tiếng vỗ tay ran lên trong đám thực khách khi cô ca sĩ ngưng tiếng hát khẽ cúi đầu đi lùi về cuối sân khấu. Đám thính giả đứng ở ngoài đường coi cộp như tôi không một ai vỗ tay hết. Họ đang bận chửi lộn. *Ê! thằng nhóc này!*

*Mày đập bả hết cái áo mời của tao rồi...* Tôi quay lại phía sau. Một người đàn bà mặt mày nhăn nhó đang cúi xuống phủi một vết lấm trên cánh áo trắng. *Tổ sư cha mày...* Bà ta vừa nói vừa ngừng lên làm tôi biết ngay không phải bà chửi tôi. Cái thằng nhóc đứng cạnh tôi trên bờ tường, trong lúc xem nó ngửa ngáy thò chân đạp phía sau, nhe đưng ngay áo bà đứng trên hè. Nó cười giả là rồi xây lung lại nhẩy từ trên bờ tường xuống miệng nói: *Dờ ẹ! Hát vậy mà cũng đòi hát...* Xong nó kéo thằng em nó bỏ đi chỗ khác chơi. Tôi có chỗ đứng

Một nơi lý tưởng, nếu bạn muốn tận hưởng thú nhõng có phố tại Đà Lạt

**BÀ LỘC VIỆT ANH MIỀN TÂY**

Có lẽ uống cà phê là một cái thú vị không thể thiếu của thành phố Đà Lạt. Thú nhất là được nhấm như cà phê và từ trên cao quan sát thành phố sương mù.

Nếu đã đời lần ngồi lại, thì bạn sẽ thấy không gian ở đây thật tinh, tinh để hưởng thú sự mát lạnh của khí trời, để kịp nhìn lại, để quan sát và phát hiện nhiều điều thú vị. Màu vàng rực hoa quý vàng điểm tô trên vách xem ra sẽ đánh thức thị giác của ta vào những ngày đông. Bàn ghế, chỗ ngồi hoàn toàn được bố trí thoáng, để tạo cảm giác nhõng tư cho từng chủ ngồi. Bàn hoàn toàn có thể ngồi đây để viết thư, nhất là học nghiên ngâm cuốn tiểu thuyết ưng ý. Đó đây là bàn bít da, tấm bảng ghi tiêu đề ta tiêu khiến nếu chợt có cơn mua đến bên ngoài. Cách bài trí có lẽ là một sự hòa trộn khá hoàn hảo giữa cấu trúc Pháp và chất liệu địa phương. Sàn nhà gạch tạo, sứ đá, những chiếc ghế để dùng hoa, những chiếc nón để treo lên giăng giăng đầy đủ, những chiếc nệm, cung tên... như một cách nhắc về quá khứ của Đà Lạt, của những rừng cây, của những người dân tộc. "Đường như trong Tây cũng có rất nhiều Ta".

Và món "đặc" nhất của quán này là những view nhìn bên cửa sổ. Đó chính là những bức tranh thiên nhiên sinh động, mà tại đó bạn có thể hàng giờ đọc sách và ngắm mưa rơi để được hưởng cái lạnh của Đà Lạt. Bạn có thể ngồi tại vị trí bàn công để cái lưng mơn man da thật và để những giọt cà phê nóng ấm tan trên đầu môi và hòa vào trong bạn.

ĐỊA CHỈ: T2 TRẦN PHÚ, TP. ĐÀ LẠT  
 SỐ MÔ CỬA: 66 - 22630  
 KHÔNG NGHỈ TẾT

rộng hơn ở lại coi thêm hai màn diễn nữa, một màn kịch tổ Cộng và một màn múa thượng Đường Lên Sơn Cước rồi tôi cũng bỏ về, vừa đi vừa nhẩy cẳng lên bắt chước điệu bộ của mấy anh cán bộ trong vở kịch tổ Cộng tôi vừa xem, miệng hát: *Son mi son, mi son tổ mi...*

Sáng hôm sau tôi được nghỉ Tết. Buổi trưa có thầy giáo Khuê của tôi lại thăm cha tôi. Thầy Khuê là thầy giáo dạy môn Việt văn của tôi trong niên học trước, khi tôi còn ở Sài Gòn học lớp Đệ Thất trường trung học tư thục Chi Lăng ở ngã sáu Chợ Lớn. Hè vừa rồi khi tôi theo chân cha tôi lên sống ở Đà Lạt thì thầy Khuê cũng rời trường Chi Lăng, thầy tìm được một việc làm mới ở đây với chức vụ quản đốc đài phát thanh Đà Lạt. Từ ban công nhìn qua khách sạn Du Parc tôi có thể nhìn thấy đài phát thanh chiếm 4 tầng lầu bên cánh phải cùng của khách sạn Du Parc.

Nói đến đài phát thanh Đà Lạt tôi lại nhớ tới trong khoảng thời gian ấy chúng tôi không lần nào quên đón nghe chương trình nhạc yêu cầu của đài này, phát thanh mỗi tuần một lần, chương trình mở đầu bằng một bản nhạc ngoại quốc điệu Paso Doble vui tươi rộn rã. Tuần nào cũng vậy hai bản *Đường về miền Bắc* và *Chiều vàng* do Tôn Thất Niệm hát được thính gia Đà Lạt yêu cầu nhiều nhất. Mỗi chiều thứ sáu giọng hát vừa cao sang lại vừa trầm ấm của người ca sĩ tài tử này lan đi từ đài phát thanh ấy truyền khắp không gian ẩm lạnh của miền cao nguyên thấm vào hồn và sưởi ấm lòng người dân Đà Lạt; giọng hát có sức truyền cảm và quyến rũ đến độ ngày nay - tôi tin thế - sau hơn nửa thế kỷ, những người của Đà Lạt thuở nào đã từng một thời nghe Tôn Thất Niệm hát trên đài ấy, nay hẳn vẫn còn giữ nguyên mỗi xúc động khi nghe lại ... *chiều nào áo tím... nhiều quá.. lòng thấy rộn ràng.. nhớ người... Đường về miền Bắc bao cách xa ... Nhìn về đường lối muôn khó khăn... Đây núi cao... Đây suối sâu...* (Đường về miền Bắc) hoặc... *đường về lòng người tha phương nhớ... Chiều dần mờ mờ cô thôn vắng... Người yêu dấu ngàn đời thấu chẳng... Ta nên đau thương gắng bước hoài... Thuyền chèo tới nơi đâu ngừng bến...* (Chiều vàng). Ca sĩ Niệm là anh rể tôi. Anh lấy chị họ tôi, chị Nguyệt, con gái lớn của bác Thụy. Anh

## TIẾC THƯƠNG

Về đây để nhớ một thời  
Phố xưa còn đó, bóng người xưa đâu?

Ta lại về thăm Hà Nội cũ  
Một thời trai trẻ mộng đời xanh  
Một thời đất khách thân lưu lạc  
Mơ ước năm xưa dệt chẳng thành.

Trường xưa vẫn đó, bạn xưa đâu  
Đất nước vừa qua cuộc biển dâu  
Đã mất bao người con Hà Nội  
Sử xanh ai chép những niềm đau?

Trở về thương lấy ngôi nhà cổ  
Ôm giấc mơ xanh thuở thiếu thời  
Trên những con đường Hà Nội cũ  
Bồi hồi tìm mãi dấu chân tôi.

Trở về để thấy thương Hà Nội  
Để thấy yêu đời, nhớ cố nhân  
Hoa sáu, hoa me chiều nghỉ học  
Chiều hồn Hà Nội một thời Xuân.

Hoàng Song Liêm

Virginia 4/2007

Niệm không bao giờ là người hát chuyên nghiệp. Cha tôi mê giọng hát của anh lắm có lần nói đùa: “Cháu hát hay thế thì theo nghề bác sĩ làm gì!”.

Thầy Khuê nói chuyện với cha tôi khoảng một tiếng đồng hồ. Thầy mang biếu cha tôi một chai rượu vang. Tôi đứng chơi ở cửa khi cha tôi tiễn thầy Khuê về. Thấy tôi cha tôi mắng: “Thằng này hay nhí? Đúng ý đó hả? Sao không ra chào thầy

đi!”. Tôi cúi đầu nói li nhí trong miệng: “Chào thầy ạ!”. Cha tôi đưa mắt lờm tôi trong khi thầy Khuê xoa đầu tôi nói: “Thằng này đúng nhất môn Việt văn của tôi đấy! Không biết sau này có theo được nghề văn của bố nó không?”.

Sau khi thầy Khuê ra về cha tôi mở giấy bọc chai rượu đưa chai lên cao chăm chú đọc những hàng chữ nhỏ trên chai rồi quay qua nói với mẹ tôi: “Chai rượu vang Bordeaux này đắt lắm đây... thế là Tết này mình có được chai rượu quý để khai xuân rồi...”.

### Mồng một Tết.

Tôi thức dậy rất trễ. Tiếng pháo nổ lẹt đẹt ở xa. Nó chỉ vừa đủ thấm vào trong giấc mơ chứ không đủ sức lôi tôi ra khỏi giấc nồng. Cho tới khi anh Triệu đốt một phong pháo dùng ở ngay trên ban công nhà thì tôi choàng dậy. Mùi pháo thơm - mùi của Tết - từ ngoài hiên ập vào phòng ngủ. Tôi dụi mắt. Mọi người đã chỉnh tề trong bộ quần áo mới. Chị Thoa nói:

– Em mặc quần áo đi rồi còn mừng tuổi cậu mợ chứ!

Tôi mặc quần áo mới rồi qua phòng bên cạnh. Hai phòng thông nhau qua ngã hành lang ở ban công. Phòng này bình thường chỉ có một mình cha tôi ở. Cũng như phòng bên cạnh chỉ có mình tôi và chị Thoa. Nhưng Tết năm ấy có thêm mẹ tôi và anh Thạch từ Sài Gòn lên, anh Triệu hồi ấy dạy học ở dưới Sóc Trăng cũng lên, thành thử hai gian phòng nhỏ bỗng trở thành chật chội. Phòng cha tôi ở có một cái lò sưởi nhưng không mấy khi đốt. Trên vách tường treo đầy những giỏ phong lan. Bộ sa lông chỉ có một cái ghế đặt trước lò sưởi. Ở góc buồng có một cái phản gỗ làm giường ngủ, cũng dùng để ăn cơm thay bàn ăn. Cha tôi còn mặc bộ đồ ngủ, ngoài khoác chiếc áo choàng dây có giấy thắt ngang bụng, ông ngồi uống trà tàu trên ghế sa lông. Mẹ tôi đầu vẫn khăn bận chiếc áo dài nhưng ngồi trên phản. Trước mặt bà là một cái tráp đựng trái cau, hai ba cái thầu đựng kẹo bánh. Các anh chị tôi đứng quanh phản, miệng người nào cũng nhấp nhớp cắn hạt dưa. Tôi cúi xuống bóc một nắm mít sen bỏ miệng. Mẹ tôi quay qua nói với cha tôi:

– Mình ngồi xuống phản đây cho con nó còn mừng tuổi.

Cha tôi ngồi yên trên ghế, không nhúc nhích. Ông nói:

– Các con mừng tuổi mợ thì còn có tiền mà tiêu Tết chứ. Mừng tuổi cậu thì cũng như không.

Mẹ tôi cúi xuống mở cái cháp lấy ra mấy phong bao đỏ. Bà cầm một cái đưa tay về phía anh Triệu. Anh cúi xuống toan cầm. Chị Thoa nhắc:

– Không nói gì à?

Anh Triệu nói như máy:

– Năm mới con chúc cậu mợ được dồi dào sức khỏe, an khang, thịnh vượng, buôn bán phát tài...

Rồi anh ngừng lại không biết nói gì hơn. Chị Thoa bảo:

– Ân nói thế mà cũng đòi đi dạy học Việt văn.

Đến người cuối là tôi, mặc dù chỉ lí nhí nói vài câu, tôi cũng được mẹ tôi li xì những hai cái phong bì. Bà bảo mọi người:

– Thằng út này hôm nọ được thầy giáo khen, thường nó gấp đôi.

Thế là Tết ấy tôi có nhiều tiền nhất nhà để đánh tam cúc và đánh bắt. Mừng tuổi bố mẹ xong chúng tôi ra ngoài ban công thì thấy ở bên kia đường trên lầu hai của khách sạn Du Parc trước một cái cửa sổ mở rộng có một người đang giơ tay vẫy qua vẫy lại. Nhìn kỹ thì đó là bác Thụy tôi. Cha tôi cũng ra đứng ở hiên vẫy tay chào lại bác. Thật là một ngạc nhiên lớn cho chúng tôi vì bác Thụy năm ấy không hiểu vì lý do gì lại không ăn Tết với gia đình ở dưới Sài Gòn mà lại một mình lên Đà Lạt ăn Tết với chúng tôi. Hình ảnh bác Thụy và cha tôi vẫy tay chào nhau buổi sáng mồng một Tết Bính Tuất 1956 ấy lưu giữ mãi trong ký ức tôi. Cố nhiên cái hình ảnh ấy đối với một đứa bé 15 tuổi như tôi hồi ấy không mang một ý nghĩa gì đặc biệt. Nhưng nay, 52 năm sau, nhớ lại hình ảnh ấy tôi không thể nào không liên tưởng đến Hội nghị trừ bị Đà Lạt 1946 xảy ra đúng 10 năm trước đó, cha tôi là trưởng phái đoàn Việt Nam và bác Thụy tôi là cố vấn của đoàn. Khách sạn Du Parc này 10 năm trước đã là nơi trú ngụ của tất cả các nhân viên phái đoàn Việt Nam trong thời gian phái đoàn thương thảo với Pháp tại hội trường của lycée



Yersin Đà Lạt. Thời gian đó vào những buổi chiều sau những giờ phút căng thẳng của hội nghị cha tôi và bác tôi thường ngồi uống rượu ngắm cảnh hồ Xuân Hương trước thềm hiên của khách sạn Langbian. Bây giờ hồi tưởng lại tôi tự hỏi biết đâu sự hiện diện bất ngờ của bác tôi vào dịp Tết năm ấy chẳng phải là sự tình cờ mà do sắp xếp trước của cha tôi mời bác lên Đà Lạt để hai anh em kỷ niệm (riêng với nhau) 10 năm những ngày lịch sử trọng đại đầy sóng gió ấy.

Chúng tôi đang đánh tam cúc thì bác Thụy qua chơi. Bác người cao lớn, mắt sâu mày rậm mũi cao, trông bác như một ông tây. Bác bận bộ đồ lớn đi đứng đường vệ, một cánh tay gấp trước ngực, vung cái ống *pipe* khi nói chuyện. Nguyên là tổng giám đốc bưu điện quốc gia Việt Nam con người bác toát ra một vóc dáng bề thế nó làm lũ trẻ chúng tôi luôn luôn nhìn bác với cặp mắt e dè kính nể có phần nào xa cách gần như sợ hãi. Vì vậy ngồi đánh bắt với bác buổi sáng mỏng một Tết năm ấy lần đầu tiên tôi nhìn thấy con người bình dân trong bác và từ đó mỗi lần nhớ về người bác cả của tôi, tôi thấy bác gần gũi hơn nhiều trong tâm tưởng.

Thấy chúng tôi ngồi đánh tam cúc bác nói:

– Dẹp bộ tam cúc đi! Đánh bắt vui hơn...

Nói rồi bác vén hai gấu quần tây ngồi xếp bằng xuống chiếu. Chúng tôi bốn người có thêm bác là năm. Anh Triệu trao bài. Bác hỏi có ai muốn làm “chương” không, chỉ có anh Triệu giơ tay. Bác nhường anh tôi làm cái trước. Anh Triệu đang làm

chương thắng được mấy ván lớn thì bác Thụy chia hai con bài và giành làm nhà cái. Mất chức làm cái anh tôi tiếc rề hát bài Kiếp Hoa: *Thương thay đời... chương, kiếp sao sớm nở tối tàn...* Tôi vì không thuộc mặt bài nên tôi chỉ hai con bài của bác Thụy hỏi chị Thoa:

– Lá bài có vẽ con cá là thế nào?

– Đó là bát vạn. Lá kia là nhị văn. Tám cộng hai là mười, mười to nhất được làm chương, hiểu chưa?

Rồi chị quay qua nói với bác Thụy:

– Bác hèn quá! Nhị tổng bát mà lại không tổng cừ!

Bác Thụy bảo:

– Bác bắt con bát vạn trước, con nhị văn sau.

Tất cả bỗng ồ lên:

– Trời! Sao bác liều quá vậy... tám mà bốc nữa thì dễ “bương” lắm.

Biết được cái “tử” ấy của bác chúng tôi thắng lớn. Khi thấy nhà cái chỉ rút có độc một cây thì chúng tôi cảm chắc đó là con cừ. Đánh mà biết rõ cách chơi bài của bác chúng tôi chỉ có một là thắng hoặc hòa chứ rất ít thua. Một tiếng đồng hồ sau bác tôi đứng lên nói:

– Tụi bây vắt hết tiền của bác rồi! Thôi không chơi nữa.

Tết ấy tôi có dư tiền mua một cái kèn Harmonica mới. Nhớ tới buổi đánh bắt ấy bây giờ tôi mới hiểu ra là Tết đó bác đã cố tình đánh thua và tiền chúng tôi thắng được chính là tiền lì xì của



Cha tôi nhìn tôi qua mâm cơm  
(12 Yersin Đà Lạt, năm 1956)



bác, một hình thức cho tiền mừng tuổi hết sức tế nhị của bác Thụy tôi.

Buổi trưa cha tôi mời bác Thụy ở lại dùng cơm nhưng bác nói có việc phải đi hẹn hôm sau trở lại. Chúng tôi quây quần ngồi trên mâm cơm đặt trên phản. Cơm có thịt kho dưa chua. Hai cái bánh chưng được cắt bằng giấy lạt thành những miếng hình tam giác.

Trước khi ăn cha tôi nói:

– Nào! Có chai rượu quý phải mở ra để uống mừng xuân chứ.

Rồi ông nhìn quanh tìm cái mở rượu. Không thấy cái mở rượu đâu ông quay qua hỏi mẹ tôi. Đặt đĩa dưa chua trên phản, mẹ tôi nói:

– Hình như ở trên lò sưởi ấy.

Nói rồi mẹ tôi tiến lại lò sưởi giơ tay lên bệ cao để tìm. Bỗng “xoảng” một cái. Chúng tôi giật mình quay lại. Chai rượu quý đặt trên bệ cao rơi xuống sàn vỡ tan. Cha tôi lúc ấy đang ngồi trên ghế xa lông cạnh lò sưởi nhòm ngay dậy đưa tay dựng đứng chai rượu vỡ trên sàn. Mẹ tôi cúi xuống cầm lấy chai đặt lên bàn. Chai rượu vang bị vỡ đôi ngang chỗ cổ chai. Nhờ cha tôi nhanh tay nên rượu trong chai vẫn còn gần đầy. Nhưng chúng tôi đều biết là mảnh vụn thủy tinh đã lẫn vào trong rượu.

Chị Thoa giúp mẹ tôi quét dọn miếng thủy tinh và lau chùi rượu trên sàn.

Cha tôi chỉ chai rượu trên bàn bảo mẹ tôi:

– Còn chai này nữa. Sao không dẹp đi cho rồi.

Mẹ tôi nhìn chai rượu tiếc rẻ nói:

– Rượu còn đầy nguyên mà. Rượu đắt tiền chứ có phải rẻ đâu mà đổ đi. Phí của trời!

– Uống vào để cho thủy tinh nó cửa thùng bụng hả?

Mẹ tôi trầm ngâm một lát rồi nói:

– Tôi có cách!

Bà xuống nhà bếp lục lợi một hồi mang lên nhà một cái phễu lại đi tìm một cái chai rượu không đặt phễu lên trên. Xong bà lấy thật nhiều bông gòn bỏ trên phễu và bắt đầu trút rượu trong chai vỡ lên trên miếng bông gòn. Mẹ tôi làm công việc trút rượu này rất chậm rãi và cẩn thận. Khi chai rượu được đổ sang gần hết mẹ tôi chừa lại ít cặn trong cái chai vỡ rồi mang chai này vào bếp vớt thùng rác. Cha tôi nhìn mẹ tôi làm yên lặng không nói gì. Nhưng rõ ràng là ông bực mình. Mẹ

tôi nhìn cái mũi cau cau nhăn nhăn của cha tôi thì biết ngay là ông đang cau, bà nói:

– Ông không uống thì để tôi uống. Rượu đắt thế này mà không uống có phí của trời không chứ.

– Bà thì chỉ nghĩ đến cái lợi nhỏ mà quên cái hại lớn. Lỡ mà còn có mảnh chai nó cửa vào bụng thì có phải chết người không?

– Minh không thấy tôi làm à? Lọc kỹ thế này làm sao mà còn thủy tinh trong đó cơ chứ?

Nói xong mẹ tôi tự rót cho mình một nửa cốc đưa lên uống một hơi cạn. Rồi “khà” một cái bà tấm tắc khen rượu ngon như để chộc tức cha tôi.

Quay sang mâm cơm mẹ tôi bảo chúng tôi:

– Uống đi. Ai uống được rượu cứ uống. Mợ cho phép đây!

Anh Triệu vội đứng dậy. Anh là một tay uống rượu cừ không thua cha tôi. Rót cho mình một cốc đầy anh nói với cha tôi:

– Cậu uống đi. Con chắc chắn là mợ đã lọc kỹ rồi. Thủy tinh nặng hơn rượu nên lắng xuống đáy chai, lúc này con để ý mợ đã cẩn thận chừa lại chỗ rượu ở đáy không trút qua. Như vậy là chắc ăn rồi.

Cha tôi không nói gì. Lát sau ông mới lên tiếng:

– Uống rượu là để tìm cái thú. Uống mà vừa uống vừa lo thì uống làm gì. Cậu không uống vì có uống cũng sẽ không còn thấy ngon nữa. Không thấy ngon mà vẫn cứ uống, nghĩa là uống chỉ vì tiếc tiền thì rất không nên.

Câu nói của cha tôi không có tí nào tác dụng đối với chúng tôi vì sau đó cả anh Thạch và tôi cùng đứng lên đòi uống.

Thế là cái chai rượu quý khai xuân thầy giáo Khuê tặng cha tôi trong dịp Tết Bính Thân năm 1956 đó cha tôi không thưởng thức được lấy một giọt.

Ngồi trên xa lông nhìn bốn mẹ con tôi chia nhau uống sạch bách chai rượu vang lại say sưa ăn nói huyền thiên ông chỉ yên lặng khẽ lắc đầu.

Seattle, bên thềm Xuân Ất Sửu 2009.

**Nguyễn Tường Thiết**

(Washington State)

# TẠ TÌNH

## Đỗ Dung



**T**hời con gái mộng mơ. Những buổi sáng nắng ngời trên sân thượng, thả hồn theo những cụm mây trắng. Những chiều mưa khoác chiếc áo toi, lang thang trên những con đường dài có lá me bay. Những đêm buồn nằm ôm chiếc cassette, chơi với với những khúc nhạc tình đê hoặc thốn thức hoặc mỉm cười vu vơ với cái đình màn ... Tuổi con gái ôm ấp nhiều hoài bão, ngẩng mặt nhìn lên đi tìm thần tượng, thắc mắc trong lòng không biết người ấy sẽ là ai??? Một nửa kia đâu? Tôi ở đây còn chàng ở nơi đâu?... Với lòng đa sầu, đa cảm, tính tình lãng mạn, chất ngất đam mê, tôi vẽ cho tôi một mẫu người trong mộng, để rồi - "Ai đi tìm ai suốt đời" - Có những lúc tưởng như là tình yêu nhưng chỉ là cái bóng. Có những lúc tưởng như gặp người trong mộng nhưng mộng lại vỡ tan.

Một buổi chiều đứng lúc ngang nhà chàng thì cơn mưa ập đến, mưa Sài Gòn, mưa tháng sáu. Em đến thăm anh một chiều mưa, không mơ màng như "Em đến thăm anh một chiều mưa" của Tô Vũ mà ướt lướt thướt, ướt tả tơi. Ông Tơ bà Nguyệt đã đợi sẵn đâu đó để se sợi chỉ hồng. Chàng không phải là người toả hào quang nhưng ở chàng tôi tìm được nơi nương tựa, một sự che chở và một tình yêu tuyệt đối. Chàng là anh họ của một nhỏ bạn cùng lớp ở Trung Vương, âm thầm để ý tôi từ năm cuối trung học, nhưng dưới mắt con bé mười tám còn nhiều cao vọng, chàng không lọt được vào tầm nhìn. Sau đám cưới chúng tôi có một tuần lễ thần tiên trên Đalat, một năm sau con gái Hạnh Quyên chào đời, cùng thời gian tôi ra

trường với mảnh bằng Dược sĩ. Cuộc đời tưởng cứ êm đềm trôi, tôi yên phận cho thuê bằng để ở nhà lo cơm nước cho cha con Anh Giáo. Chúng tôi sống thật Hạnh Phúc, cái Hạnh Phúc nhỏ bé, tầm thường, để rồi hai năm sau có thêm thằng bé Thiên Khôi. Chúng tôi chỉ mong một mái ấm và một đàn con xinh.

Nhưng... 30/4/75... cha đi học tập, chồng đi cải tạo. Mới hai mươi mấy tuổi đầu, một nách hai đứa con thơ, tôi bị quăng vào đời thật tàn nhẫn... Một chiếc xe đạp mini, con ngồi ghế nhỏ đằng trước, con ôm lưng mẹ đằng sau, hai bên ghi đông hai giỏ cối, tôi trải miếng nylon ở vỉa hè thương xá Tax, mua bán, bán mua ... thế mà cũng chả yên thân, người ta muốn làm đẹp thành phố nên dí súng AK vào đầu đuổi đi. Tôi lang thang, lẩn lộn trong những khu vực chợ trời để kiếm sống. Bên Nội có đó, bên Ngoại còn đó mà nào dám để lụy phiền. Ai cũng còn gánh nặng phải mang. Ai cũng ngờ ngác, tang thương trước cảnh đời. Những đêm nằm ôm hai con thơ mà nuốt nước mắt, xót xa phận mình, thương chồng và cha đang nhục nhằn trong trại cải tạo. Nhưng biết làm sao, cái đau chung của cả một dân tộc, mọi người đều trôi nổi theo vận nước nổi trôi ...

Trời Sài Gòn không còn đẹp, nắng không còn tươi, cảnh vật ủ ê khoác lên màu xám. Một ngày, cũng với tâm trạng ngậm ngùi đó, tôi thơ thần lên thương xá Tam Đa, đánh liều mượn một quầy nhỏ trong gian hàng của Phạm Mạnh Cường, thế rồi ... may, thôi, vẽ ... tận dụng hết các nghề tay trái của mình để kiếm gạo nuôi con. Như Hảo chia cửa hàng của chị làm năm phần, ngoài cùng là hai quầy nhỏ, tôi một bên, hai chị em Vân Ly một bên. Đằng sau tôi là quầy hàng của Nhã Ca, có cô em Bội Hằng tươi vui, nhí nhảnh, khôn lanh. Đối diện với Nhã Ca là gian hàng của vợ chồng Nguyễn Xuân Hoàng với cô vợ Diệu Trữ khéo léo,

# Quán Bên Đường

Thân gửi Nguyễn-Vĩnh-Tường. (CA)

Phảng phất hương thơm một góc trời,  
Kéo nhau cùng ghé quán "Minh-Ơi."  
"Cà phê nhỏ giọt" vui chờ nhé,  
Bún Huế quê nhà thưởng thức chơi.

Cầm tay, thù tạc, cười, nghiêng ngả,  
Thời khắc qua mau cứ thanh thoi.  
Đừng nói tần ngần câu gặp lại  
Chuyện sau tái ngộ khó y lời

"Ta là ai ? Cũng không cần biết!"  
Mấy kẻ lang thang ở cuối đời.  
Hội tụ hôm nay mai biệt dạng,  
Thường tình nhân thế, vẫn khơi khơi.

Nguyễn-Phú-Long  
(Virginia)

nhánh nhện, đằm đằm. Còn Như Hảo giữ lại một quây lớn nhất trong cùng. Nhớ lại khoảng thời gian đó tôi thấy cũng vui vì tự nhiên mình lại lọt vào nơi toàn là văn nghệ sĩ. Thịnh thoảng được tiếp chuyện với nhà văn Mai Thảo, nhà thơ Trần Dạ Từ. Lâu lâu được đến nhà anh chị Phạm Mạnh Cương để thưởng thức bánh bột lọc và món nhậu tôm khô củ kiệu tuyệt cú mèo của Mẹ. Đạo phong trào bán áo thun vẽ, bên Nhã Ca và NXH thuê người vẽ toàn các nhân vật Disney, Cartoon, còn tôi... vẽ lầy! Buổi tối sau khi ru con ngủ là ngồi vẽ, cũng hình thiếu nữ mà hôm nào vẽ đẹp thì "Chợt đáng buồn xưa động mắt em". Hôm nào coi không được thì "Ác quỷ hiện hình khi trăng lên". Khi mệt quá khoảng đại

mấy vòng tròn như huy hiệu Olympic, thế mà thò cái nào ra là bán liền cái đó vì ... "unique"! Lúc khâm khá vẽ một mình không xuể tôi phải giao bớt cho lũ em, đề tài tự do, Phương Nam hồi đó cũng giúp chị rất đắc lực, lúc vẽ Thăng Hè, lúc vẽ con sên, con ốc hoặc một đám lá vàng rơi ... đến khi thấy tác phẩm của mình đi ngoài phố cô nàng khoái chí về khoe.

Chẳng được bao lâu, nhà mẹ bị đánh Tư sản mại bản, nhà con bị đánh Tư sản kinh doanh. Mẹ phải mua một túp lều lá hồi hương để khỏi đi kinh tế mới. Con phải ngồi nhà để lãnh thù may. Rồi cũng đến một ngày chồng được tha về, tôi phải ra quận để làm giấy bảo lãnh và cam kết sẽ giáo dục chồng (!) Những ngày tháng vun ròi kế tiếp, ngom ngóp lo âu. Chàng được sở giáo dục điều về dạy ở một trường cấp hai tại quận 11 với đồng lương chỉ đủ cho một người ăn quà sáng. Ngày ngày cong lưng đạp xe đi làm, thỉnh thoảng được phân phối một miếng thịt heo khoảng 200g buộc toòng teng bằng sợi lạt còi. Ngoài giờ làm việc chàng phải chờ vợ đến nhà khách hàng để nhận và giao đồ thù may. Hai vợ chồng ráng chặt chiu dành dụm, kiếm đủ một chỉ đi mua một chỉ, gom đủ mười chỉ đổi lấy một cây. Thì thảo nhỏ to tìm đường vượt biển, chúng tôi cũng bị mất mát vài phen nhưng may không bị bắt.

Cuối cùng tháng tư năm 80 chúng tôi cũng ra khơi trên một chiếc ghe lồng mỏng manh, nhỏ bé vượt đại dương. Đến bến bờ tự do với hai bàn tay trắng, chúng tôi phải làm lại từ đầu, vất vả cực nhọc từ sáng sớm đến nửa khuya, làm việc quần quật để lo cho tương lai. Thời cuộc đầy đura, phất lên như điều gặp gió... năm 83 ra đời thêm chú bé Lam Sơn. Điều lên vun vút ... rồi điều lại đứt dây, tay trắng lại hoàn trắng tay!!!

Gửi các cháu lại cho ông bà ngoại và các dì trông nom, hai vợ chồng lại dắt nhau đi tìm đất

mới. Chỉ vì vụng tính, kém suy nên bao nhiêu tiền của như nước lũ ra sông, tôi nhìn các con mà đau lòng xót ruột. May mắn thay các cháu cũng nên người. Tôi nhìn chàng thương xót, chàng nhìn tôi xót xa, chúng tôi an phận làm nghề lao động, chen vai thích cánh với lực lượng thợ thuyền Mỹ và Mỹ đen. Những đêm dài khó ngủ, vùi đầu vào ngực chồng khóc tức tưởi, chàng cũng chỉ im lặng thờ dài.

Lúc quen công biết việc, tâm hồn thôi chao đảo, xao động thì tôi phải vào bệnh viện. Sau hơn mười ngày điều trị, làm đủ thứ “test” trên đời, bác sĩ phán rằng tôi bị “Pulmonary Hypertension”, bệnh hiểm, không chữa được, chỉ chờ chết hoặc đợi “lung transplant”. Ông ta thản nhiên nói, tôi chỉ còn hai năm để sống, hãy về mà “enjoy” những ngày tháng cuối của cuộc đời.

Sau khi xuất viện tôi phải thở bằng bình dưỡng khí. Bác sĩ không cho đi làm. Tôi trở thành kẻ tàn phế!!! Tại sao trời cao lại cho tôi trăm cay, nghìn đắng??? Tôi chỉ biết khóc, và khóc. Đêm ngủ không được vì vừa lo nghĩ, vừa giận mình, giận đời. Tôi dọn ra phòng riêng vì không muốn làm phiền chàng, chàng cần nghỉ ngơi để sáng còn phải đi làm. Sau mỗi lần bị chụp thuốc mê, đi vào con chết tạm để bác sĩ thông tim, khám phổi, khi mở mắt tỉnh dậy, tôi thấy khuôn mặt chàng méo xẹo, xám ngoét ngời bên, thấy mà thương.

Rồi như một cơ duyên, tôi nhận được kinh Phật và băng giảng của các Thầy, tôi bắt đầu thiền tập, từ từ thấy tâm an lại, thấy lẽ vô thường, thấy đời là phù du, mộng ảo ... Buổi sáng sau khi tập Dịch căn kinh, tôi ra sân sau nằm võng đọc sách, ngắm hoa, ngắm lá, nhìn ánh nắng lung linh... thấy đời thật đẹp, thật đáng sống. Tôi không còn sợ chết.

Thời gian cứ trôi, Hạnh Quyên lập gia đình và có hai thằng con trai. Thiên Khôi đã lấy vợ và có một cháu bé gái. Khi chàng về hưu chúng tôi quyết định dọn về ở gần các

con. Hai cây củi mục mong đem sức tàn để giúp cho đàn con cháu. Tôi trông con bé cháu nội, chàng dạy hai thằng cháu ngoại. Cả ngày chúng tôi quần quýt với mấy đứa trẻ. Chúng tôi cố gắng để các cháu không quên tiếng mẹ đẻ. Thằng bé bốn tuổi ở nhà với bà nhiều nên giỏi tiếng Việt nhất, biết giải thích cho thằng anh sáu tuổi. Buồn cười nhất là bà bắt cháu nói tiếng Việt, không cho nói tiếng Mỹ, thằng bé vít cổ bà xuống an ủi: "Don't worry bà ngoại, I can teach you English (!!!). Rồi khi ông hàng xóm ra sau làm vườn, nó kéo bà ra giới thiệu còn nói nhỏ vào tai bà: "Ông Don speaks English only". Thế là hai bà cháu cứ nửa Việt, nửa Mỹ nói chuyện với nhau. Cho đến nay các cháu nói tiếng Việt rất khá, biết hát "Bà ơi cháu rất yêu bà ..." và ngày nào cũng "Kéo cửa lừa xê..."

Phải chăng đời là một giấc chiêm bao? Thời Trung Vương áo trắng, tưởng như mới hôm qua. Thời gian vùn vụt trôi. Tôi với chàng đã trải qua bao nỗi thăng trầm, lên voi xuống chó. Có với nhau ba đứa con ngoan ngoãn, giỏi giang, một bầy cháu kháu khỉnh, khôi ngô. Bây giờ tóc đã bạc, răng đã long, mỗi buổi sáng ngồi bên tách cà phê nóng, vẫn còn nhìn nhau, mắt trong mắt, tay trong tay, chàng vẫn lo cho tôi từng viên thuốc bệnh, cũng như nhắc nhở uống từng viên thuốc bổ. Tuổi già cũng có những cái chướng ách của tuổi già. Lời nói không còn ngọt ngào như xưa mà đôi khi còn gắt gỏng như mấm. Nhưng nhìn quanh tôi vẫn cảm nhận được niềm Hạnh Phúc, cái Hạnh Phúc của Tình Yêu Vĩnh Cửu, của Sự Kết Hợp Chung Thân. Ngày xưa tôi hay hát phần đầu - "Ai đi tìm ai suốt đời" - thì hôm nay tôi xin hát lên lời cuối - "Tình yêu này em cảm ơn anh".....Xin được nói một lời Tạ Tình cho người chồng chung thủy .

**Đỗ Dung**

# HÔM ĐÓ MÙA XUÂN

**KIM VŨ**

Diễm và Chương đang sóng đôi trên hai chiếc xe đạp đi về hướng ngoại thành. Phần cuối con đường nội ô bụi bậm ồn ào đang lùi lại phía sau, và hai người bắt đầu tới dốc cầu cao, phía dưới là dòng kênh nước chảy xiết. Chương đỡ tay sau lưng Diễm để đẩy nàng lên dốc. Sau làn áo, lưng nàng mềm mại, và chàng còn cảm thấy rõ trong bàn tay phần hõm sâu nơi cột sống lưng. Diễm nói nhỏ với chàng.

- Đừng làm thế anh. Người ta thấy kỳ chết.

Chương cười, rút tay lại. Thực ra chàng chẳng ngăn gì cái chuyện người ta cười. Cười thì hờ mướn cái răng chứ có gì đâu. Nhưng chàng muốn chiều Diễm. Trong nàng, có hai con người tương phản. Khi chỉ có hai đứa riêng với nhau, nàng sống thật hết mình. Thế nhưng trước mặt người khác, nhất là giữa phố phường, nàng luôn luôn giữ ý. Nàng không bao giờ muốn là cái đinh trước mắt thế gian. Đối với nàng, tình yêu là cái gì cao quý và kín đáo chỉ có hai người được chia sẻ với nhau mà thôi.

Cầu tuy cao nhưng lại rất ngắn. Hai chiếc xe tuột dốc rất mau. Trước mắt họ bây giờ là con đường đồng quê, nhỏ nhưng cũng trải đá xanh và tráng nhựa đường hoàng. Hai bên là những tàn dừa xòe tán lá hay những thân cau cao vút. Nhà cửa lùi mãi sâu phía trong, mái lá đơn sơ, thỉnh thoảng mới có một ngôi nhà mái ngói đỏ.

Gió mát nhẹ thổi trong các tàu lá dừa kêu xào xạc. Vài con chim sẻ ríu rít hót trên đường giây điện. Trên cao, mây trắng từng đám sáng lên chói mắt lơ lửng trôi bồng bềnh giữa màu xanh ngăn ngắt của nền trời. Toàn cảnh là một

bản giao hưởng đồng quê êm đềm, với màu sắc và âm thanh hài hòa, tuyệt vời trong cái đơn sơ mộc mạc đến tầm thường của nông thôn Nam bộ. Con đường vắng, lâu lâu mới có một chiếc xe đạp ngược chiều lướt qua.

Diễm liếc nhìn Chương, ánh mắt nghịch ngợm nhưng cũng thật đa tình:

- Bây giờ thì anh có thể sờ lưng em được rồi đấy!

Chương cười:

- Thế sờ chỗ khác được không?

- Bậy nào. Anh thì lúc nào cũng thế. Tham ơ là tham!

Chương muốn dừng ngay xe lại, ôm nàng mà hôn. Nhưng chàng dần lòng được. Có lẽ cái dần lòng đó lại làm cho nỗi cảm xúc nồng nàn bừng dậy trong chàng có thời gian nghiền ngấu nhiều hơn. Phải chăng đó là cái phần thưởng đẹp đẽ của sự tự chế?

Hôm nay là sinh nhật của Diễm. Cũng ngày này những năm trước, hai người đã từng đi trên đúng con đường này, khi thì bằng xe hơi, khi thì bằng xe gắn máy. Nhưng bây giờ thời thế đã đổi thay, Chương không còn lại chút gì của những vinh quang ngày cũ. Chỉ có một điều an ủi chàng, và đó là tất cả. Diễm vẫn yêu chàng như bao giờ. Trong bao nhiêu là đổi thay của cuộc đời, riêng nàng không thay đổi. Và trong cái cũ càng của cõi nhân gian lẩn quẩn vòng vo, riêng nàng luôn luôn mới lạ. Hạnh phúc thay là chàng, một con người không có gì đặc sắc, trong trường đời đã thất bại nhiều hơn thành công. Nhiều khi chàng đã băn khoăn tự hỏi, chàng đã làm gì để được nàng yêu đến như thế. Có lẽ nàng cũng không giải thích được cho chàng. Tình yêu tự bao giờ vẫn là một bí nhiệm của tạo hóa, và con người yêu hay không yêu, chứ không thể giải thích được tình cảm của mình

cho hợp lý. “*Le Coeur a sa raison*” Và trái tim em là của một người..

Hai chiếc xe đạp cứ sóng bước chậm chậm bên nhau. Chương cứ quay sang nhìn Diễm hoài, nhìn mở tóc ngắn của nàng được ánh nắng vàng sớm mai viền sáng, nhìn bờ vai nhỏ, nhìn đôi cánh tay trần với những ngón mềm mại giữ hai tay ghi đông xe, nhìn chiếc quần lụa đen phấp phới trong gió sớm. Diễm cũng nhìn chàng, ánh mắt đắm thắm thiết tha. Ôi hạnh phúc sao đơn sơ. Không cần lời nói gì nữa cả. Ánh mắt long lanh đã nói hết giùm nàng.

Chương bỏ một tay khỏi ghi đông nắm lấy tay Diễm. Chàng bóp chặt. Da thịt nàng mềm mại trong những ngón tay chàng. Rồi chàng buông lỏng. Rồi chàng quàng tay quanh lưng nàng. Hai chiếc xe đạp ru sát vào nhau, chệch choạng. Chương vội buông tay ra giữ lại ghi đông, và Diễm cũng lấy lại được thăng bằng trên xe đạp. Nàng bật cười:

- May quá không té. Anh có nhớ một lần trước anh cũng làm như vậy, em té bầm đầu gối, về nhà mẹ em hỏi vặn hoài. Bà cụ lo cho em dữ lắm. Sợ bà cụ không cho anh cưới em đâu. Cụ sợ mất con gái.

- Anh thì không sợ mất em.

- Oai nhỉ. Ai làm anh nghĩ như thế?

- Em chứ còn ai!

- Vâng. Hình như kiếp trước em nợ anh cái gì nặng lắm thì phải. Thành bây giờ rút không ra. Bà cụ cứ gàn quải em hoài. Cụ bảo bây giờ thì anh còn có tương lai gì nữa mà mong, lấy làm chi cho khổ. Thà ở vậy trông cụ còn sướng hơn.

- Đố em mà rút ra khỏi anh được đấy.

- Thì em có bao giờ định rút ra khỏi anh đâu! Anh có bắt em làm đây tớ, em cũng chịu.

- Anh không thích làm ông chủ đâu. Anh chỉ thích làm chồng em thôi.

- Thế anh có đủ sức đáp lại thách cưới của em chưa?

- Thách gì thế? Em nói cho anh nghe nào.

- Một trăm hòn ngọc, hai mươi tám ông sao trên trời.

- Ôi anh làm sao mà kiếm được những thứ ấy!

- Thế anh có gì cho em đây?

- Xem nào, thế này nhé *một quả tim vàng, một chìa khóa nhỏ*..

- Vâng, thế thì em là của anh.

- Sao em thông minh thế?

- Không thông minh sao bắt được hồn anh!

Đường đi thật ngắn không ngờ. Đã đến đầu sông rồi. Trước mắt là giải nước mông mênh lẫn tăn những làn sóng nhỏ. Chiếc đò ngang đang ở bên kia sông. Diễm nhìn Chương:

- Hôm nay chúng mình đi đâu anh?

Chương chỉ vào quán hàng bên trái ngay cạnh bờ sông. Một chiếc cầu bắc qua một hồ nước có những bông súng nở. Những chiếc bàn tròn với ghế bằng đá hoa mài có dù che. Những tàu dừa in bóng lá trên nền vải dù. Khách hàng thưa thớt.

Diễm gật đầu ứng chịu. Hai người dẫn xe vào quán, ngồi vào một cái bàn dưới bóng dù nhìn ra hồ nước có bông súng, và gọi hai ly cam vắt.

Chương nắm tay Diễm, đặt nhẹ vào lòng bàn tay nàng một tờ giấy mỏng gấp tư vừa lấy trong túi áo ra. Chàng xúc động nghe rộn lên nỗi xốn xang hồi hộp của nàng, có lẽ cả tiếng tim nàng đập nữa. Diễm bóp chặt tay chàng một hồi lâu, nhìn chàng thắm thiết, rồi từ từ mở tờ giấy ra đọc:

... *một quả tim vàng  
một chìa khóa nhỏ*...

Những câu đầu của bài thơ mừng sinh nhật chàng viết cho nàng.

**KIM VŨ**  
(California)

# CẢM Ứ “Hôm Đó Mùa Xuân”

Thế rồi “*Hôm Đó Mùa Xuân*”  
Điểm, Chương hạnh phúc muôn phần bên nhau  
Thật là ý hợp tâm đầu  
Trao nhau tha thiết những câu ân tình...

Buổi nào hai đứa chúng mình  
Sóng đôi xe đạp bóng hình kề nhau  
Yêu thương tình tứ từng câu  
Liếc đưa đôi mắt và âu yếm cười  
Ra ngoài thành phố vui chơi  
Như đôi chim nhỏ lưng trời tung bay  
Hai người tâm sự đắm say  
Vui đùa khúc khích, tình đầy chứa chan  
Đôi bên trao đổi nồng nàn  
Hẹn nhau gửi trái tim vàng cho nhau  
Mắt nhìn mắt tựa nhịp cầu  
Nói bờ tình ái những câu hẹn hò

Ngày xưa tôi tuổi học trò  
Cũng từng có lúc hẹn hò đi chơi  
Thanh xuân nào biết mùi đời  
Có nhiều cay đắng ‘vùng trời yêu thương’  
Con tim rạo rực cửa trường  
Đón chờ bạn gái mến thương ra về  
Sóng đôi xe đạp cặp kề  
Hỏi nhau vợ vắng, cũng đê mê lòng  
Cũng có khi, buổi nắng hồng  
Sáng ngày Chủ Nhật hẹn cùng dạo chơi  
Đạp xe đi khắp mọi nơi  
Từ trong thành phố ra ngoài ngoại ô  
Cũng từng bóng gió hẹn hò

Tưởng rằng chung thủy, ai ngờ chia tay  
Đời tôi bao nỗi đắng cay  
Đời nàng thì cũng làm say bao người?  
‘*Mười Năm Tình Cũ*’ dòng đời  
Tình cờ tôi gặp nàng ngồi ôm con  
Vai gầy vẻ mặt héo hon  
Nhìn tôi nàng có ý buồn kín sâu  
Cả hai không nói một câu  
Chào nhau chỉ một gật đầu rồi đi  
Nhớ xưa tuổi trẻ tình si  
Cười đùa nào có biết gì mai sau  
Mình từng qua mấy nhịp cầu  
Còn nàng cũng đã khổ đau bao lần?

Mở xem “*Hôm Đó Mùa Xuân*”  
Đọc xong cảm thấy có phần khó tin!  
Tình yêu đẹp, khó giữ gìn???  
‘*Đẹp khi đang dở*’, thề nguyện gió bay  
Dù cho chìa khóa trao tay  
Con tim vàng cũng có ngày vỡ tan  
Phải chăng tôi quá bi quan?  
Vì tôi đã bị cung đàn đứt dây!  
Con đường tình ái chông gai  
Không như nhung lụa, xin ai dè chừng  
Tuy nhiên, tôi nói: “Thế nhưng  
Hỡi người tuổi trẻ hãy đừng nghe tôi  
Xin mời bạn nhập cuộc chơi  
Biết đâu bạn có cuộc đời lên hương?  
Biết đâu không gặp “*đoạn trường*”  
‘*Mùa Xuân Hôm Đó*’ bạn vương trong lòng?”

Sài Thành, tiết Trạng Xuân

CỤ VỮ

# NIỀM VUI CUỐI ĐỜI

## Tạ Quang Khôi

Ông Cảnh đã yêu Nhạn suốt cả cuộc đời. Trong tuyệt vọng và thâm kín. Nhạn là con gái đầu lòng của một người bạn thân. Người bạn này còn kém cả tuổi ông. Hai người cùng học một lớp với nhau nhiều năm. Khi người bạn lấy vợ, ông là một trong hai người rể phụ. Nhưng chính ông thì chưa bao giờ làm chú rể. Nhiều thầy bói đã cho biết số ông là số “cô độc cô quả”. Thật ra, ông cũng đã có một vài lần hỏi vợ, nhưng lần nào cũng dở dang và đổ vỡ. Có đám thì sắp đến ngày cưới bỗng nhà gái từ hôn với lý do không rõ ràng. Có đám thì chính ông từ hôn vì bất ngờ trông thấy vợ chưa cưới đi chơi với một người đàn ông lạ mặt. Có điều đáng nói là dù đi hỏi vợ ông chưa hề thực tâm yêu một người con gái nào. Ông thấy bạn bè lần lượt có gia đình thì cũng muốn có một người vợ để đi về có nhau. Ông cũng nghĩ tới lời khuyên của một câu tục ngữ Pháp: ”L'appétit vient en mangeant”, nghĩa là cứ lấy vợ rồi sẽ yêu vợ.

Tình yêu đến với ông rất muộn khi ông đã đi tới nửa đường của tuổi “bất hoạc”. Người yêu đầu tiên của ông lại chính là người con gái lớn của ông Thiện, người bạn học cũ của ông. Lúc đó Nhạn mới 15 cái xuân hồng. Như vậy, ông hơn nàng đúng 30 tuổi. Vì yêu một cách quá bất thường và mù quáng, ông giấu kín mối tình đó tận đáy lòng. Nhạn là một thiếu nữ xinh đẹp, có thân hình nầy nở đều đặn sớm, nên có nhiều cậu trai theo đuổi ngay từ khi vừa tới tuổi dậy thì. Thấy ông bướm dập diu như vậy, ông Cảnh buồn và lo lắng. Có lần ông đến thăm ông Thiện, thấy Nhạn thân mật cười nói với bạn trai, ông thầm ghen, nhưng biết mình không thể làm gì được, ông bỏ ra về một cách đột ngột, không lý do, khiến ông Thiện rất ngạc nhiên.

Vì xinh đẹp, duyên dáng, có nhiều người yêu, Nhạn lơ là việc học hành nên chưa học hết bậc trung học đã lấy chồng năm 18 tuổi. Chồng nàng là con trai một nhà buôn giàu, cũng học hành dở dang như nàng. Sở dĩ nàng chọn anh chàng này vì anh đã

chịu khó bỏ nhiều tiền ra mua những món quà đắt tiền mà nàng thích để tặng nàng. Ông bà Thiện không ưng chàng rể nhưng cũng phải bằng lòng. Thật ra ông bà đã ngầm chắm một cậu sinh viên trường thuốc cho con gái.

Thấy Nhạn lấy chồng, ông Cảnh buồn lắm, nhưng biết thân biết phận mình, chẳng dám hở môi ra nói gì hết, dù có lúc ông Thiện ngộ ý không ưng cuộc hôn nhân này, cho rằng Nhạn còn trẻ người non dạ, chưa biết chọn người xứng đáng.

Hôm cưới Nhạn, ông Cảnh không dự, chỉ gửi mừng nàng một món quà đắt giá. Nhưng cuộc hôn nhân này không bền, chưa đầy hai năm, vợ chồng nàng đã chia tay. Nàng nói với bố mẹ là chồng nàng chưa trưởng thành. Con nhà giàu được nuông chiều quá đáng nên không hiểu gì về cuộc đời thực tế. Không những thế, bà mẹ chồng lại khó khăn, nghiệt ngã rất mực, bắt nàng vào khuôn vào phép đến cực khổ. Kết quả của cuộc hôn nhân là một bé trai mấy tháng tuổi. Bà mẹ chồng muốn bắt đứa bé vì nó là cháu đích tôn, nhưng nàng không chịu, bế con về với cha mẹ.

Thấy Nhạn bỏ chồng, ông Cảnh mừng thầm và lại nuôi hy vọng. Ông sẵn sàng nhận đứa bé làm con và ông tự biết ông đủ khả năng nuôi nó cho đến khôn lớn. Ông tính hôm nào thuận tiện sẽ ngỏ lời thách với Nhạn. Bây giờ nàng không còn là gái tân hờ hờ nữa. Ông tin rằng lần này ông có thể được nàng để mắt tới. Nhưng tiếc rằng ông chưa có dịp nào thuận tiện ngỏ lời thì nàng đã lại... bước thêm bước nữa. Người chồng mới của nàng cũng còn trẻ, chưa hề lấy vợ. Anh ta là một sĩ quan trong quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Cuộc hôn nhân này còn ngăn ngui hơn cuộc hôn nhân trước. Chưa đầy sáu tháng sau ngày cưới, anh đã vội vã... đền nợ nước. Thế là nàng lại góa bụa, ông lại hy vọng. Nhưng muốn tỏ tình với nàng không phải là một chuyện dễ dàng. Làm sao ông có thể mở miệng nói với con gái của bạn là ông yêu nó, muốn cưới nó làm vợ. Ông cố gắng tìm lời lẽ nào cho hợp tình bác cháu nghe khả dĩ lọt tai.



Ông lần nữa mãi vì chưa tìm ra lời mà cũng không dám hỏi ý kiến ai thì Nhận lại ôm cầm bức sang thuyền thứ ba. Chủ thuyền này là một luật sư mới xong thời kỳ tập sự. Như vậy anh là người có thể giá cao, ít nhất so với ông Cảnh, một nhà giáo tầm thường. Lần này thì ông vừa thất vọng vừa giận nàng. Hừ, người gì mà lấy chồng lạ như thay áo lót vậy, ông thầm trách nàng.

Nhận sống với người chồng thứ ba này khá lâu, nhưng không có con. Nàng khoe với bố mẹ là nàng được chồng rất chiều. Vì thế, nàng không thích có con, chàng luật sư cũng bằng lòng. Không những thế, chàng còn mua thuốc ngừa thai cho vợ. Nhưng người xưa đã nói :”Hồng nhan đa truân”, má hồng phận bạc. Vì thế, Nhận cũng không thoát khỏi định luật đó. Sau khi cộng sản chiếm miền Nam, vợ chồng nàng vượt biên tìm tự do. Ghe bị hư máy giữa biển, lênh đênh trôi dạt theo sóng gió nhiều ngày. Thuyền nhân bị chết đói gần hết trước khi được tàu buôn của Na Uy vớt. Trong số rất ít người sống sót có Nhận. Khi được cứu tỉnh, nàng không hiểu tại sao nàng lại không chết cùng với chồng con. Số người sống sót này được đưa tới Singapore, rồi được định cư ở Mỹ. Nhận bị bệnh tâm thần hơn một năm trời mới khỏi.

Khi đã trở lại bình thường, nàng vào học trường đại học cộng đồng để vừa học Anh văn vừa học lấy một nghề. Trong thời gian đi học, nàng cũng phải đi làm để tạm sống. Cả ở trường lẫn nơi làm việc có nhiều đàn ông theo đuổi, nhưng nàng làm ngơ hết. Nàng chán chuyện chồng con rồi. Nàng nghĩ rằng trên cõi đời này không ai có thể bằng được người chồng luật sư của nàng. Tốt nhất là chẳng tơ vương làm chi cho nặng nợ.

Sau hai năm học, nàng có một nghề để có thể sống vững vàng. Nàng xin được một việc làm ở một sở Mỹ, lương cũng đủ sống. Khi đã tương đối ổn định, nàng lo giấy tờ bảo lãnh cho bố mẹ sang đoàn tụ với nàng. Ông bà Thiện được sang Mỹ sau hai năm chờ đợi. Trong khi đó, ông Cảnh cũng sang đoàn tụ với gia đình người em trai, nhưng phải chờ đợi tới bảy năm. Sang tới Mỹ, ông vội liên lạc ngay với ông bà Thiện, rồi thu xếp chuyển sang ở gần bạn. Ông chỉ có một thân một mình nên làm gì cũng sống được, ở thì thuê lại một căn phòng nhà người ta cũng xong.

Điều cốt yếu là ông được ở gần Nhận, khi nàng lại độc thân. Thật ra ở gần hay ở xa, tình trạng cũng chẳng thay đổi gì, vì ông có bao giờ dám tỏ tình với nàng. Mỗi khi gặp nhau, nàng bao giờ cũng cung kính “bác bác cháu cháu” khiến ông ngại ngùng.

Trong khi đó, Nhận vẫn có nhiều người theo đuổi, cả Mỹ lẫn Việt. Nhưng nàng vẫn quyết tâm ở một mình cho... nhẹ nợ. Vết thương cũ vẫn chưa lành trong tâm hồn nàng. Thịnh thoảng, về đêm nàng vẫn khóc thương thằng con chết yểu.

Tháng ngày êm ả trôi, rồi ông Cảnh đến tuổi về hưu khi Nhận mới 35, cái tuổi đẹp lộng lẫy của một thiếu phụ có nhan sắc. Soi gương thấy mình già, mặt mũi nhăn nheo, tóc đã nhiều muối hơn tiêu, ông biết mình không còn hy vọng gì nữa, đành cố quên đi hình bóng người đàn bà ông ấp ủ suốt hai chục năm trời. Mấy năm sau, ông Thiện, rồi bà Thiện cũng về hưu. Hai ông bà từ ngày sang Mỹ vẫn ở chung với con gái nên để dành được khá nhiều tiền. Còn ông Cảnh cũng có cuộc sống thoải mái hơn khi ông được nhận vào một khu nhà dành cho người già, được nhà nước giúp đỡ

Rảnh rỗi, ông bà Thiện thường cùng nhau đi chơi xa. Trong một chuyến đi thăm một người bạn ở tiểu bang khác, lúc trở về, ông bà đã gặp tai nạn trên xa lộ. Cả hai cùng chết ngay tại chỗ. Kẻ gây tai nạn là một tài xế xe vận tải hạng nặng, đã ngủ gật để cho xe vượt làn ranh giữa sang đường ngược chiều. Công ty xe vận tải chịu mọi trách nhiệm và hãng bảo hiểm của công ty xe phải bồi thường cho Nhận một số tiền lớn. Nhưng số tiền này cũng không sao cứu nàng khỏi cơn mê sảng. Khi nghe tin cha mẹ bị tử nạn, nàng bị xúc động quá mạnh nên té xuống đất hôn mê ngay. Từ đó, dù các bác sĩ tâm thần đã tận tình chạy chữa, nàng không sao trở lại được bình thường. Ngay cả khi được coi là tỉnh, nàng vẫn ngơ ngác ngác, lúc quên lúc nhớ.

Ông Cảnh tuy không phải là họ hàng ruột thịt nhưng cũng là người thân của gia đình, lại là người từng thâm yêu Nhận hơn hai chục năm trời, nên tự nguyện lo cho nàng. Ông săn sóc nàng như chồng lo cho vợ. Lúc tinh táo, nàng gọi ông bằng bác, xưng cháu. Nhưng những lúc ấy rất hiếm. Nàng thường lẫn lộn ông với ông Thiện. Lại có nhiều khi nàng còn tưởng ông là người chồng luật sư đã chết

trên biển cả. Nàng kêu ông bằng anh và xưng em. Có lúc nàng lại âu yếm ôm ghì lấy ông mà hôn tới tấp lên mặt, lên cổ. Lúc đầu ông cũng cảm thấy thích thú vì được ôm người con gái mà ông yêu thầm trộm nhớ mấy chục năm trời. Nhưng những lần sau, ông không còn cảm giác gì nữa vì người đàn bà mê sáng ấy đang yêu một người khác, không phải là ông. Rồi ông trở nên bực mình. Dần dần tình yêu ông dành cho Nhan phai nhạt. Ông không còn thấy thích thú được ôm nàng trong vòng tay nữa. Ông đứng im lặng, trơ như đá, để mặc nàng âu yếm, vuốt ve, hôn hít và gọi tên người chồng đã khuất.

Thế rồi bỗng một hôm nàng đòi “chồng” vào giường ngủ với nàng. Ông Cảnh sững sờ trước đòi hỏi này. Ông thầm tự hỏi ông có nên chiều nàng không? Nếu ông từ chối, bệnh của nàng có nặng hơn không? Từ lâu ông vẫn mơ ước được ngủ với nàng, với một cô Nhan xinh xắn, hấp dẫn, tinh táo, không phải một người bệnh đang trong cơn mê sáng. Ngủ với nàng lúc này có phạm tội lợi dụng một người bệnh hoạn không? Thật là một điều khó nghĩ cho ông.

Ngoài nỗi lo lắng trên, ông còn sợ trong khi hai người đang ân ái nàng bỗng tỉnh lại, nhận ra ông không phải là người chồng luật sư của nàng thì phản ứng của nàng sẽ ra sao? Bệnh nàng có nặng hơn vì tức giận tưởng ông lợi dụng nàng trong cơn mê không? Đây là một hoàn cảnh vô cùng tế nhị và khó khăn vì bệnh tâm thần không phải là một bệnh dễ chữa như các bệnh khác. Ông đành phải tìm cách trì hoãn, nói thác rằng ông đang bệnh, không thể ân ái với nàng ngay bây giờ được. Rồi ông đưa nàng vào giường đỡ cho nàng ngủ. Nhìn người đàn bà một thời ông yêu tha thiết nay đã héo mòn vì bệnh tật ông cũng không còn thấy ham muốn nữa, chỉ xót thương thôi. Sau đó, ông vội gọi cho bác sĩ đang điều trị cho nàng để trình bày sự việc và hỏi cách đối phó. Nhưng không may vào dịp đó, bà bác sĩ điều trị cho Nhan nghỉ hàng năm nên đã đi vắng xa.

Bỗng, vào một đêm, ông đang ngủ trong phòng riêng, Nhan vào nằm cạnh ông và đánh thức ông dậy. Ông tỉnh ngủ ngay vì thấy một thân thể trần truồng bên cạnh. Ông chồm dậy và định lao ra khỏi giường. Nhan ôm ghì lấy ông và âu yếm gọi

## XUÂN HỒNG

Hoàng hôn tiễn ngọn gió đông  
Bình minh chào đón xuân hồng bước sang  
Vườn xuân nắng sớm mênh mang  
Chim ca ríu rít hoa vàng phất phơ

Chập chờn cánh bướm trong mơ  
Hoa xuân hé nụ ngẩn ngơ đợi chờ  
Người xa xăm mãi hững hờ  
Để ngàn hoa thắm thẫn thờ gió lay

Xuân xưa một thoáng mây bay  
Xuân này ngơ ngác tháng ngày tha hương  
Mai vàng như giải khỏi sương  
Phất phơ gió sớm muôn phương rạt rào

Rung rung những sợi nắng đào  
Ngỡ rằng xuân trước chiêm bao lại về

## QUỖNH ANH

(Virginia)

tên người chồng luật sư. Ông muốn gỡ nàng ra mà không được vì mỗi lúc vòng tay nàng xiết chặt hơn. Khi đi ngủ, ông chỉ mặc có một chiếc áo lá và một quần xà lỏn nên bị nàng lột ra một cách dễ dàng, nhanh chóng. Ông không ngờ lúc ấy nàng mạnh như vậy. Biết mình đã lớn tuổi, yếu hơn người đàn bà đang tuổi hồi xuân và bất bình thường nên không thể chống cự, trốn tránh được nữa, đành nằm yên...

Chuyện làm lần còn xảy ra nhiều lần nữa. Chính ông cũng thấy thích thú. Ông nghiệm ra rằng sự làm lần dường như cũng có ảnh hưởng tốt cho bệnh tâm thần của Nhan. Nàng có vẻ tỉnh dần ra.

Nhiều việc nàng đã có thể tự làm lấy mà không hư hỏng. Ông vừa mừng vừa lo. Mừng vì thấy bệnh đã đỡ nhưng lo vì có thể nàng sẽ trách ông đã lợi dụng lúc nàng không tỉnh táo để làm bậy. Làm sao ông có thể giải thích chính nàng đã làm lẩn? Ông ở vào tình trạng tình ngay mà lý gian. Ông phân vân không biết nên sử trí cách nào. Tránh nàng hay vẫn cứ để nàng tiếp tục làm lẩn? Quan trọng nhất vẫn là vấn đề sức khỏe của nàng.

Trong khi ông phân vân thì nàng vẫn tiếp tục làm lẩn, nhưng thưa dần đi. Hình như lúc hơi tỉnh táo nàng không làm lẩn nữa. Chính những đêm ấy, ông lại thao thức mong nhớ nàng. Ông biết mình tự mâu thuẫn, nhưng làm sao ông dễ dàng quên được thân thể của người đàn bà mà ông mơ ước suốt cả cuộc đời. Không những thế, ông còn sợ nàng khi đã khỏi hẳn bệnh tâm thần sẽ xa lánh hay xua đuổi ông.

Từ ngày Nhận có thể tự làm lấy nhiều việc, ông bắt đầu đi chơi loanh quanh trong khu phố gần nhà cho bớt ngột ngạt. Thoạt tiên, cuộc đi chơi chỉ ngắn năm, bảy phút. Khi thấy không có chuyện gì xảy ra cho nàng, ông kéo dài thêm để hưởng không khí ngoài trời.

Một hôm, đi chơi về, ông giật mình khi thấy Nhận lúi húi nấu nướng trong bếp. Từ ngày nàng bị bệnh, ông không bao giờ cho nàng vào bếp vì sợ nguy hiểm cho nàng. Ông vội đến gần nàng để kiểm soát bếp lửa. Nàng đang rửa rau, ngừng lên nhoén miệng cười với ông. Nụ cười thật tươi, không có vẻ ngờ nghệch như lúc nàng đang bị bệnh nặng. Ông yên tâm vì không có gì đáng ngại, vừa định ra khỏi nhà bếp thì nghe tiếng nàng hỏi :

“Anh mới đi dạo mát về ?”

Ông quay lại mỉm cười với nàng, đáp:

“Thỉnh thoảng đi ra ngoài cho thoải mái.”

Nhận lại nói :

“Anh nghỉ ngơi một chút rồi ăn cơm... Bữa nay đặc biệt.”

Nghe lời nàng, ông rất mừng vì không có một chút mê loạn nào. Ông vui vẻ hỏi lại :

“Bữa nay thì có gì đặc biệt?”

Nhận úp mở “

“Lát nữa anh sẽ biết.”

Rõ ràng là cách nói của một người tinh táo, ông càng ngạc nhiên hơn, nhìn nàng đăm đăm.

Nàng cúi xuống như muốn giấu một nụ cười. Ông rất mừng khi thấy nàng đã bớt nhiều, có thể coi như đã bình thường. Nhưng ông lại thắc mắc nếu đã bình thường sao nàng vẫn làm ông với người chồng luật sư mà gọi ông bằng anh? Đáng lẽ nàng phải nhận ra ông là “bác Cảnh”, bạn của cha nàng. Thật khó hiểu. Thôi thì đành chờ đến bữa cơm xem sao, ông thầm tự nhủ.

x

Ông Cảnh còn ngạc nhiên hơn khi thấy Nhận mặc áo dài ngồi cạnh bàn ăn. Không những thế, ông còn nhận ra một lớp phấn son trên mặt nàng. Lớp phấn hồng đã làm cho mặt nàng bớt xanh xao sau nhiều ngày bệnh hoạn. Nàng trông trẻ hẳn ra và thật xinh đẹp. Thấy nàng có vẻ trịnh trọng quá, ông chợt lo vì nghĩ rằng bệnh tâm thần của nàng trở lại. Ông đứng nhìn nàng thật lâu để dò xét. Nàng vui vẻ chỉ chiếc ghế đối diện, mời :

“Anh ngồi xuống đi.”

Ông rụt rè hỏi :

“Nhận... Nhận thấy trong người... thế nào?”

Nàng phì cười hỏi lại :

“Anh tưởng em bệnh hả ?”

“Vây... vậy sao Nhận có vẻ... bất thường quá ?”

Nàng lắc đầu :

“Có gì bất thường đâu... Hôm nay đặc biệt thì em mặc áo dài và trang điểm một chút cho hợp... tình hợp cảnh.”

Ông vẫn đứng yên một chỗ, rồi hỏi tiếp :

“Hôm nay là ngày gì mà Nhận coi là đặc biệt?”

Nàng tươi cười đáp :

“Ngày em khỏi bệnh.”

“Khỏi bệnh? Bệnh gì ?”

“Từ ngày ba má em bị tai nạn, em không được bình thường, bị mê loạn. Bây giờ thì em tỉnh táo rồi. Như vậy là khỏi bệnh chứ còn gì nữa.”

Ông Cảnh vẫn nghi ngờ, hỏi thêm:

“Nhận có biết tôi là ai không ?”

Lần này thì nàng cười phá lên :

“Có lẽ anh bất thường mới đúng. Anh là Cảnh chứ còn là ai nữa.”

Câu trả lời của nàng làm ông giật thót mình. Nàng gọi ông bằng anh ngọt xớt. Thế thì nàng đâu có

mê sáng. Nàng không nhìn lầm ông ra người chồng luật sư quá cố nữa. Thấy ông vẫn đứng, nàng lại giục:

“Anh ngồi xuống đi. Em có chuyện muốn nói.”

Ông không trái lời nàng nữa, nhưng vẫn đắm đắm nhìn nàng chờ đợi. Nàng nữa e thẹn nữa vui vẻ nói:

“Anh với em, từ lâu đã thành vợ chồng, bây giờ chỉ hợp thức hóa thôi. Mình đã ăn nằm với nhau bao nhiêu lần. Có thể lúc đầu em đã lầm anh là người khác. Nhưng dần dần em tỉnh lại và nhận ra anh. Mới đầu em cũng hơi ngạc nhiên và tức giận, tưởng anh lợi dụng lúc em bệnh mà làm vậy. Sau em để ý nhận xét thấy anh không tỏ ra tha thiết với em, chỉ chiều em thôi thì em biết anh muốn chữa bệnh cho em nên em muốn gì anh cũng làm. Điều quan trọng là chưa bao giờ anh tìm cách ngủ với em, chính em là kẻ chủ động. Đã có lần em già bộ lắm anh với chồng cũ của em, anh cũng không cưỡng lại... Bây giờ anh hiểu hết rồi, có chịu làm chồng thiết của em không?”

Càng nghe nàng nói ông càng ngỡ ngàng. Rồi từ ngỡ ngàng ông sung sướng vô cùng. Ông nhìn nàng đắm đuối mà không nói nên lời. Nàng chỉ mấy món ăn bày trên bàn, nói:

“Đây là tiệc mừng chúng mình chính thức xum họp với nhau. Em mới khỏi bệnh, không làm được những món đặc biệt, chỉ đơn sơ thế này thôi. Anh đừng chê, nghen.”

Ông vẫn nhìn nàng, không nói nên lời vì chưa bao giờ ông dám ngờ mình có hạnh phúc này. Nhận xong cơm rồi gấp thức ăn vào chén cho ông, mời:

“Nào, mình bắt đầu chứ, em cũng đói rồi.”

Ông ngoan ngoãn làm theo lời nàng. Ông cho rằng nếu ông có được dự một bữa tiệc đầy sơn hào hải vị cũng không thể ngon bằng bữa cơm đơn giản hôm nay. Khi thấy Nhận vui vẻ cười nói, ông rụt rè hỏi:

“Nhận... Nhận có biết tôi yêu Nhận từ lâu lắm rồi không?”

Nàng gật đầu:

“Em cũng biết chứ. Ngay từ hồi mới mười lăm, mười sáu, em thỉnh thoảng bắt gặp mắt anh nhìn em đắm đuối thì cũng đoán ra ngay. Những lúc đó, em lại nhủ thầm là ông già này dè dặt, dám yêu cả con gái bạn. Chắc chắn là em nghĩ em không thể lấy một ông già như anh... Em đâu có điên.”

Nói xong, nàng phá lên cười, rồi thêm:

“Bây giờ thì đúng là mới khỏi điên nên mới chịu làm vợ anh.”

Ông Cảnh chậm rãi nói:

“Nhận không cần phải ép mình làm điều Nhận không thích...”

Nàng hỏi lại ngay:

“Bộ anh không còn yêu em nữa?”

“Lúc nào tôi chả yêu Nhận, nhưng tôi không muốn Nhận buồn vì có một người chồng già hơn cả tuổi ba mình. Có thể Nhận sẽ mắc cỡ với bạn bè và những người chung quanh. Thấy Nhận khỏi bệnh là tôi mừng rồi.”

Ngập ngừng một chút, nàng đánh bạo hỏi:

“Những lần mình ăn nằm với nhau, anh không thích sao?”

“Sao lại không thích! Nhưng tôi vẫn cho đó là một cách chữa bệnh.”

Nàng dọa:

“Bây giờ em hết bệnh cũng chỉ là hết tạm thời thôi, vẫn cần có anh bên cạnh. Nếu anh bỏ em có khi bệnh trở lại thì sao? Anh đã yêu em suốt cả đời anh, bây giờ em yêu lại, chả lẽ anh không nhận tình của em? Mình ở Mỹ, có phải ở Việt Nam đâu mà sợ tai tiếng. Đưa nào cười thì hờ mui cái răng, mặc xác chúng nó. Mình chỉ biết mình thôi.”

Thấy lời nàng chí tình và hợp lý, ông Cảnh đành ngồi im lặng, trong bụng vui như mở cờ. Trong đời ông đã gặp nhiều chuyện bất ngờ, nhưng chưa có bất ngờ nào thú vị như bất ngờ này. Ông nhìn nàng đắm đuối, ấp úng nói:

“Thì... thì tôi vẫn yêu Nhận...”

Nàng liền ngắt lời ông:

“Yêu mà vẫn kêu bằng Nhận và xưng tôi? Bộ em không xứng đáng để anh kêu bằng em sao?”

“Tôi... tôi... Anh sung sướng quá đến nghẹn lời.”

Nhận tỏ vẻ bằng lòng, gật đầu:

“Từ nay em cầm anh xưng tôi với em nữa đấy.”

Ông sốt sắng nhận lời:

“Từ nay chỉ anh với em thôi.”

Nhận liền cất tiếng cười vang. Ông Cảnh bỗng có cảm giác ròn rợn. Ông biết ông chưa thể hưởng hạnh phúc trọn vẹn với nàng được dù ông đã có nàng.

**Tạ Quang Khôi**  
(Virginia 11/2008)

# MƯA XUÂN VỀ MUỘN

Trần Đan Hà

Kỷ niệm ngày đời 30.4

Lâm trở về quê sau một biến động của đất nước, một khúc quanh lịch sử đã trôi qua, nhưng thảm cảnh chiến tranh vẫn còn ám ảnh. Từ những ngày triệt thoái cao nguyên, với hàng hàng lớp lớp chui ra từ lửa đạn; đến những ngày Sài Gòn tan tác, cảnh hỗn loạn khiến cho bao người hốt hải, kinh hoàng. Mọi chọn lựa đều không mang tính trọn vẹn để đáp ứng nhu cầu cho những người đã một lần đánh mất quê hương. Ngày đi, anh chưa bao giờ nghĩ rằng sẽ trở lại nơi chốn thân yêu, sau một lần phải ngậm ngùi bỏ lại tất cả với bao nuối tiếc. Vì nơi ấy, chiến tranh đang lan tràn, khiến cho hoài vọng trở về vẫn còn mịt mù khuất vắng. Ngỡ như cuộc chia xa sẽ dài mãi chưa biết đến bao giờ.

Nhưng hôm nay, anh đang đi trên con đường mà ngày xưa anh đã từng đi nhiều lần. Nét quen thuộc của phong cảnh hai bên đường khiến cho anh cảm thấy bớt lẻ loi. Hình như có một cái gì mà Lâm không thể hình dung ra được, nhưng nó đã tạo nên một cảm giác âm áp, băng khuâng. Niềm vui chợt đến với chàng có lẽ đang ôm ấp lâu nay với một ước mong tìm lại những kỷ niệm tuổi thơ của mình. Chàng thấy hân hoan với những cảm nhận vừa đến, triu mến như khúc phim quay lại khung trời tuổi nhỏ với biết bao mến yêu, mà Lâm đã sống với từng ấy kỷ niệm êm đềm. Để hôm nay chàng trở về với những gì mà trong lòng đang ôm ấp một nguồn hy vọng đẹp đẽ, tươi sáng cho tương lai. Tuy không gian xa cách chẳng giúp gì cho chàng nối lại những dở dang, vì chuỗi ngày thơ mộng ấy chưa có cơ hội để ghi lại trọn vẹn vào ký ức, nên bây giờ hình như đã tàn phai theo thời gian vô tình.

Chàng chợt nhớ đến chuỗi ngày chung bước với cô bạn gái cùng làng lên học trường Quận. Người con gái tên Lan ấy ở cách nhà Lâm non nửa cây số, muốn đến trường thì phải đi theo hướng đến nhà Lâm. Thành ra không hẹn mà cứ mỗi buổi sáng, Lâm đều chờ đợi bóng dáng của Lan đến ngay đầu

ngõ, Lâm mới bước ra để đi chung. Ngày ấy, tình bạn giữa hai người rất đơn sơ trong trắng, tự nhiên như đôi chim chèo cánh, chạy nhảy tung tăng, hót ca líu lo giữa đất trời cao rộng.

Lâm chưa có một cảm giác gì khác thường khi đi chung với một người con gái. Nhưng hình ảnh ấy, bóng dáng của Lan đã in sâu trong Lâm lúc nào không hay. Tình tự mến yêu đã nuôi dưỡng đôi tâm hồn son trẻ sống trong một nguồn suối mát bất tận tuôn chảy vào cuộc đời, như thiên nhiên mưa nắng.

Từ nhà đến trường phải đi bộ mất nửa tiếng đồng hồ. Nhưng dần rồi cũng quen, vì ở thôn quê trường gần chỉ có bậc Tiểu học; trường Quận mới có các lớp Trung học lên đến lớp 9 (đệ tứ) và ai có khả năng học tiếp thì phải lên trường Tỉnh. Vì thế mà hầu hết những người sinh sống nơi những làng quê như Lâm, không mấy ai học lên cao. May mắn lắm là học hết lớp cuối của trường Quận, rồi trở về theo nghề cha truyền con nối trong gia đình.

Tiện đường đi học, nên thỉnh thoảng Lan ghé nhà Lâm chơi. Mẹ Lâm xem Lan như con cháu trong nhà. Vì bà đối với mẹ Lan là đồng song, cùng bạn học một thời, và cùng sống với nhau nơi một làng quê nên rất thân thiện. Lan đối với gia đình Lâm cũng tự nhiên, thường gọi mẹ Lâm bằng dì. Còn Lâm thì vẫn xem Lan chỉ là người bạn học như người bạn khác mà thôi, chứ chưa có tình ý gì cả.

Mẹ Lâm đã dành cho Lan với tất cả cảm tình và bà luôn hy vọng sau này, nàng sẽ trở thành cô dâu trong gia đình bà ta. Có lần bà nói với Lâm: - “Mi coi giữ gìn con Lan cho kỹ, đừng để mất nó thì uổng lắm đó nghe không con!”

Lâm chưa hiểu ý mẹ, nên thành thật trả lời: - “Thì Lan vẫn đi học với con hằng ngày đó chứ, mần răng mà mất đi cho được?”

Mẹ nhìn Lâm với lòng thương hại và nói với Lâm: “Này thằng ngốc của mẹ, sao con bằng tuổi nó rồi mà còn ngu ngơ như rứa?”

Lâm cũng chống chế: “Con đi học đến trường đều thuộc bài, về nhà cũng làm bài tập được, răng mà nói con ngốc?”...

Đến đây thì bà lắc đầu và phì cười, nói thêm: “Thôi được con hãy cố gắng lên, chứ đừng để cho mạ thất vọng đó nghe”.

Tuy nói vậy, nhưng trong lòng bà luôn lo lắng, không biết sao thấy Lâm lớn nhanh và khoẻ mạnh, mà vẫn còn ngu ngơ như đứa con nít mới lên ba. Không lẽ nó “không có nam tính?”, trông bên ngoài thì tất cả đều tốt, không có triệu chứng gì khả nghi cả!

Rồi bà lại có một suy nghĩ với hy vọng là Lâm vẫn bình thường, có lẽ sự phát triển của những đứa con trai ở thôn quê đều giống nhau, đối với tình cảm lứa đôi thì hơi chậm, đến tuổi mười lăm mười sáu, nhưng đứng trước người bạn gái “vẫn thấy như không...!” chứ không đến nỗi khờ khờ, chậm lụt như thế đâu....

Còn Lan thì hoạt bát, tự nhiên hơn nên thỉnh thoảng đến nhà Lâm chơi đã khiến cho mẹ Lâm đặt rất nhiều kỳ vọng nơi nàng. Hai gia đình rất thân thiết với nhau, tuy ba của Lan mất sớm, nhưng mẹ đã dành cho Lan với tất cả tình thương.

Có lần mẹ Lâm nói với chàng:

–“Tau chộ con Lan càng ngày nó càng châu lầy, hiền thực dễ thương lắm chớ. Hèn chi người ta thường nói: “Lâu ngày trở sắc thêm duyên”. Những đứa con gái mà có cái duyên thâm, với khuôn mặt bánh đúc, nước da bánh mật, thì tha hồ mai mối mà ụng”. Rồi bà nhìn Lâm mỉm cười, nụ cười của bà như thâm nhủ: “Mẹ đã chọn cho nhà mình một nàng dâu rồi đó”.

Nhưng Lâm thì chỉ hiểu lơ mơ hình như chỉ được mấy mươi phần trăm là cùng. Lâm chỉ hiểu “nung” là như những bà mẹ đang bồng trên tay một đứa bé rất bụ bẫm, nâng lên đưa xuống rồi nói với nó: –“ Ầu... ầu con ai mà dễ ghét quá chưa nè, cho bà cắn một miếng nghe, bà cắn nè, rồi rúc mặt vào bụng đứa bé, thì nó sẽ cười như đười ươi, nấc nè...”. Lại nhắc đến chuyện hai con vật gần như huyền thoại này nữa. Con đười ươi thì Lâm có thấy hình, nhưng con nấc nè thì chưa bao giờ thấy, mặc dầu ngày xưa mẹ có kể cho Lâm nghe rằng: hai con ấy mỗi lần gặp nhau thì ôm nhau cười đến ngất ngư, rồi lăn ra chết giắc. Chuyện kể đã lâu, lúc ấy Lâm còn nhỏ nên không biết, nhưng bây giờ nhắc lại mà Lâm cũng dừng dung, không muốn truy tìm nguồn tích làm gì.

Lâm chỉ biết đại khái vậy thôi, nên nhiều khi tự hỏi: – “đối với Lan thì bây giờ nàng đã là một thiếu nữ, mai mối sẽ lớn lên nữa thì làm sao mà ụng?”

Một lần khác, Lan thêu một tấm khăn tay để tặng cho Lâm, với hình một cánh lan rừng, phía trên có hai chữ L viết hoa, tạo thành hình cánh bướm.

Lâm đem hỏi mẹ ý nghĩa của cảnh hoa thêu trên khăn có cánh bướm. Mẹ neho neho mắt tùm tùm cười, như thâm nhủ đến bây chừ mà còn như “con nai vàng ngơ ngác!”

Nhưng mẹ cũng đem chuyện tích ngày xưa để ngầm giải thích cho Lâm hiểu ý nghĩa bức thêu với cảnh hoa lan rừng và cánh bướm:

–“Có lẽ ngụ ý chuyện ngày xưa Trang Sinh nằm mơ thấy mình hóa bướm, đến khi thức giấc thì không biết mình là bướm hay người. Bức tranh thêu này có hình bướm đậu trên cánh lan rừng, ngụ ý gì thì con cứ tìm hiểu tiếp đi”.

Lâm thấy câu chuyện này khó quá, nên lảng sang chuyện khác cho khỏe. Vì mẹ chỉ giải thích nửa chừng chứ không bao giờ nói rõ ràng chi cả. Hình như tính tình của Lâm rất đơn giản, không muốn suy tư những chuyện như thế đâu, chưa cần biết đến những việc còn trong ý niệm về tương lai. Hiện tại thì Lâm chỉ nghĩ đến lời khuyên của mẹ: –“Con gắng học ba chữ, để sau này khỏi thua sút bạn bè, khỏi hối hận với những điều chưa biết, mà đáng lý ra con có thể học để biết”.

\*

Cuộc sống đầm ấm của gia đình Lâm thật hồn nhiên như cây cỏ, gần như không vương bận những nét sầu. Cứ thân nhiên trôi đi như những áng mây trắng bay thong dong trên bầu trời xanh.

Cha Lâm thì ít nói, chỉ biết ngày ngày ra đồng cày cấy, mong sao cho mùa gặt hái mau về, để cho gia đình khỏi thiếu thốn. Khi nào mưa thuận gió hòa, được mùa lúa gạo đầy sân, sản khoai cao đồng thì thể hiện trên khuôn mặt ông niềm vui rất lớn. Ông chỉ có niềm vui sướng khi thấy những thành quả ấy mà thôi. Ngoài ra không có ước mơ gì cao vời, nên đời sống của ông rất giản dị và bao dung.

Còn mẹ Lâm thì với với yêu thương, đã dành cho chồng con một nguồn hạnh phúc chan chứa, một tình mẹ nồng nàn đã nhiều lần bà diu bước con trẻ từ mới chập chững vào đời; đến những bước

vững chãi, nên lòng luôn dõi theo dò đường cho con khỏi vấp ngã.

Chợt một hôm chiến tranh lan tràn và tàn phá một vùng quê nơi Lâm đã sinh ra và lớn lên trong cuộc sống tuy không mấy sung túc, nhưng đã cho gia đình Lâm những tháng ngày bình yên và sau này đã trở thành những kỷ niệm đáng nhớ. Tuy thời ấy chưa đến tuổi trưởng thành, nên những cảm giác về nơi chốn thân yêu ấy, cũng chỉ mơ hồ, lảng đãng ẩn hiện trong tâm hồn ngây thơ và hồn nhiên của Lâm. Cho đến một đêm định mệnh đã cướp đi tất cả những gì mến yêu nhất của đời chàng với nỗi niềm tiếc nuối khôn khuây.

Lâm chỉ nhớ mang máng là một đêm, dân làng đang sống trong yên vui hạnh phúc, chợt đâu xuất hiện rất nhiều người xa lạ, người nào cũng có súng ống trên tay, ăn mặc lạ lùng đi vào làng với mấy người hướng dẫn. Họ chia nhau vào từng nhà, rồi sau đó đào hầm trú ẩn. Họ liên lạc với nhau bằng ám hiệu, như những người bí mật. Họ giữ dân làng lại nhà nào ở nhà đó, không được đi đâu và canh phòng cẩn mật. Lâm thấy cha mẹ mình lo lắng gần như nỗi sợ hãi đã hiện lên khuôn mặt. Lâm chưa hiểu chuyện gì đang và sắp xảy ra, nhưng thấy tâm trạng bất an của cha mẹ khiến Lâm cũng lo lắng.

Đêm vẫn âm thầm buông xuống một màu đen tối, phủ trùm lên cảnh vật và thân phận của bao người đang bán khoãn, sợ sệt. Chưa ai đoán biết việc gì sẽ xảy ra, nhìn ra ngoài vườn thấy những bóng người đang âm thầm di chuyển, lúc ẩn lúc hiện như những bóng ma. Dân làng sống trong nỗi lo âu đến cùng cực, họ cũng tìm những chỗ thuận tiện để khi hữu sự có thể ẩn núp. Chỉ mới một đêm thôi mà ai nấy cũng đều phờ phạc không phải vì thức đêm, mà vì sống trong một nỗi chờ đợi không lối thoát. Cứ chập chờn ẩn hiện sự di động của những người xa lạ kia, càng lúc càng thấy nỗi âu lo đậm nét.

Trời vừa hừng sáng, thì Lâm đã nghe tiếng súng từ nhiều phía. Mới đầu còn lẻ tẻ, càng sáng thì càng liên tục vang rền. Tiếp theo là ngoài cánh đồng đã thấy xe thiết giáp chạy dần đến làng, rồi máy bay yểm trợ dội bom. Với một ngày quần thảo giữa đôi bên, vẫn không phân thắng bại. Vì những người lạ mặt ở trong làng họ đã đào nhiều hầm trú ẩn dọc theo bờ đê có rặng tre bao bọc quanh làng,

họ có súng chống xe thiết giáp, nên đã cản bước tiến của bên ngoài rất hữu hiệu.

Máy bay dội bom, thêm những trọng pháo bắn vào hàng tre bao bọc xung quanh làng đều bị gãy ngang và oằn xuống. Phía trong làng thì nhiều đám cháy đang còn âm ỷ bốc khói, cây cối xiêu vẹo, xơ xác gần như tan nát, tiêu điều.

Nhưng những đợt tiến công từ ngoài vào đều bị dừng lại, vì sau khi dứt sự yểm trợ của máy bay và hỏa pháo, thì những người nấp dưới rặng tre trồi lên chống trả. Họ cầm cự suốt một ngày hôm ấy, đến tối mới mở đường di chuyển để trốn thoát. Những người còn sống sót, lúc nửa đêm họ tập trung lại và di chuyển theo hướng lên rừng. Trước khi trốn thoát, họ cũng đã đào hố để chôn cất vùi vả những người chết, súng ống mà họ không thể mang theo hết được.

Sau này Lâm nghe những người lớn kể lại đó là bộ đội Việt cộng từ ngoài miền Bắc xâm nhập vào, rồi bị quân đội miền Nam bao vây nơi làng này. Và cũng từ đêm kinh hoàng ấy, gia đình Lâm không còn lại gì nữa ngoài một bộ áo quần mặc trên người. Nhà cửa cháy thành tro, làng xóm không còn an ninh để tiếp tục sinh sống. Nên gia đình Lâm phải theo dòng sóng của người đi lánh nạn. Bước đầu đến nơi chốn tập trung, sống tạm dưới những tấm lều vải. Sau một thời gian ngắn, thì chính quyền miền Nam thông qua Quốc Vụ Khanh đặc trách di dân, trung dụng những chuyên máy bay quân sự, chuyên chở đồng bào chạy loạn vào miền Nam.

Bấy giờ các tỉnh Long Khánh, Bà Rịa Vũng Tàu đang nhộn nhịp tiếp đón dòng người tỵ nạn ấy vào nhập cư. Tuy đến đây là nơi an toàn có thể bảo vệ cho làn sóng di cư này, nhưng những ngày đầu họ cũng vẫn có cảm giác bất an, cảnh kinh hoàng mà ai nấy đều trải qua.

Cũng như mọi người gia đình Lâm được trợ cấp một số thực phẩm và vật liệu để dựng lên một mái nhà. Lâm phụ giúp cha mẹ dựng lên một mái nhà che mưa đỡ nắng, và canh tác khu đất xung quanh nhà để trồng trọt. Vài năm sau cuộc sống gia đình đã có nơi ăn chốn ở, có một mái nhà để dung thân. Tuy còn phải vất vả nhiều lắm để có một cuộc sống thăng bằng lại từ vật chất đến tinh thần. Tuy vậy,

nhưng cha mẹ của Lâm cũng cảm thấy bây giờ đã đem đến cho gia đình một nguồn sống an vui. Vì vùng đất này rất yên ổn, tuy đã xa bà con láng giềng, nhưng bù lại không còn lo lắng đến những cánh chiến tranh như lúc còn ở ngoài quê, đêm đêm bị pháo kích phải xuống hầm trú ẩn để nấp không biết đến bao giờ mới ngưng, và cứ thế tạo nên một cảnh bất an triền miên.

Bây giờ, cuộc sống cũng tạm ổn định, nhưng thấy cha mẹ không vui, vì chưa hợp với phong thổ, không quen biết ai để thỉnh thoảng tâm sự với nhau. Lâm cảm thấy buồn ngủ nhưng không biết lấy gì để an ủi mẹ cha.

Và rồi vài năm sau nữa, thì Lâm lại đến tuổi nghĩa vụ quân sự. Vào trung tâm nhập ngũ, qua mấy tháng quân trường, Lâm được chuyển chuyên về phục vụ một đơn vị gần nhà và địa phương nơi đây khá yên ổn, nên Lâm về thăm nhà luôn, hầu như hàng tháng. Tiền lương của lính tuy không bao nhiêu, nhưng Lâm tiết kiệm dành dụm mang về cho mẹ để phụ giúp thêm kinh tế gia đình, cuộc sống bây giờ xem như đã ổn định. Không còn thấy nét lo âu trên khuôn mặt cha mẹ nữa, nên Lâm cũng cảm thấy yên tâm.

Gặp vận may mà gia đình Lâm thoát khỏi vùng chiến tranh tàn khốc, để bây giờ được an cư và Lâm có thêm một niềm tự hào là mình cũng đã có cơ hội đóng góp vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Tình đồng đội dần quen đã đem đến cho Lâm nguồn an ủi lúc xa nhà. Lâm tự nhủ biết đâu trong hoàn cảnh lưu lạc này, đã cho mình một cuộc sống đầy ý nghĩa hơn. Biết đâu bây giờ còn sống ở ngoài quê, rồi đến tuổi nghĩa vụ thì cũng phải đi xa, nhưng có thể đi xa hơn bây giờ nữa là khác. Lâm cảm thấy thỏa mãn với những gì đang có, và thậm chí cảm tạ ơn trên đã ban cho gia đình Lâm một cuộc sống tốt đẹp như hiện tại.

Lúc này thì Lâm đã thực sự vững chãi rồi, đời lính cũng đã dạy cho Lâm thêm những kinh nghiệm sống, cùng với những cảm xúc về đời sống tình cảm. Sự trưởng thành này là hoài vọng mà cha mẹ chàng luôn ôm ấp, nhất là mẹ chàng đang dấu kín niềm vui, sau khi thấy sự báo hiệu hiện tượng tốt đẹp đang đến với Lâm. Nhưng vào nơi đây, hoàn cảnh xa lạ cũng như chưa có cơ hội để

tìm kiếm ý trung nhân, mặc dù Lâm cũng đã gần đến tuổi “chỉ lập” rồi mà vẫn còn long bong.

Những lúc Lâm về nhà, mẹ thường chuyện trò với anh ta để đo lường sự trưởng thành của con. Có lần chợt dung mẹ hỏi Lâm:- Con còn nhớ con Lan không? Câu hỏi bất chợt khiến Lâm không che dấu được tâm sự của mình, nên trở thành vụng về và ngớ ngẩn. Mẹ đã thấy trọn vẹn cử chỉ đáng yêu của Lâm khi vô tình thú thực với mẹ tất cả những gì đã dấu kín trong lòng, khiến mẹ mỉm cười và cảm thấy lòng rộn lên một niềm vui. Như trước đây, thỉnh thoảng mẹ cũng đã trải nghiệm tình cảm của Lâm có ghi lại một chút kỷ niệm tuổi thơ nào không, nhưng lần nào thì bà cũng thấy thất vọng!

Bây giờ thì Lâm đã thú thật với những cảm giác xao xuyến mỗi lần nhắc lại kỷ niệm tuổi thơ của mình. Và tình cảm đối với Lan cũng đã bắt nguồn trong xa vắng, niềm nhớ nhung về một người bạn học ngày xưa, tuy chưa có một dấu ấn nào rõ rệt, để xác định đó là tình yêu đôi lứa.

Nên đã mấy lần Lâm đánh bạo viết thư về thăm Lan, nhưng không biết phải viết gì. Cũng như thời điểm này đường về miền Trung hay bị đặt mìn, khủng bố những đoạn đường mất an ninh, nên thư từ không thể gửi về được. Tin tức mỗi xa dần và đi vào quên lãng.

\*

Thế rồi cuộc sống đầm ấm hạnh phúc, tuy như tạm thời ấy cũng không còn dừng lại với gia đình Lâm, với tất cả mọi người ở miền Nam. Mà giao động trở lại khốc liệt hơn, một cuộc chiến kết thúc vào ngày 30.4.75. Người người chạy đi tìm đường sống, lính tráng thì rã ngũ tan hàng. Cảnh hỗn loạn kéo dài mấy tuần lễ, khiến cho nỗi lo âu của mọi người dần dần trở nên nghèn lỏi. Không biết chọn lựa gì đây, đành để cho cuộc đời chày trôi theo dòng định mệnh. Gia đình Lâm ở cách thủ đô Sài Gòn non trăm cây số, thế mà cảnh khủng hoảng còn lan đến. Mấy tuần trước thì dòng người từ cao nguyên đổ xuống, bây giờ đến thành phố tan tác chạy về.

Tình trạng gia đình Lâm cũng không thoát khỏi định luật ấy, ba mẹ của Lâm thì rút vào trong nhà, chờ đợi con trở về. Và mấy ngày hôm sau thì Lâm đã trở về thật, mẹ con ôm nhau mà nước mắt dàn dụa...



## HẢI ĐĂNG

Em vẫn để đêm khuya đèn cháy sáng  
Như hải đăng định hướng kẻ quay về  
Người thủy thủ bình bồng cùng sóng bể  
Thấy ấm lòng khi bão dậy trùng dương

Đèn lung linh soi mỗi sào vô lượng  
Ôm vai gầy xoa dịu nỗi lẻ loi  
Hiên nhà xưa tưởng ai lên tiếng gọi  
Chỉ gió rung, cây rụng lá hàng hàng

Anh đi rồi, ngày lên đèn vẫn sáng  
Như quan tâm mang hơi ấm vỗ về  
Thềm vòng tay đoàn viên mất nhòa lệ  
Kiếm tìm người lạc lõng giữa rừng mưa

Lạnh xuân thì không én bay ngoài cửa  
Gió vô tình đem giá rét ngày đông  
Chúc người đi bình an qua biển rộng  
Đèn phòng em vẫn sáng lửa niềm tin.

## Lý Hiểu

Va 1/2009

Tiếp theo mấy tuần sau nữa tình hình ổn định trở lại, thì người ta lại đua nhau chạy trốn ngã khác. Người có tiền của thì tổ chức các cuộc vượt biên, người nghèo khó thì lại trở về quê quán để sinh sống.

Mấy tỉnh nơi đây phần lớn là người di cư từ miền Bắc vào năm 1954, nên họ đã có nhiều kinh nghiệm với cộng sản, họ đã tìm đủ mọi cách để xa lánh với chế độ đang đến, mà họ biết chắc chắn là không bao giờ có tương lai khi ở lại.

Trong cảnh chạy loạn ấy, lại một lần nữa khiến cho ba mẹ của Lâm vô cùng lo âu. Mặc dù đã trải

qua bao cảnh hải hùng như vậy, nhưng lần này ai nấy cũng đều tuyệt vọng.

Trước tình thế như vậy, gia đình Lâm bàn luận với nhau những điểm lợi hại, hơn kém của việc ở lại hay trở về. Mẹ của Lâm thì cho rằng tuy nơi đây cũng dễ sinh sống, nhưng suy lại cho cùng thì không nơi nào bằng quê hương chúng ta hết cả. Ở đây cũng cày cuốc, sản xuất ra của cải để tiêu dùng; về ngoài quê cũng phải làm lụng để kiếm cái ăn cái mặc. Nhưng về ngoài mình thì còn có bà con làng xóm, để hôm sớm có nhau. Còn nơi đây thì tứ cố vô thân biết lấy ai nương tựa.

Lâm đồng ý với mẹ và cũng còn thêm niềm hoài vọng bấy lâu nay ôm ấp trong lòng, tuy Lâm không bao giờ thổ lộ cho ai biết cả, nhưng hy vọng thì vẫn luôn giấu kín trong nỗi chờ.

Còn ba thì khi nghe mẹ Lâm giải thích hợp lý như vậy, ông không thêm ý kiến gì nữa. Nhưng ông cũng yêu cầu là nên ở lại một thời gian ít nhất là một năm, để giải quyết tất cả những hoa màu đã trồng trọt. Bán hết tất cả những gì đã tạo dựng mấy năm nay, để khi về chỉ mỗi người xách một xách tay quần áo mà thôi.

Trước khi trở về, Lâm không quên viết thư báo tin cho Lan biết và hứa hẹn sẽ dành nhiều sự ngạc nhiên, cũng như ngầm bảo người đầu tiên sẽ đến thăm chính là nàng. Lâm cũng chỉ viết vồn vện vài hàng vậy thôi, chứ chưa biết tình trạng như thế nào vả lại giữa hai người chưa có điều gì hẹn ước.

\*

Lan nhìn ra đầu ngõ, thấy bóng dáng Lâm đang đi đến mà nghe lòng xao xuyến lạ. Cái cảm giác mà Lan không biết nên vui hay buồn, nên đón chờ hay chạy trốn? Vì biết rằng hiện tại nàng đã lỡ làng, không còn gì nữa để đợi chờ! Bao nhiêu nỗi niềm chợt đến khiến cho Lan có cảm tưởng như đây là một tai nạn sắp sửa giáng xuống cho đời nàng, cho cuộc đời hẩm hiu mà nàng đã trải qua và gánh chịu.

Như không bao giờ nghĩ đến ngày còn có thể gặp lại người bạn xưa, tuy chưa có lời ước hẹn nhưng hình như trong lòng của hai người đã ngầm trao nhau những lời hẹn biển thề non. Vì hoàn cảnh trở trêu phải đôi ngã phân ly, cho nên chưa bao giờ có thể nghĩ đến sẽ có một cuộc trùng phùng như thế này.

Tháng trước, Lan nhận được thư của Lâm cho biết ngày nầy sẽ về thăm. Vón vẹn mấy lời ngắn ngủi nhưng cũng đã khiến cho Lan thêm dài chờ mong hình bóng của một người bạn mà gần như đã mất hút trong tâm mình sau những tháng ngày chia xa. Tuy chưa có một chút gì để ràng buộc, để đợi chờ..., chưa có một lời giao ước, nên cũng không có trách nhiệm tinh thần, cần phải đáp ứng cho phải đạo. Suy nghĩ của Lan không phải là không có lý, vì khi chia tay Lâm không để lại lời hứa hẹn nào, ngoài lời từ giả thường tình.

Nhưng dù sao thì Lan vẫn cố gắng tạo ra vẻ thân nhiên đón Lâm như một sự bình thường, sau khi đã dấu kín tất cả những nỗi niềm vào trong ngăn kéo ký ức, để cho ngày về của Lâm không đến nỗi quá bề bồng. Lan cố gắng trang điểm cho ngày trở về của Lâm còn mang một ý nghĩa hồi sinh. Để cho Lâm được tìm lại một quãng đời dĩ vãng, dù chỉ những mảnh vụn còn sót lại trong ký ức nhạt mờ.

Lan đã mừng tương được những hoài vọng của Lâm khi nàng nhận được thư Lâm cho biết chàng sẽ trở về. Lan đã hết sức cố gắng để cất lên tiếng chào.

-Anh Lâm mới về? Sao dì và ba của anh có khỏe không? Đi đường có mệt lắng không?

-Ừ, thì từ từ từng câu hỏi, chứ dồn dập như rứa thì mần rãng trả lời cho kịp?

-Tại mần rãng bây chừ gia đình anh mới về?

-Vì gia đình anh phải thanh toán hết tất cả những gì đã tạo dựng nên, đem đi bán hết mới trở về được.

-Vào trong ấy anh Lâm có được những gì mới mẻ không?

- Chẳng được gì hết, vì vào đó nơi chốn đất lạ quê người...

-Và bây giờ anh lại trở về với làng quê nầy với hai bàn tay trắng?

-Đúng thế, vì anh nghĩ không nơi nào có thể cho mình nguồn mền yêu, như nơi vùng quê mà mình đã lớn lên với biết bao nhiêu điều...

-“Vậy mà em cứ tưởng anh đã quên đi tất cả! Vì vào trong ấy gặp nhiều điều mới lạ, và cũng đã gặp...”

-“Chuyện đời thường là vậy, sao với anh thì lại cứ long đong?”

-“Nhưng tại sao em là người đầu tiên được anh đến thăm?”

-“Vì em đã nói câu chờ...”

-“Răng chừ rứa?”

-“Từ ngày anh bước chân đi... *đôi ta cùng đứng bên hàng tường vi. Em nói rằng em sẽ đợi tôi...*”

-“Ồ... nói hay chưa! Đó chỉ là câu hát”.

-“Nhưng sao có câu hát trùng hợp với tình cảm của chúng ta như vậy, không lẽ em đã chưa bao giờ nghĩ đến nội dung của câu hát chăng? Em biết không câu hát ấy đã một lần thoát đi từ một người, và đã đậu lại trong lòng anh lâu. Đến nỗi anh cứ tưởng như đây là một lời thề nguyện, như một bằng chứng hy vọng, để ước mơ, để đợi chờ...”

Nghe Lâm nói một thôi, như một chuỗi trách móc vu vơ. Như muốn níu kéo những lý do để biện minh cho thời gian chia xa. Vì ngày xưa, Lan cũng đã chờ đợi câu nói ấy, nhưng chưa bao giờ được nghe Lâm nói đến.

-Xin lỗi anh, hồi ấy em không định hát câu ca mong chờ, vì anh đã không ngờ ý... “À mà răng bữa ni nghe anh ăn nói lưu loát như rứa, mà ngày xưa thì luôn cầm cái miệng hén lại, như không muốn chia sẻ với ai một điều chi cả.”

-Lâm nghe Lan nhận xét cái “anh chàng Lâm” của ngày xưa, thì đâm ra thẹn thùng và nghĩ rằng câu hỏi ấy như ngấm trách móc những ngày rất xa, đến bây giờ mới hiểu ra, đến bây giờ mới nghe đến. Khi Lâm biết tình cảm mà Lan đã dành cho Lâm chỉ đơn sơ nhưng là một trời thăm thăm dấu kín trong lòng, nên Lâm phân trần:

-Thì ngày xưa anh đâu có ngờ rằng, sẽ có ngày chúng ta phải đối ngộ, nên khi nghe em đã nói thì anh không còn thắc mắc gì nữa, chỉ biết ghi lòng...

-Xin lỗi anh, vì lúc đó em không biết nói gì, đành phải nhâm nhi câu hát, mà lòng em không dám ước hẹn. Vì hình như anh không một mảy may muốn chạm đến cõi lòng em đang chơi vui, đang chờ đợi một người mà em hằng ôm ấp trong lòng. Để em được bám víu, được che chở và hy vọng được sống trong khung cảnh yêu thương.

-Anh cũng xin lỗi em vì thườ ấy thấy cuộc đời đang còn đong đưa như giọt nắng, chưa biết tương lai sẽ như thế nào. Vả lại chuyện đời anh cũng chưa biết gì nhiều, nên đâu dám đón ngộ đưa đường, hay buông lời hẹn ước...

- Lan cúi xuống như dấu một nỗi niềm. Ngày ấy tuy đã xa rồi, nhưng trong lòng vẫn còn ghi nhớ những điều...

\*

Câu chuyện giữa hai người chợt dừng lại khi thấy đứa bé gái từ ngoài ngõ chạy vào gọi mẹ. Lâm hết dỗi ngạc nhiên, như tất cả những ý tưởng đang khựng lại, những nỗi ước mơ thầm kín bấy lâu nay đang tan vỡ thành từng mảnh vụn. Như áng mây mù đang phủ xuống giăng kín niềm hy vọng mà Lâm đã ôm ấp, đang nâng niu, trong khi Lan vẫn điềm nhiên nói với con bé rằng:- Con hãy đến chào cậu Lâm đi con, và nàng giới thiệu đây là con của em, rồi bắt đầu tiếp tục kể chuyện:

-Ngày anh đi rồi, thì non tháng sau mẹ em ngã bệnh, trong nhà chỉ một mình em đơn chiếc, thật bối rối không biết phải tính sao, thì anh Hậu xuất hiện. Chắc anh còn nhớ anh Hậu? Anh ấy ở làng trên, cùng học chung với chúng ta một thời. Anh ấy đến thăm và có ý muốn giúp đỡ đưa mẹ em đi bệnh viện. Trong tình cảnh như vậy nên em đành phải nhờ vả anh ấy, cầu mong mẹ qua cơn nguy biến. May nhờ anh Hậu mà mẹ em được bình phục sau một thời gian ngắn.

Đâu ngờ mấy tháng sau, anh ấy đưa mẹ đến thăm gia đình em với ý định cầu hôn (“có lẽ anh ta đã âm mưu từ lâu rồi mà em không biết đến”). Em chưa chuẩn bị tinh thần và không biết phải quyết định như thế nào, vì em nghĩ tình cảm không bao giờ lẫn lộn với những chuyện ân nghĩa mà người đời giăng ra như một thứ cam bẫy.

Nhưng nhìn đôi mắt cầu khẩn của mẹ, nhớ lại sự nhiệt tình của anh Hậu đã giúp mẹ qua khỏi cơn trọng bệnh, mà em thấy nao lòng... Cuối cùng đành chấp nhận một cuộc tình mà em chưa có cơ hội để dọn đường cho lòng mình gặp gỡ. Em vẫn chưa cảm thấy một chút xao xuyến nào, mỗi lần anh ấy đến nhà thăm em. Hình như em chưa có dịp để ghi dấu hình bóng và tình cảm của anh Hậu vào trong tim mình, nên em chưa có một cảm nhận thương yêu, của một người con gái trước ngưỡng cửa hôn nhân. Không biết Hậu có cảm thấy không, nhưng thâm tâm em vẫn cứ mãi cần rứt một điều là cho đến ngày bước chân về nhà chồng rồi mà lòng em vẫn dửng dưng. Không có một cảm giác trao truyền, chia

sẻ niềm hạnh phúc đến với anh ấy. Hay nói một cách khác là em chấp nhận cuộc hôn nhân này là để đền đáp công ơn của anh Hậu đã giúp đỡ gia đình em bước qua cơn hoạn nạn. Chứ em chưa chuẩn bị một tình cảm, một chút gì có thể khả dĩ làm hành trang cho người con gái trước khi về nhà chồng.

Chúng em làm đám cưới đơn sơ vì thời buổi chiến tranh, người người ly tán, gia đình khốn khó. Nhưng cũng chỉ được một năm, thì anh Hậu phải lên đường thi hành nghĩa vụ quân sự. Và cũng không may cho chồng em vẫn số. Không đầy một năm sau nữa thì được tin anh ấy hy sinh trên chiến địa Hạ Lào. Hoàn cảnh gia đình em thì mẹ em trở bệnh, đau rề rề hoài và năm sau bà cũng qua đời. Và từ đó em sống với con bé như nguồn an ủi duy nhất của em.

Bây giờ em mới cảm thấy ân hận, là sao em không giao trọn vẹn trái tim của em cho anh Hậu cất giữ, để bây giờ anh ấy ra đi còn có hành trang để đắp ấm, còn có kỷ niệm để nâng niu. Nghĩ lại thật tội nghiệp cho chồng em, một người con trai chân thành, nhiệt tình, và đã dành cho em trọn vẹn với tất cả tình yêu thương mà anh ấy có.

Lâm ngồi nghe Lan kể lại chuỗi đời của mình mà ngỡ tưởng như đang sống trong cõi mộng nào. Nghe lòng đang nhói lên một nỗi niềm đắng cay như không còn hoàn cảnh nào có thể hơn thế nữa. Lâm cảm thấy tội nghiệp cho Lan vô cùng, nỗi cùng khổ mà Lan đã chịu đựng gần mười năm nay, không có ai san sẻ, không có ai ủi an, không có ai đền bù chỉ một mình thu vào ngõ hẹp, nuốt trọn vào lòng những đắng cay cùng cực, những tiếc thương mất mát, một nỗi đời tàn phai khiến cho tâm hồn nàng trở thành chai đá.

Trong phút giây như thắp thoáng hư thực lẫn lộn, buồn tủi dâng cao lên tột đỉnh mây trời. Lâm cảm thấy thương Lan vô cùng, thứ tình yêu như gừng cay, muối mặn đã chín chắt, đã sàng lọc ra ngoài những bóng dáng của thị phi, những so đo hơn thiệt. Tình cảm mà Lâm dành cho Lan đã vượt lên trên tất cả những tính toán của đời thường, được gom lại từ những kỷ niệm ngày xưa, nó vọng lại những lời thầm chưa nói, nó chắt chứa những nỗi nhớ chia xa, nó hân hoan với phút giây đoàn

tụ..., những thứ ấy hợp lại đã ươm mầm cho cành hoa yêu thương chớm nở.

Lâm muốn nói với Lan lời an ủi, mong san sẽ bớt những buồn đau mà nàng đã gánh chịu. Nhưng không biết mở lời như thế nào. Nên lặng lẽ để cho thời khắc dâng lên một nguồn thương cảm ngập lòng. Nghe đòi đoạn cho tình đời mà thầm trách con tạo khéo đa đoan. Và tôn trọng giây phút đang trộn lẫn giữa thương đau và hạnh phúc đang hiện diện cùng một lúc với hai tâm hồn đã từng chung nhau khôn khó, đang hồi sinh trở lại trên mảnh đất quê hương của một thời chứa chan kỷ niệm.

Chợt Lâm cầm tay Lan như mong muốn truyền qua một cảm giác chia sẻ, san sót những nỗi buồn của phận người, những hệ lụy đa mang, những khổ đau chồng chất lên đến ngợp người mà một mình Lan gánh chịu.

Lan để yên bàn tay trong tay Lâm như thầm cảm ơn và cúi xuống để cho hai dòng lệ tự do tuôn trào. Lan nghe lòng mình như ảm lại, tươi mát như cây cỏ sau cơn mưa đã gội sạch.

Nàng chợt nhớ đến một cuốn sách mà mình đã đọc lúc trước, một nhà văn nào đó đã viết: *“Những lúc nào mà bạn cảm thấy như đang rơi vào tình trạng khốn khổ nhất, đau thương nhất thì bạn hãy khóc lên, vì khi khóc nước mắt sẽ rửa sạch hết tất cả những bụi bặm đang bám trong hồn bạn, khiến cho bạn dịu bớt cơn đau”*.

Lan được an ủi bởi những giọt nước nhiệm màu kia đang rơi xuống, đang xoa dịu dần những vết thương đau, những nỗi buồn thân phận hẩm hiu của đời nàng. Khiến cho cõi lòng dâng lên một nguồn cảm vui sướng, tưởng như đang chìm đắm trong biển hạnh phúc vô biên.

Ngoài kia cánh đồng trải dài, gió xuân đang nhẹ lướt trên tóc lúa xanh non, dưới làn mưa xuân phơi phới mà tưởng chừng như mái tóc con gái đang trải xuống nguồn mến yêu khiến cho mỗi cảm hoài cũng lắng xuống, nhẹ nhàng như được trút hết bao phiền muộn, vui đi những lo lắng của tháng ngày chia xa.

Chàng như thầm với mình là nên cảm ơn đời, dù sao thì hình như tất cả vẫn còn. Lan vẫn còn mặn mà duyên dáng, đầm thắm dịu dàng như ngày nào.

Lâm mơ hồ như đang hình dung lại những ngày nào, thấy bóng dáng của Lan từ rất xa đang hiện đến, với đầy đủ nét duyên dáng mà ngày xưa mẹ mình đã nhận xét: “khuôn mặt bánh đúc, nước da bánh mật...” người con gái có cái duyên thầm ấy, đã một thời chiếm trọn cảm tình của mẹ, và bây giờ đã giúp cho chàng tìm lại nguồn cảm yêu thương, nên thấy đời không còn cô độc như tháng năm mong chờ... ▪

**Trần Đan Hà**  
Reutlingen. Germany



**BÁC SĨ**

**NGUYỄN QUỐC QUÂN**

**CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA**

4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

**KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN**

